GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 1 - 3 - 2023 Phật lịch 2566

TẠP CHÍ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

SỐ 406

ISSN 2734-9128

DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

CÔNG ĐỨC TỔ PHI LAI CHÍ THIỀN TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO MIỀN NAM

QUAN ĐIỂM DUY TUỆ THỊ NGHIỆP TRONG ĐẠO PHẬT VÀ Ý NGHĨA TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO 406 THÁNG 3 - 2023 ■ PHẬT LỊCH 2566

Tâm vô yểm túc,
Duy đắc đa cầu,
Tăng trưởng tội ác.
Bồ tát bất nhĩ,
Thường niệm tri túc,
An bần thủ đạo,
Duy tuệ thị nghiệp.

(Kinh Bát Đại Nhân Giác)

TẠP CHÍ
VĂN HÓA
PHẬT GIÁO
ISSN 2734-9128

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT.TS. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ.TS. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành
Liên hệ **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
0886 424 842

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 304/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

CHỦ ĐỀ: DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

6 Trí tuệ là yếu tố tiên quyết của người xuất gia (Tỳ kheo Ni Thích Nữ Chơn Khương)
10 Tuệ giác: Ánh sáng và con dao (Võ Quốc Việt)
16 Quan điểm Duy tuệ thị nghiệp trong Đạo Phật và ý nghĩa trong xã hội Việt Nam hiện nay (Phạm Ngọc Kiên)
24 Sự cần thiết của việc nhận thức đúng về Đức Phật (NCS. Lê Tấn Lộc)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

32 Công đức Tổ Phi Lai Chí Thiền trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam (HT. Thích Thiện Nhơn)
38 Tổ Chí Thiền - Tinh thần nhập thế qua thế hệ kế thừa (HT.TS. Thích Huệ Thông)
50 Công nghiệp hoằng pháp của Tổ Chí Thiền đối với công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam (TT.TS. Thích Phước Đạt)
60 Đóng góp của HT. Như Hiển Chí Thiền cho đạo pháp và dân tộc Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX (ĐĐ. Thích Thiện Mãn)
66 Phật giáo Việt Nam trong chuyển đổi số: mấy suy nghĩ và kiến nghị (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

72 Tổ đình Phi Lai: Huyền tích, Phật tích và di tích kiến trúc văn hoá độc đáo (ĐĐ.TS. Thích Minh Ân)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

82 Quan niệm về A-la-hán trong Kinh điển Đại thừa Phật giáo (SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ)
90 Tìm hiểu hạnh nguyện Bồ tát qua góc nhìn Kinh Lăng Già (SC. Thích Nữ Thanh Hảo)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang

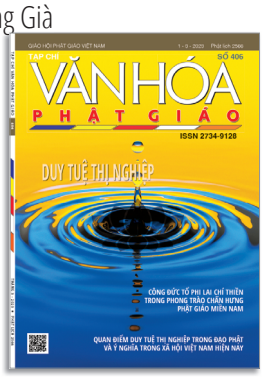

Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

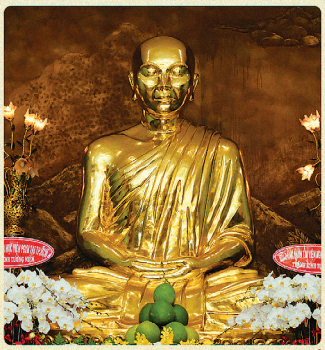

TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI TƯỞNG NIỆM 69 NĂM VẮNG BÓNG TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI TƯỞNG NIỆM QUỐC SƯ PHƯỚC HUỆ
VÀ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH BẢO AN

TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI TƯỞNG NIỆM HÚY NHẬT LẦN THỨ 50
ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH KHIẾT

TƯỞNG NIỆM ĐỨC ĐỆ NHỊ PHÁP CHỦ GHPGVN ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM TỊCH

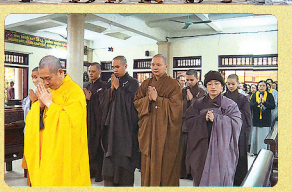

TƯỞNG NIỆM CỐ ĐẠI LÃO
HÒA THƯỢNG
THÍCH THANH SAM
PHÓ PHÁP CHỦ HĐCM GHPGVN

ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN CH ẤN ĐỘ TẠI VIỆT NAM SANDEEP ARYA THĂM ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN VÀ HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HĐTS GHPGVN

BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH NHIỆM KỲ IX HỌP PHIÊN THỨ NHẤT

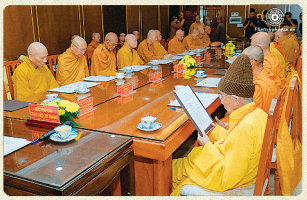

BAN HOẰNG PHÁP TRUNG ƯƠNG CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH VÀ RA MẮT NHÂN SỰ NHIỆM KỲ IX (2022-2027)

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN

THƯ TÒA SOẠN

Thân gửi quý độc giả!

Trong Kinh *Phật thuyết Bát Đại Nhân Giác*, Đức Phật dạy rằng, bậc Bồ tát cần *"thường niệm tri túc, an bần thủ đạo, duy tuệ thị nghiệp"* (thường nghĩ đến việc biết đủ, yên trong cảnh nghèo mà giữ đạo, chỉ lấy việc đạt đến tuệ giác làm sự nghiệp đích thực của mình).

Chữ *"Tuệ"* là trí tuệ giúp con người nhận biết và hiểu rõ chính pháp, hiểu được những giáo lý cơ bản mà Đức Phật chỉ ra, hiểu rõ quy luật của trời đất vốn vô thường, vô ngã, là duyên sinh - duyên khởi, là nhân quả - nghiệp báo. Với trí tuệ đó, con người ta mới rũ bỏ mọi phiền não, đau khổ, đạt được giải thoát, giác ngộ.

Từ đây nhìn ra, chúng ta thấy *"Duy tuệ thị nghiệp"* là lấy việc đạt đến tuệ giác làm sự nghiệp đích thực của đời mình. Hay đơn giản là mỗi người phấn đấu rèn luyện, nâng cao trí tuệ, hiểu biết đầy đủ, có nhận thức đúng đắn làm sự nghiệp chính cả đời. Giáo lý nhà Phật chỉ ra rằng của cải, vật chất như bèo dạt mây trôi, không có gì bền vững. Đó là lẽ vô thường của tạo hóa vì tài sản sinh ra rồi cũng sẽ mất đi. Chỉ có sự hiện quán về Chánh pháp, an trú vào phạm hạnh mới mang lại chân giải thoát cho chúng ta.

Có thể nói, Phật giáo là một nền giáo dục rộng lớn đầy trí tuệ, đạo đức nhằm giáo dục con người nhận thức đúng đắn về các quy luật của thế giới. Trí tuệ đạt từ kinh điển hay sự thực chứng sẽ đảm bảo cho sự tồn vong của Đạo Phật. Dù có trải qua muôn ngàn cơn pháp nạn, nhưng hễ một khi hạt giống tuệ giác còn nảy mầm thì nó vẫn phát triển thành khu rừng tư tưởng Phật giáo. Một khi đã xác định được *"Duy tuệ thị nghiệp"*, tự nhiên tâm sẽ tĩnh, dần bớt đi sự tham chấp trên đời.

Để cùng bàn sâu rộng hơn về nội dung này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 406 với chủ đề *"Duy tuệ thị nghiệp"*. Qua đây, chúng tôi hy vọng sẽ giúp những người học Phật luôn tự răn mình phải lấy việc nâng cao trí tuệ làm sự nghiệp của cuộc đời.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

DUY TUỆ
THỊ NGHIỆP

Trí tuệ là yếu tố tiên quyết của người xuất gia

Tỳ kheo Ni Thích Nữ Chơn Khương

TUỆ CĂN LÀ TỐI THƯỢNG

Đối với người thế gian, tài sản quý giá nhất của họ chính là gia đình, của cải vật chất, công danh sự nghiệp, nhưng với người xuất gia thì đó là trí tuệ. Người xuất gia là người thực tập đời sống ly dục, lặng lẽ lội ngược dòng của trần thế, đó là cả một cuộc đấu tranh nội tâm đầy oanh liệt mà họ là những dũng sĩ tuyệt vời vì đã, đang và sẽ nỗ lực đánh bại những cám dỗ dục lạc của thế gian cùng tất cả phiền não ngủ ngầm trong tâm thức. Con đường đó tuy vô vàn thử thách, khó khăn nhưng những Sa môn Thích tử vẫn phát nguyện trọn đời đi theo con đường của đức Như Lai *"thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh"*.

Trong Kinh Sala Đức Phật có dạy rằng: *" Này các Tỳ kheo, ví như trong các loài bàng sanh, con sư tử - vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ"* [1]. Thật vậy, để đạt đến sự giác ngộ giải thoát thì trí tuệ được xem là tối thượng, cũng như trong Bát chánh đạo, chánh kiến được xếp đầu tiên. Bởi lẽ phải có cái nhìn và sự nhận biết một cách đúng đắn, không bị phong tục tập quán, thành kiến xã hội, dục vọng ngăn che làm sai lạc thì chúng ta mới thực hành đúng con đường chánh pháp của Đức Thế Tôn. Và trong bài Kinh Ánh sáng, Đức Phật cũng đề cập đến ánh sáng trí tuệ như sau: *"Này các Tỳ kheo, có bốn loại ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa và ánh sáng trí tuệ. Và này các Tỳ kheo, loại tối thượng trong bốn loại ánh sáng là ánh sáng trí tuệ"* [2].

Đạo Phật là đạo trí tuệ giúp chúng ta tự hoàn thiện nhân cách của bản thân, tiến tu đạo nghiệp hướng đến sự tịch tĩnh, an lạc và giải thoát Niết Bàn (Nibbāna). Và Trí tuệ được ví như chiếc bè phương tiện đưa chúng sanh từ bến bờ vô minh sang bến bờ giải thoát, từ phàm đến thánh.

Mỗi hành giả tu học phải có cái thấy biết đúng như thật về bản chất của các pháp là duyên sinh để cố gắng thúc liễm thân tâm bằng giới hạnh, phòng hộ 6 căn khi tiếp xúc với 6 cảnh, sống chánh niệm tỉnh giác thì mới xứng đáng là đệ tử của Thế Tôn. Tuy con đường này không hề dễ dàng gì nhưng chúng ta hãy trân trọng ngay trong kiếp sống này để tu tập, vì đây là cơ hội quý báu cho việc thực hành thiện pháp (kusala dhamma).

Trong Kinh Sala Đức Phật có dạy rằng: " Này các Tỳ kheo, ví như trong các loài bàng sanh, con sư tử - vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ".

Trí tuệ là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa giải thoát. Và để có được trí tuệ đó là một quá trình thực tu thực chứng, đây được ví như tiến trình tiêu hoá thức ăn, nhờ quá trình tiêu hoá này mà trí tuệ chúng ta được sanh khởi và thấy rõ thực tướng của vạn pháp như chúng đang là: khổ - vô thường - vô ngã và không bị ngọn lửa của ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thuỳ) trói buộc, thiêu đốt và chi phối thân tâm. Từ đó, chúng ta mới xa lìa, đoạn tận được khổ đau trong vòng sinh tử. Chính vì lẽ đó, Đức Phật dạy hàng đệ tử hãy lấy trí tuệ làm sự nghiệp của người xuất gia và có 3 loại tuệ (paññā) được đề cập trong *Trường Bộ Kinh* như sau:

Tư tuệ (Cintāmayā paññā)

Là trí tuệ phát sinh từ điều tự mình suy tư. Trong chú giải Aṭṭhakathā có giải thích rằng, trí tuệ phát sanh do tự mình suy tư mà không do nghe, do thấy, do học từ người khác, liên hệ đến nghiệp và quả của nghiệp, liên hệ đến trí tuệ về Tứ đế, hoặc liên hệ đến tam tướng của ngũ thủ uẩn trong khi làm việc, học tập và nghiên cứu cho cả người tại gia lẫn xuất gia.

Văn tuệ (Sutamayā paññā)

Là trí tuệ có được do nghe, do thấy, do học từ người khác, liên hệ đến nghiệp và quả của nghiệp, liên hệ đến trí tuệ về Tứ đế, hoặc liên hệ đến tam tướng của ngũ thủ uẩn trong khi làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tu tuệ (Bhāvanāmayā paññā)

Là trí tuệ phát sanh trong quá trình từ lúc quán xét tam tướng của ngũ thủ uẩn khi tu tập thiền minh sát (vippassana bhavana) để thấy rõ hiện trạng sanh và diệt của các hiện tượng tâm và vật lý (nāma rūpa) cho đến khi đạt được trí đạo (magga paññā).

TỲ KHEO LÀ NGƯỜI THỪA TỰ PHÁP CỦA NHƯ LAI

Hơn nữa, một vị Sa môn có trí tuệ là người phải tâm tâm niệm niệm luôn ghi nhớ lời di huấn mà Đức Phật đã dạy trước khi Ngài nhập Niết bàn là: Vị Tỳ kheo phải lấy Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya) làm thầy, phải y cứ vào Pháp và Luật lấy đó làm tài sản, làm hành trang quý báu của người xuất gia, chứ không phải lấy của cải vật chất của thế gian làm tài sản. Vì chúng chỉ là vật ngoài thân, nó là rắn độc dẫn chúng sanh luân hồi trong các cõi. *"Này các Tỳ kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật?"* [3].

Với mục đích xuất gia là tìm cầu sự giác ngộ và giải thoát, cho nên Đức Phật đã hướng dẫn các đệ tử của Ngài sống đời sống tịch tĩnh, tránh xa những nơi náo nhiệt, tìm nơi thanh vắng để tu tập. Lấy tinh thần *"thiểu dục tri túc"* làm nguyên tắc cho đời sống Sa môn phạm hạnh, dùng Bát chánh đạo

Và trong bài Kinh Ánh sáng, Đức Phật cũng đề cập đến ánh sáng trí tuệ như sau: "Này các Tỳ kheo, có bốn loại ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa và ánh sáng trí tuệ. Và này các Tỳ kheo, loại tối thượng trong bốn loại ánh sáng là ánh sáng trí tuệ." *(Ảnh: sưu tầm)*

làm kim chỉ nam [*chánh kiến (sammā ditthi), chánh tư duy (sammā sankappa), chánh ngữ (sammā vācā), chánh nghiệp (sammā kammanta), chánh mạng (sammā ājīva), chánh tinh tấn (sammā vāyāma), chánh niệm (sammā sati), chánh định (sammā samādhi)*] và Tam vô lậu học [giới *(silā)*, định *(samādhi)*, tuệ *(paññā)*], tứ Diệu đế làm nền tảng cốt yếu để tu học [*khổ đế (dukkha sacca): cần phải thấy, tập đế (dukkha samudaya sacca): cần được đoạn trừ, diệt đế (dukkha nirodha sacca): cần phải chứng ngộ và đạo đế (dukkha nirodhamagga sacca): cần phải thực hành)*].

Ngoài ra, trong tam vô lậu học thì chỉ có Tuệ mới có công năng đoạn trừ mọi phiền não (kilesa) và cắt đứt được vòng sanh tử luân hồi. Còn Giới là nếp sống đạo đức phạm hạnh, là nền tảng căn bản cho Định và Định là nền tảng thiết yếu và phương tiện để tiến sâu vào Tuệ giác. Cho nên phương châm tu học chính của mỗi người xuất gia là *"Duy Tuệ Thị Nghiệp"* tức lấy Trí tuệ làm tài sản cao thượng của Sa môn thì mới xứng đáng trở thành người kế thừa mạng mạch Phật pháp của đức Như Lai.

Bên cạnh đó, mỗi hành giả tu học phải có cái thấy biết đúng như thật về bản chất của các pháp là duyên sinh để cố gắng thúc liễm thân tâm bằng giới hạnh, phòng hộ 6 căn khi tiếp xúc với 6 cảnh, sống chánh niệm tỉnh giác thì mới xứng đáng là đệ tử của Thế Tôn. Tuy con đường này không hề dễ dàng gì nhưng chúng ta hãy trân trọng ngay trong kiếp sống này để tu tập, vì đây là cơ hội quý báu cho việc thực hành thiện pháp (kusala dhamma). Hãy tập buông bỏ mọi thứ vì nếu cứ chấp chặt và dính mắc đến ngũ dục thì e rằng đường sanh tử còn dài, phải nỗ lực hết mình để đoạn tận phiền não, đem đến sự an lạc thanh tịnh giải thoát ngay kiếp sống hiện tại cũng như trong những kiếp sống vị lai. Đây chính là mục đích rốt ráo của mỗi người con Phật.

KẾT LUẬN

Đạo Phật là đạo trí tuệ giúp chúng ta tự hoàn thiện nhân cách của bản thân, tiến tu đạo nghiệp hướng đến sự tịch tĩnh, an lạc và giải thoát Niết Bàn (Nibbāna). Và Trí tuệ được ví như chiếc bè phương tiện đưa chúng sanh từ bến bờ vô minh sang bến bờ giải thoát, từ phàm đến thánh. Người xuất gia để xứng đáng được gọi là *"Sứ giả Như Lai"* tức người mang trên mình sứ mạng hoằng truyền Phật pháp cứu độ chúng sinh thì phải phát huy được sự nghiệp trí tuệ, vì chỉ có trí tuệ thì mới giúp tất cả chúng sanh thoát ly khỏi tham dục, chấm dứt mọi khổ đau của vòng tử sinh luân hồi.

Chú thích:

[1] Tương Ưng Bộ V, Chương 4, Phẩm 6, phần Sālā, Nxb. Tôn giáo, tr.354

[2] Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Phẩm 15, Kinh Ánh sáng.

[3] Kinh Trung Bộ, Tập 1, Kinh Thừa Tự Pháp (Dhammadāyāda Sutta), tr.31-32.

Tuệ giác:
Ánh sáng và con dao

Võ Quốc Việt

NỀN TẢNG TUỆ GIÁC

Tuệ giác có giống như trí tuệ thông thường? Tuệ giác hay thánh trí không đơn thuần như việc ta nắm bắt định đề toán pháp hay nguyên lý cơ học. Hơn thế, trí tuệ hay trí huệ (Prajñā/ paññā) *"mang ý nghĩa sự hiểu biết phát sinh từ sự rèn luyện tâm linh, soi sáng bản chất của các pháp, và đạt đến đỉnh cao là sự thanh tịnh tâm và giải thoát tâm"* [1]. Do đó, việc thực hành và rèn luyện tâm linh giúp người cầu đạo đạt đến tâm thanh tịnh, dẫn tới giác ngộ. Như thế, nền tảng của tuệ giác trước hết ở chỗ rèn luyện nhằm an định và vững chãi tâm. Cũng tức là, tuệ giác bao hàm trong đó nghĩa lý nhận thức sâu sắc đúng đắn và quá trình tu tập, chứng nghiệm.

Và tuệ giác còn khác với tri kiến thông thường ở chỗ đưa tới giác ngộ. Tuệ giác hiểu đơn giản thể như phương thức thanh tịnh tâm và thanh tịnh tâm là điều kiện tiên khởi khai mở tuệ giác. *"Khi trí tuệ tiếp tục tăng cường và phát triển, nó thâm nhập càng lúc càng sâu hơn vào bản chất của vạn pháp, và đạt đến đỉnh cao với tri kiến đầy đủ trọn vẹn được gọi là giác ngộ (sambodhi)"* [2]. Rèn giới; tu tập định; và tuệ khai mở, hiệp thành con đường đưa tới khả thể giải thoát.

Vậy tuệ giác có phải mục tiêu cứu cánh chung trên đường giác ngộ? Đức Khổng Tử từng có ý: *"Chưa biết việc sống, đâu biết được việc chết"*. Đó là bám vào cái ý *"sống ở trong đời"* để thi hoạt cơ hội sống trải trên cõi thế gian. Đức Phật Thích Ca cũng có ý không luận bàn chuyện viễn vông. Hơn thế nữa, để khuyên giải chúng sinh sống cuộc hằng trải trong cõi thế gian thì, Ngài chỉ rõ bản chất của cõi thế gian, mà rộng hơn là

Tuệ giác hay thánh trí không đơn thuần như việc ta nắm bắt định đề toán pháp hay nguyên lý cơ học. Hơn thế, trí tuệ hay trí huệ (Prajñā/ paññā) "mang ý nghĩa sự hiểu biết phát sinh từ sự rèn luyện tâm linh, soi sáng bản chất của các pháp, và đạt đến đỉnh cao là sự thanh tịnh tâm và giải thoát tâm".

"Trí tuệ không đến với người không tập trung (tư tưởng)". Nền tảng tuệ giác trước hết ở an định tâm. Mầm tuệ giác nảy nở trên nền đất vững lành.

bản chất của vạn pháp. Ngài nhìn thấy chúng sinh lặn hụp trong bể trầm luân, cứ trở đi trở lại trong nỗi khổ niềm đau không dứt. Việc hằng sống cũng không rõ đâu cứu cánh, phương tiện, khiến cho đời sống u mê lầm lạc, tự trối chết trong cuộc đuổi bắt vô tri vô nghĩa. Lẽ đó trong Phật lý, việc sống trải không tách rời việc hiểu biết đúng đắn siêu vượt. "Tuệ" đưa tới "giác" là căn bản, nền tảng cho sự sống trải chân thực đúng đắn vậy! Tuệ giác cũng là một trong số những khác biệt căn bản của Đạo Bụt với truyền thống sùng bái (bhakti) của Ấn giáo. Chính vì thế, Đạo Bụt có thể nói đại để là con đường tuệ giác ở thì hiện tại tiếp diễn. Đạo và Đời không tách rời, ngược lại Đời là khả thể của Đạo.

Trí tuệ theo Phật lý không đơn thuần tư biện thuần túy. Ngược lại, *"trí tuệ được biết bằng cuộc đàm thoại"*. Sự cọ xát, trải để nghiệm của tri kiến khiến cho cuộc trui rèn thành tựu trí tuệ. Và trong cuộc trải và nghiệm ấy, khởi sanh "trực giác bằng trí tuệ". Ngược lại, chính điều này khiến trí tuệ trong cách hiểu Phật lý là tuệ giác, tức trí tuệ đưa tới giác ngộ, vượt lên tri kiến thông thường (vốn nhập nhằng trong thế nhị nguyên). Cũng vì thế, người có thánh trí tuệ thì xuất chúng vậy!

TUỆ GIÁC NHƯ ÁNH SÁNG XÓA TAN VÔ MINH

Theo lời Phật dạy: *"Này các Tỳ kheo, đây là bốn thứ ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa, và ánh sáng trí tuệ. Trong bốn thứ ánh sáng này, ánh sáng trí tuệ là tối thượng"* [3]. Vì sao trí tuệ là ánh sáng tối thượng? *"Đó là ánh sáng siêu phàm bởi vì nó soi sáng bản chất đích thực của các pháp và xóa tan bóng tối của vô minh"* [4]. Lửa thánh trí vừa soi sáng những góc khuất ung bế tắc tỵ, vừa thiêu đốt hoại diệt kiết sử tù đọng trong thân tâm. Bậc thánh trí với giới-định-tuệ trọn đủ như ngọn lửa, như nguồn sáng rực rỡ chói lọi.

"Xương ta mai trắng trong vòm lửa
Đốt cháy từ xưa mấy nghiệp tà".

Lửa thánh trí còn soi tỏ phần "tà độc" *asura* xâm hoạt trong trí tưởng. Cuộc soi tỏ ấy ví như người mù lòa được cơ hội sáng mắt, nhìn rõ mình-người-thế gian và vạn pháp. Bởi vì, ánh sáng lửa thánh trí vừa soi sáng vừa thiêu đốt "tam độc" đang gây hại khắp cõi thế gian nên thánh trí tuệ có thể xem như bài thuốc chạy chữa, hay phương tiện tiêu trừ hiện trạng suy đồi tâm tính hiện nay của nhân loại. Vấn đề *hậu nhân luận (Posthumanism)* của thời hậu hiện đại với quá trình *dã nhân hóa/khử nhân tính hóa (Dehumanization)* của xã hội đương thời có thể tìm lối thoát ở đâu ngoài việc khai thị thánh trí cho nhân sinh.

Muốn vậy, người phải tự trở thành ngọn lửa thiêng! *"Bậc minh triết nên làm cho tâm mình trong sáng khỏi đều dơ bẩn"* [5]. Sự cấu uế bợn nhơ ví như tấm màn che làm mờ mịt nhận thức, khiến cho ngã biệt càng thị oai tác quái, gây cớ sự nhiễu nhương và bạo động tâm linh. Bước đầu thức tỉnh tâm linh hẳn phải khởi

Và tuệ giác còn khác với tri kiến thông thường ở chỗ đưa tới giác ngộ. Tuệ giác hiểu đơn giản thể như phương thức thanh tịnh tâm và thanh tịnh tâm là điều kiện tiên khởi khai mở tuệ giác. *"Khi trí tuệ tiếp tục tăng cường và phát triển, nó thâm nhập càng lúc càng sâu hơn vào bản chất của vạn pháp, và đạt đến đỉnh cao với tri kiến đầy đủ trọn vẹn được gọi là giác ngộ (sambodhi)"*.

sự từ chỗ nhìn ra chân tướng u tối trong tinh thần. Tuệ giác là điều kiện/phương tiện cũng là trạng thái thành tựu sau khi ngã biệt/chủ thể tính vô minh bị nhận diện. Thế thì, tuệ giác là điều kiện tiên quyết hay kết quả hậu nghiệm, chỉ biết rằng tuệ giác trực khởi ngay khi u tối bao bọc ngã biệt tan biến. Hai sự thể ấy hầu như đồng thời.

Với khả năng soi tỏ vô minh u tối, diệt trừ mê lầm, trí tuệ còn quý báu hơn vàng ngọc sự sản. Bởi tài sản thường hại kẻ ngu dại, danh dự thường hại kẻ đê hèn. Chỉ có trí tuệ giúp nhận diện bản chất tài sản, danh dự, công trạng và tất cả các pháp, đấy mới thực là điều quý báu hơn cả công-danh-lợi. Cho nên, *"đến hết của cải, bậc trí tuệ vẫn an vui; nhưng thiếu trí tuệ dù có tài sản cũng không ở an được"* [6]. Giúp nhận diện bào ảnh mộng điệp, thánh trí tuệ cũng tức là chân giá trị của việc sống trải. Thánh trí tuệ rực rỡ như vầng dương, cao quý thanh tịnh như mặt nguyệt, lại đẳng trì-trực định như lửa tam muội.

TUỆ GIÁC NHƯ CON DAO ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

Vì sao tuệ giác được ví như *"con dao"*? Nghĩ tưởng tạo tác không ngừng như dòng nước cuồn cuộn về xuôi, đêm ngày không ngớt. *"Cổn cổn Trường Giang đông thệ thuỷ/ Lãng hoa đào tận anh hùng"*. Trong cuộc lao tác không thôi của ngã biệt trên cõi thế gian, các quan năng và niệm tưởng bó siết lấy nhau, không ngừng sinh triển, tạo ra cả thái bình ngày đêm sóng vỗ. Bể khổ chính ở cuộc ba đào niệm tưởng. Cuộc ba đào của ngã biệt lại còn liên tục bạo động bởi ái dục. Nhưng hễ biết ham muốn đang thực hiện sự ham muốn cũng chính là tách rời khỏi ham muốn. Sự biết-thấy như vậy ví như con dao cắt lìa *"phần thịt bên trong"*/nội tại với *"phần da bên ngoài"*/ngoại hiện, chặt đứt nguồn cơn và triệu chứng của ba đào bạo động. Phật dạy: *"Này các Tỳ kheo, ta cho ví dụ này là để nói lên một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: "phần thịt bên trong" để chỉ sáu nội căn. "Phần da bên ngoài" để chỉ sáu ngoại căn. "Dây chằng, gân, khớp bên trong" để chỉ lạc thú và dục vọng. "Con dao sắc bén của người đồ tể" để chỉ Thánh trí tuệ - Thánh trí tuệ này cắt, xẻo, tiện đứt những phiền não, kiết sử và hệ lụy thuộc nội tâm"* [7]. Tuệ giác phá vỡ các "mảng bám" dày đặc thành kiến, chấp nệ, ngu muội trong thân tâm. Nó ví như con dao hay búa tạ đập vỡ sự cầm tù và quyền bính của dục vọng khoái trá. Vô minh đưa tới khoái lạc; thánh trí đưa tới an lạc. Tuệ giác bứt dây cởi trói, vượt thoát như cánh chim ưng tự tại phóng khoáng giữa trời vô lậu, cũng tức là khả thể mở đường giác ngộ.

Bằng cách nào tuệ giác chặt đứt ái dục-vô minh? *"Tôi là con nai bị chiều đánh lưới/ Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối"*. Nào những u tối, muộn phiền, kiết sử, hệ lụy nội tâm ví như muôn vàn dây leo trói buộc. Nhưng bấy nhiêu dây leo ràng rịt cũng khởi sinh từ vọng tưởng của tâm. Muốn chặt đứt dây leo, trước phải chặt đứt dòng diễn hiện sinh khởi của tâm. Khi con người còn liên hồi vọng động giữa bốn bề u minh bao phủ, tức còn lầm lạc trong cánh rừng trần gian. Vậy làm thế

Với khả năng soi tỏ vô minh u tối, diệt trừ mê lầm, trí tuệ còn quý báu hơn vàng ngọc sự sản. Bởi tài sản thường hại kẻ ngu dại, danh dự thường hại kẻ đê hèn. Chỉ có trí tuệ giúp nhận diện bản chất tài sản, danh dự, công trạng và tất cả các pháp, đấy mới thực là điều quý báu hơn cả công-danh-lợi.

nào để lòng người đạt tới trạng thái thành toàn trọn đủ, không còn vọng động bạo cuồng! Cái gì dẫn đến bạo động, cái gì là chủ tể của sự bạo động? Tuệ giác từ chỗ nhận diện, soi chiếu bản chất đến tiêu trừ tâm bạo động. Nói cách khác, tuệ giác tiêu trừ ngã biệt, hay ảo tưởng về cái sự "tôi" (I-ness). Khai tâm/khai tuệ (hiểu một cách đơn sơ) chẳng khác gì vỡ mộng!

Cơn mơ dẫu kéo dài trăm năm vạn kỷ cũng là cuộc mộng. *"Kẻ vô trí tuệ không có tâm kiên cố, dù sống đến trăm năm cũng không quý bằng bậc trí tuệ trầm tư mặc tưởng sống một ngày"* [8]. Ấy là nói đến hữu tại chân thực của bậc thánh trí. Một trăm năm vô tri vô trí, thiết nghĩ, chẳng khác gì cội cây cục đá trơ trơ giữa hằng hữu du du miên man! Vậy nên, nghĩa lý hữu tại chân thực trước hết nằm ở nhận thức và tự nhận thức và hẳn nhiên nhận thức đúng đắn bản chất của hiện hữu, chứ không phải trương độ không-thời gian của hiện hữu. Vậy nên kẻ vô trí sở hữu cả hoàn vũ, sống trọn cả thiên niên, nghĩ cũng vô nghĩa vậy!

"Biển dâu sực tỉnh giang hà
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh".

Như lưỡi rìu khai thiên vén mở hồng hoang, như chớp giật đêm trường giông tố, thánh trí tuệ còn là *"con dao – một con dao sắc bén của người đồ tể - bởi vì nó chặt đứt xuyên suốt đống phiền não rối rắm và từ đó mở ra con đường giải thoát"* [9].

Để có thánh trí tuệ? *"Trí tuệ không đến với người không tập trung (tư tưởng)"* [10]. Nền tảng tuệ tác trước hết ở an định tâm. Mầm tuệ giác nảy nở trên nền đất vững lành. Thiền tập cũng như người nông phu lao tác chuẩn bị đất gieo trồng. Và đời sống phạm hạnh góp phần thuận duyên cho sự hành thiền. Nên nói, giới-định-tuệ là theo lẽ ấy! Bên cạnh đó, cần nhận thấy "tâm" (như ảo tưởng sự tôi/I-ness) vừa là nguy cơ quay cuồng điên đảo vừa là khả thể giải thoát hiếm có; ví như con dao vừa có thể tự sát vừa có thể chặt đứt gông xiềng tù ngục; như ngọn lửa vừa có thể thiêu đốt vừa có thể soi tỏ hồn người giữa đêm trường. Thấy vậy, có thể vượt qua cách biệt chia rẽ đôi đường!

"Lửa quanh đời đốt trắng hồn ta
Tâm tư bừng sáng nẻo đêm xa
Dậy thôi đời! Sao tàn trong vô tận
Vang dội u minh một tiếng gà".

Chú thích:

[1] [2] [4] [9] Bhikkhu Bodhi, Trần Như Mai (dịch) (2016), *Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh tạng Pali*, Hà Nội, Nxb. Hồng Đức, tr. 401.
[3] [7] Bhikkhu Bodhi, Trần Như Mai (dịch) (2016), *Sđd*, tr. 426.
[5], [6], [8] [10] Tỳ khưu Hộ Tông (1974), *Phật ngôn*, Saigon, Hiếu Minh ấn quán, tr.3, tr.11, tr.12, tr.10.

HOẰNG PHÁP Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"

Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp

Quan điểm Duy tuệ thị nghiệp trong Đạo Phật và ý nghĩa trong xã hội Việt Nam hiện nay

Phạm Thị Kiên*

Tóm tắt
Trong đời sống, có người nghĩ họ khổ nhưng không biết vì sao mình khổ, đó là do họ chưa đủ sự hiểu biết và trí tuệ. Trong hành trình rèn luyện tu dưỡng bản thân, sau quá trình lĩnh hội tuệ, ta sẽ nhận được nghiệp tốt đẹp hoặc nghiệp xấu. Đó là quá trình nhận thức của con người về cuộc sống và thực tiễn sẽ trả lời điều chúng ta làm là đúng hay sai. Điều này đã được Phật giáo chỉ dẫn từ hơn 2.000 năm qua. Ngày nay, quan điểm *"duy tuệ thị nghiệp"* vẫn là cơ sở để chúng ta nhìn nhận, đánh giá về tri thức con người trong sự phát triển xã hội. Bài viết này bày tỏ quan điểm *"duy tuệ thị nghiệp"* là yếu tố quyết định giúp mỗi người có những hành động đem đến kết quả tốt đẹp giúp xã hội phồn vinh, thịnh vượng. Từ đó, đưa ra cách thức xây dựng con người, lấy trí tuệ làm thước đo phát triển.
Từ khóa: Duy tuệ thị nghiệp, xã hội, Việt Nam, Đạo Phật.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội Việt Nam ngày nay đang chứng kiến nhiều thay đổi song song với sự phát triển con người. Trong quá trình đó, tri thức - tuệ của con người là yếu tố giữ vai trò quyết định với sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Trí tuệ là động lực, mục đích phát triển xã hội. Trên nền tảng đó, việc xem xét những giá trị tư tưởng đánh dấu nhận thức của con người trong quá trình tồn tại. Trong đó, Phật giáo là học thuyết đề cao tri thức con người với quan điểm *"duy tuệ thị nghiệp"*. Duy tuệ thị nghiệp dưới góc nhìn Phật giáo là tri thức nhưng không chỉ là kiến thức mà con người có mà còn đạt tới sự thấu hiểu trong quá trình nhận thức. Quan điểm này của Đức Phật mang ý nghĩa

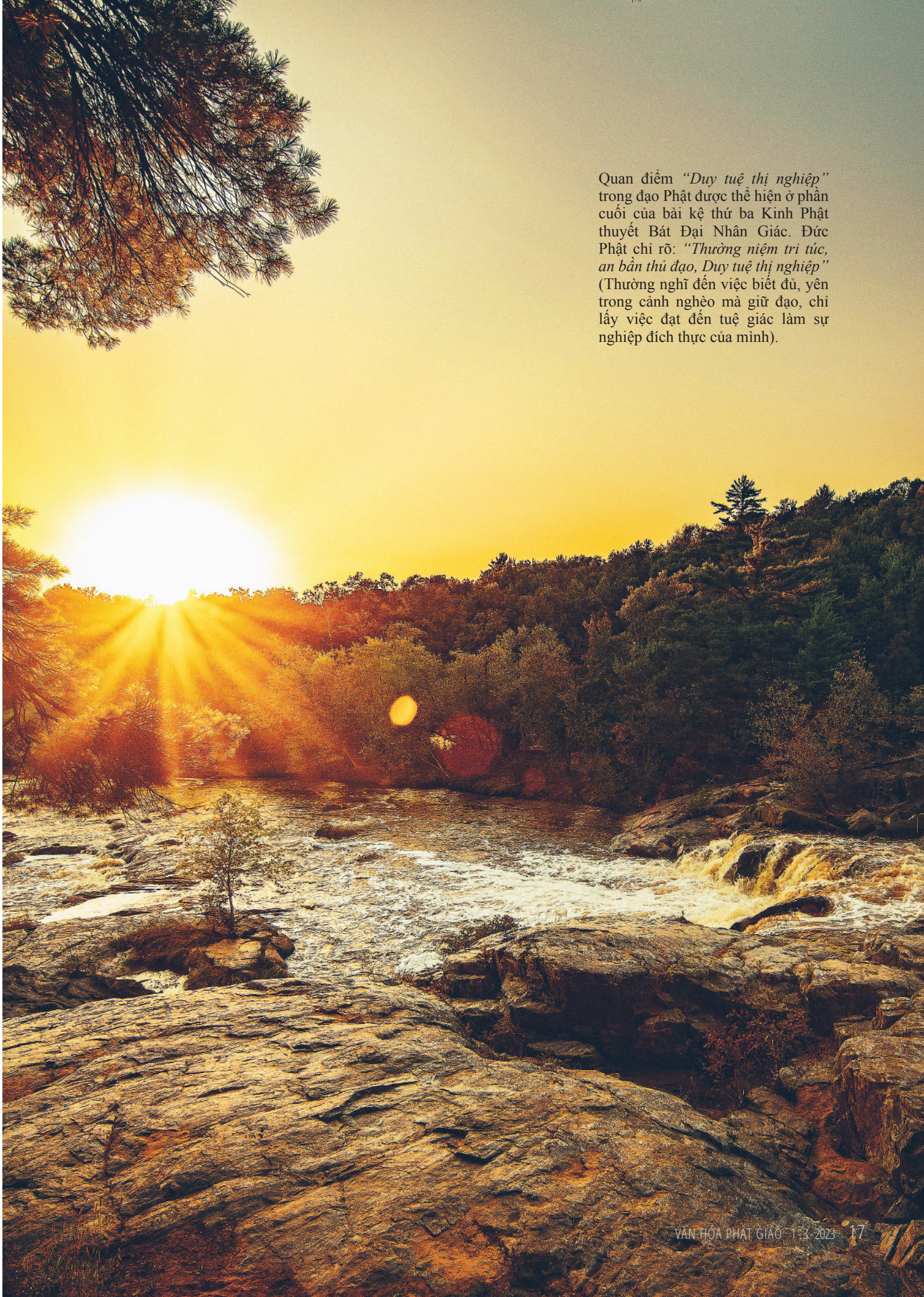

Quan điểm *"Duy tuệ thị nghiệp"* trong đạo Phật được thể hiện ở phần cuối của bài kệ thứ ba Kinh Phật thuyết Bát Đại Nhân Giác. Đức Phật chỉ rõ: *"Thường niệm tri túc, an bần thủ đạo, Duy tuệ thị nghiệp"* (Thường nghĩ đến việc biết đủ, yên trong cảnh nghèo mà giữ đạo, chỉ lấy việc đạt đến tuệ giác làm sự nghiệp đích thực của mình).

Nghiệp là kết quả có được thông qua việc làm, hành động trước đó mà hiện tại hoặc tương lai nhận lại kết quả. Do đó, nếu ta thực hiện học tập, vun trồng trí tuệ, gây thiện nghiệp sẽ đạt thiện quả là trí tuệ. Như vậy, *"Duy tuệ thị nghiệp"* là tập trung trí tuệ để làm những điều tốt đẹp thì tất yếu sự nghiệp sẽ gặp điều thiện mỹ. Hiểu theo nghĩa rộng hơn, *"Duy tuệ thị nghiệp"* là lấy tri thức làm sự nghiệp đích thực của đời mình.

quan trọng trong đời sống xã hội khi con người biết lấy việc học để xây dựng sự nghiệp.

1. QUAN NIỆM VỀ DUY TUỆ THỊ NGHIỆP TRONG ĐẠO PHẬT

Quan điểm *"duy tuệ thị nghiệp"* trong đạo Phật được thể hiện ở phần cuối của bài kệ thứ ba Kinh Phật thuyết Bát Đại Nhân Giác. Đức Phật chỉ rõ: *"Thường niệm tri túc, an bần thủ đạo, "Duy tuệ thị nghiệp"* (Thường nghĩ đến việc biết đủ, yên trong cảnh nghèo mà giữ đạo, chỉ lấy việc đạt đến tuệ giác làm sự nghiệp đích thực của mình). Quan điểm này mang ý nghĩa sâu rộng bởi tư duy trừu tượng, tức trong quá trình tư duy có sự cảm tính và lý tính.

Đầu tiên là Tuệ (Prajna, Panna): Tuệ là bát nhã, tri thức, sự hiểu biết. Tuệ trong Phật giáo gồm cả nhận thức cảm tính, lý tính nhưng nhấn mạnh tới kinh nghiệm, trải nghiệm trong cả quá trình. Tri thức có từ lâu trong lịch sử, từ khi con người bắt đầu có tư duy thì đã có tri thức. Tuệ như viên kim cương của nhà Phật, con người càng am hiểu sâu rộng nhiều vấn đề, lĩnh vực càng dễ thực hiện các mục tiêu bản thân. Một xã hội với nhiều người có học vấn cao thì càng phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng.

Hai là, nghiệp (Karma hay Kamma) ở đây là kết quả của những hành động, lời nói, hay ý nghĩ (thân, khẩu, ý). Nghiệp là kết quả có được thông qua việc làm, hành động trước đó mà hiện tại hoặc tương lai nhận lại kết quả. Do đó, nếu ta thực hiện học tập, vun trồng trí tuệ, gây thiện nghiệp sẽ đạt thiện quả là trí tuệ. Như vậy, duy tuệ thị nghiệp là tập trung trí tuệ để làm những điều tốt đẹp thì tất yếu sự nghiệp sẽ gặp điều thiện mỹ. Hiểu theo nghĩa rộng hơn, *"Duy tuệ thị nghiệp"* là lấy tri thức làm sự nghiệp đích thực của đời mình. Nâng cao trí tuệ là yếu tố quyết định làm sự nghiệp của đời người, muốn vậy phải phấn đấu rèn luyện để hiểu biết, nhận thức đúng đắn về hành trình tiếp thu tri thức trong sự nghiệp của mình.

Ba là, bản chất của mối quan hệ duy tuệ với thị nghiệp. Duy tuệ trong Phật giáo là quá trình tích lũy về tuệ, tất yếu sẽ mang lại kết quả là nghiệp tốt. Quan điểm này thể hiện quá trình phản ánh thực tại khách quan thông qua não bộ để đạt được tri thức. Và tri thức đó giữ quyết định tới tình cảm, niềm tin, ý chí trong việc hình thành ý thức của một chủ thể nào đó. Vì tri thức là cơ sở quan trọng của ý thức nên có tri thức tức là có tuệ, sẽ xác lập nên mục tiêu, kế hoạch từ năng lực tích lũy của đối tượng

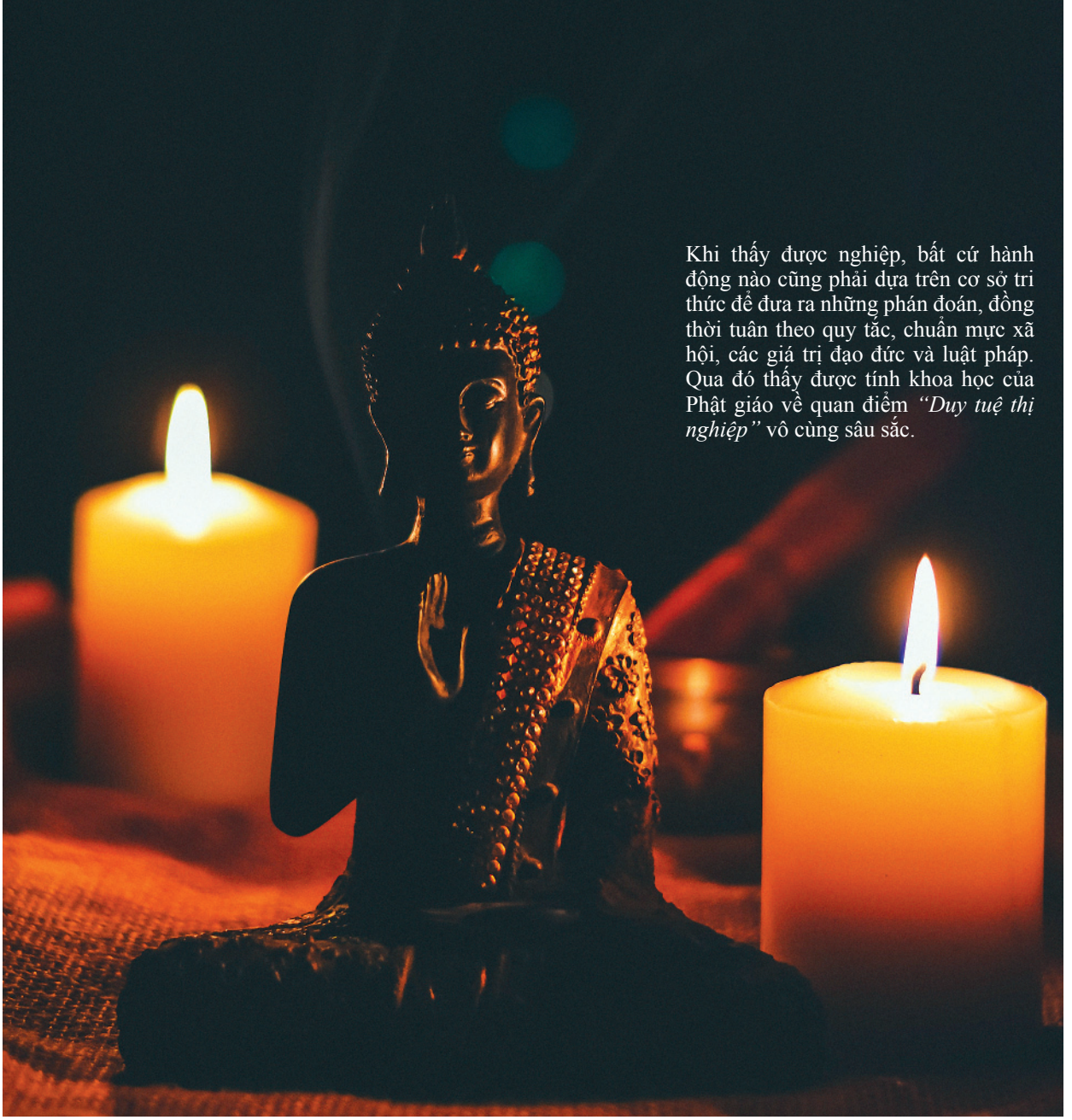

Khi thấy được nghiệp, bất cứ hành động nào cũng phải dựa trên cơ sở tri thức để đưa ra những phán đoán, đồng thời tuân theo quy tắc, chuẩn mực xã hội, các giá trị đạo đức và luật pháp. Qua đó thấy được tính khoa học của Phật giáo về quan điểm *"Duy tuệ thị nghiệp"* vô cùng sâu sắc.

nhận thức thực tại khách quan. Do đó, duy tuệ là tri thức gắn với quá trình phản ánh thế giới khách quan của ý thức.

Con người có tuệ, nhận thức tốt sẽ có khả năng làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân và không ngừng học hỏi để đóng góp cho xã hội. *Học là học đạo làm người/ Con đừng lêu lổng kẻ cười người chê.* Khi con người có tuệ, cuộc sống sẽ biết cách sống theo chuẩn mực đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của thế hệ đi trước để lại. Tri thức cộng đồng được hình thành nhờ sự tiếp thu và học hỏi qua bao thế hệ, tạo nên một xã hội văn minh. Đức Phật đáp rằng: *"Tất cả chúng sinh đều mang theo cái nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi chúng sinh mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa các chúng sinh"* (Theo Trung A-hàm, Kinh Anh vũ, 170; Trung bộ Kinh, Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, 135). Và trong Kinh Tăng chi bộ, Đức Phật đã khẳng định: *"Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào sẽ tạo, thiện hay ác. Ta sẽ thừa tự nghiệp ấy"*.

Ngày nay, với quá trình giao lưu, học hỏi kiến thức nhằm đạt tuệ thì mỗi cá nhân phải sáng tạo và giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và nhân loại tiến bộ. Tuệ là công cụ giúp giải quyết mọi vấn đề cá nhân và xã hội.

Nghiệp là hành vi của thân, khẩu, ý (suy nghĩ, hành động, thói quen… tức nhận thức của lý tính và thực tiễn cùng kiểm nghiệm). Nghiệp còn được hiểu là "hành động có tác ý" trong ngôn ngữ nhà Phật. Nghiệp tác động đến con người bằng cách tạo ra đặc điểm, tính cách, thân phận… mỗi người; tạo ra hạnh phúc hay

khổ đau mà con người phải gánh chịu; dẫn con người tái sinh từ cảnh giới này sang cảnh giới khác.

Tuệ là nguyên nhân dẫn tới kết quả của nghiệp hay còn gọi là nghiệp quả. Kết quả của nghiệp có nhiều mức độ nặng nhẹ khác nhau, hoặc trước mắt hoặc lâu dài, song đó là sự gánh chịu mọi kết quả mà nguyên nhân từ có hoặc không có duy tuệ. Thậm chí, nghiệp ở kiếp này không trả nổi thì sẽ trả ở những kiếp sau. Vì thế, tuệ khác nhau thì nghiệp khác nhau. Cụ thể, một người không thông minh thì người đó phải học tập, trau dồi trí tuệ để chuyển thành nghiệp tốt, nắm bắt được tri thức. Còn tư chất thông minh nhưng học hành chểnh mảng, không lo tu dưỡng bản thân, không cố gắng phấn đấu mà tham lam ích kỷ thì người đó phải sống trong cảnh khốn khó. Cũng có trường hợp, trong quá khứ họ vô minh nhưng nhờ phấn đấu học tập, rèn luyện tu dưỡng bản thân mà nhìn nhận ra được đó là những sai trái và rồi khắc phục để có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc.

Có thể thấy, quan điểm về duy tuệ thị nghiệp mang ý nghĩa phạm trù nhân quả. Nếu nguyên nhân tốt thì kết quả tốt hoặc có nhiều nguyên nhân khác nhau thì kết quả khác nhau. Để đạt tuệ không chỉ có tri thức mà phải thấu hiểu, có khả năng nhận thức, hiểu được bản chất và suy lý tri thức đó để đạt đến hạnh phúc trong cuộc sống. Cuộc sống vốn có nhiều mối quan hệ chằng chịt và đan xen nhau, song nếu hiểu quan hệ nhân quả thì mình sẽ nhìn rõ con đường mình đi để gặt hái kết quả tốt đẹp. Vậy duy tuệ thị nghiệp sẽ đem lại kết quả là sự suy lý trong quá trình nhận thức, tức trên cơ sở liên kết các phán đoán nhằm rút ra tri thức mới về mối quan hệ giữa duy tuệ và thị nghiệp trong đời sống để từ đó răn dạy, điều chỉnh hành vi của mình để mang lại kết quả tốt đẹp. Khi thấy được nghiệp, bất cứ hành động nào cũng phải dựa trên cơ sở tri thức để đưa ra những phán đoán, đồng thời tuân theo quy tắc, chuẩn mực xã hội, các giá trị đạo đức và luật pháp. Qua đó thấy được tính khoa học của Phật giáo về quan điểm duy tuệ thị nghiệp vô cùng sâu sắc.

2. QUAN ĐIỂM DUY TUỆ THỊ NGHIỆP LÀ MỤC ĐÍCH SỐNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Quan niệm *"duy tuệ thị nghiệp"* được thể hiện trong mạch sống, quan niệm sống của người Việt từ xưa tới nay. Truyền thống văn hóa của người Việt là học để lập thân, lập nghiệp. Việc nỗ lực học tập, trau dồi nhân phẩm đạo đức, làm nhiều việc tốt, tu dưỡng bản thân thì chắc chắn tương lai sẽ tốt đẹp và thành công [2]. Vì thế, duy tuệ gắn với thị nghiệp thông qua mối quan hệ nhân quả trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam. Nếu cho rằng nghiệp định sẵn điều kiện bản thân thì con người không thể thay đổi. Mỗi người có nghiệp phải nhận lấy nghiệp của mình hoặc chấp nhận "trả nghiệp" của đời trước và quá khứ.

Nghiệp không nên hiểu là những đau khổ, bất công, nghèo khó mà mình phải chịu. Trả hết nghiệp là chấp nhận những gì đã gây ra thì mới được hưởng sự an lạc, hạnh phúc. Theo quan điểm Phật giáo, con người là chủ nhân của nghiệp. Nghiệp là những điều mà con người tạo ra trong quá trình hành động. Con người có thể tạo ra nghiệp mang chiều hướng tích cực để thay đổi tương lai, hoàn cảnh sống của mình nhằm có được cuộc sống hạnh phúc và giải thoát khỏi khổ đau. Không phải ai cũng đạt được điều này mà chỉ những người tu tập để đạt tuệ mới thoát được vô minh, đạt đến cảnh giới giác ngộ. Muốn vậy, con người phải học hỏi, trao đổi, tu dưỡng bản thân để được duy tuệ thì tự bản thân sẽ có những thay đổi tư duy, hành động, lối sống theo hướng tích cực. Mục đích cao đẹp nhất của con người là hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ [1]. Do đó, nếu con người cứ chạy theo dục vọng kém hèn, làm cho thân thể và tinh thần mình mỗi ngày một tiều tụy, ấy chính là tự kéo mình xuống ngang hàng

Nếu cả xã hội đều lấy *"Duy tuệ thị nghiệp"* làm mục đích sống thì con người sẽ trở nên cao đẹp hơn theo giá trị chân thiện mỹ.

với loài vật. Vậy nên, chúng ta cần tránh những kẻ hám danh lợi đang núp bóng dưới danh nghĩa những người tri thức nhưng lại suy thoái tư tưởng đạo đức, làm ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia dân tộc.

3. DUY TUỆ THỊ NGHIỆP GẮN LIỀN VỚI TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC CỦA NGƯỜI VIỆT

Quan điểm duy tuệ thị nghiệp của Phật giáo gắn bó chặt chẽ, góp phần tạo nên giá trị văn hóa truyền thống của con người Việt Nam. Tiêu biểu là tinh thần hiếu học, thể hiện trong các câu tục ngữ như: *"Có cày có thóc, có học có chữ", "Dao có mài mới sắc, người có học mới nên", "Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học"*...

Việc học hành của mỗi người trở thành vận mệnh, tương lai của cả gia đình và làng xóm. Người ta nhìn nhau trong việc học để phân định cách đối nhân xử thế giữa người có học và người thất học. Việc học là nhiệm vụ hàng đầu để đổi đời không chỉ với cá nhân người học mà còn với tương lai gia đình, dòng họ. Do đó, ông bà ta có câu *"Một người làm quan, cả họ được nhờ"* là nói đến vai trò, trách nhiệm của người lấy sự học làm sự nghiệp đời mình. Sự hiểu biết và năng lực trí tuệ của những người con chính là gia tài sự nghiệp của các bậc cha mẹ để lại, là nguồn gốc làm nên sự nghiệp của những người con đó. Nên trong mỗi gia đình, cha mẹ phải lo toan, làm lụng vất vả để con được cắp sách đến trường, với tâm nguyện làm sao cho con cái ăn học đến nơi đến chốn, học hành thành đạt, đóng góp vào sự phát triển của xã hội [3]. Nhưng trong quá trình đạt tuệ làm hành trang vào đời lại có những người sa ngã ngay chính trong nghiệp của mình. Nên trong quá trình làm việc, họ đã bị đời sống vật chất cám dỗ làm nổi lên tham sân si. Vì thế, mỗi cá nhân cần có đức để nhận thức nhiệm vụ của mình.

Hơn nữa, tri thức là sức mạnh, là cốt lõi của ý thức con người. Người càng am hiểu sâu rộng nhiều vấn đề, lĩnh vực càng dễ thực hiện được các mục tiêu, ước nguyện bản thân. Một xã hội với nhiều người có học vấn cao thì càng phát triển, hiện đại. Vì thế, Phật giáo lấy *"Duy*

tuệ thị nghiệp" làm tiêu chuẩn, thước đo đánh giá con người có ý nghĩa thúc đẩy xã hội nâng cao trình độ, phát triển bản thân góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Con người cần lấy tri thức làm cơ sở để hiểu rõ mọi quy luật trong đời sống. Khi có tuệ, con người sẽ hiểu được sự vô thường, vô ngã, duyên sinh, duyên khởi, nhân quả và nghiệp báo. Nên duy tuệ là cách thức để con người thoát khổ, đạt đến sự giác ngộ. Đó mới là sự nghiệp đích thực của đời người. Vì thế, người xưa đã nói: *"Học là học để mà hành/ Vừa hành vừa học mới thành người khôn"*. Nếu mỗi người trong xã hội đều hiểu được điều này thì trong mỗi hành động, việc làm đều lấy trí làm trọng. Và trong việc quản lý con người cần coi trong tuyển chọn những người học rộng tài cao, đức độ, trung thành với lý tưởng dân tộc làm yếu tố quyết định. Đồng thời, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nên chú trọng và tập trung vào việc nâng cao trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động. Trong công tác quy hoạch cán bộ cần tuyển chọn người có trí tuệ để bố trí vào các cơ quan tham mưu hoạch định đường lối chính sách, pháp luật của nhà nước với những qui định cụ thể về chế độ, trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích. Bởi khi nhận thức được vai trò của duy tuệ nghị nghiệp thì tự mỗi người sẽ nỗ lực: *"Học là học để làm người/ Biết điều hơn thiệt biết lời thị phi"*...

Con người có tuệ là người tri thức, học vấn, am hiểu nhiều kiến thức, khám phá và truyền bá tri thức theo các lĩnh vực chuyên môn. Người tri thức thì tất yếu làm chủ cuộc sống, làm chủ bản thân và không ngừng học hỏi để đóng góp cho xã hội. Hơn nữa, con người có tri thức sẽ biết cách sống theo chuẩn mực đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp do thế hệ đi trước để lại. Tri thức cộng đồng được hình thành chính nhờ sự tiếp thu và học hỏi qua bao thế hệ, tạo nên một xã hội văn minh. Ngày nay, quá trình hội nhập quốc tế đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết cho nguồn nhân lực của nước ta nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới, sáng tạo nhưng vẫn giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Tuệ giúp mỗi người có lập trường, phương pháp giải quyết các vấn đề cá nhân, xã hội. Khi đạt được tuệ, bạn sẽ nhìn nhận, đánh giá cuộc sống và cư xử với nhau với tuệ làm mục đích sống. Một xã hội muốn trở nên văn minh đòi hỏi phải có càng nhiều người tri thức đóng góp và cống hiến.

Người *"duy tuệ"* sẽ nhận thức được cương vị của mình đi kèm quyền hạn và trách nhiệm để tránh những nghiệp xấu. Còn khi người nào đó đang ở vị trí có chức vụmà không hiểu được vị trí của mình thì sẽ tiếp tục tranh thủ lạm dụng quyền hạn khi thi hành công. Và tất yếu sẽ gặp *"nghiệp báo"*. Thực tế trong những năm qua, xã hội đã có nhiều cán bộ lợi dụng quyền hạn của mình đã gây ra *"nghiệp báo"*. Những nghiệp báo này sẽ làm sai lệch các chuẩn mực đạo đức và vi phạm pháp luật, gây hậu quả xấu đến đời sống xã hội. Có những cá nhân khi không lấy *"duy tuệ"* mà tham, sân, si nên có lối sống vô tổ chức, coi thường các chuẩn mực đạo đức, xã hội và pháp luật, làm tha hóa các giá trị tốt đẹp của phong tục tập quán, văn hóa, phá hoại nhân cách, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế, sức khoẻ, giống nòi dân tộc… Hay có những cá nhân vì tham lam đã nhận hối lộ làm ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia, ngay cả khi đất nước xảy ra đại dịch. Hiện nay, nhiều vụ đại án ở các lĩnh vực kinh tế, an ninh quốc gia đã được phát hiện và đưa ra xét xử. Qua đó cho thấy, nếu đi theo con người duy tuệ thì nghiệp nhận lại là những lợi ích tốt đẹp, giúp nâng giá trị bản thân trong xã hội.

KẾT LUẬN

Duy tuệ thị nghiệp được biểu hiện đa dạng và có nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. Nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh chuyển đổi số. Mọi người dân Việt Nam đều có nghĩa vụ học tập, nâng cao trình độ để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, quan điểm duy tuệ thị nghiệp cần được hiểu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân để nâng cao trình độ tri thức nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, góp phần nâng tầm trí tuệ dân tộc, sức mạnh quốc gia. Nếu cả xã hội đều lấy duy tuệ thị nghiệp làm mục đích sống thì con người sẽ trở nên cao đẹp hơn theo giá trị chân thiện mỹ.

Chú thích:
* Tiến sĩ Phạm Thị Kiên, Khoa Lý luận chính trị, Đại học Kinh tế TP HCM.

Tài liệu tham khảo:

1. Đào Duy Anh (2004), Việt Nam văn hoá sử cương, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bảy (1997), Văn hóa Phật giáo và lối sống của người Việt ở Hà Nội và Châu thổ Bắc Bộ, Nxb. Thông tin, Hà Nội.
3. TS. Bùi Xuân Dũng (2022), Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với nguồn nhân lực Việt Nam trong công cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, Nxb. Đại học quốc gia TP HCM, tr.30.

VỀ QUÊ TRẨY HỘI

Đoàn Hữu Nam

Kính tặng Tăng Ni, Phật tử chùa Địa Tạng Phi Lai Tự (huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam)

Về quê trẩy hội đầu xuân
Bâng khuâng gặp tháng ngày xưa về cùng.
Bao năm mới được trùng phùng
Đợi mưa, đón nắng dưới rừng thông reo.
Bồi hồi với gió trong veo
Tiếng chuông ngân, bóng nắng neo hồn người
Ngàn năn dấu tích ơn trời
Cho tôi mường tượng tới thời xa xưa.
Cái thời Phật giữa nắng mưa
Cõi vô thường gánh trầm luân cõi đời.

Phật tâm, Phật tích dưới trời
Mây lành tụ giữa gọi mời hữu duyên
Từ, bi, hỉ, xả, linh thiêng
Khai tâm, giác ngộ làm nên chùa Đùng
Bao năm công quả gieo trồng
Bao năm mưa gió bão bùng đi qua.

Ngôi chùa xưa từng lệ nhòa
Tường xiêu, mái sập, cỏ hoa héo tàn
Bây giờ đi giữa bình an
Chùa hồi sinh đón muôn vàn chúng sinh.
Dập dìu sơn thủy hữu tình
Khói nhang quyện với lòng thành, khát khao
Thấy mình vui với xôn xao
Bể dâu tan giữa nao nao lòng giời
Duyên lành quên cả xa vời
Sà xuống đậu giữa lòng người hành hương.

CHÙA NÔM

Nhất Chi Mai

Rẽ hồn xuân, ta rạo rực chùa Nôm
Mưa bay bay, xanh ngày xuân bát ngát...
Đào hôn gió và mây trời ca hát
Khúc tình xuân nghiêng ngả bóng non ngàn!
Vịn ráng chiều, ta nhẹ bước thênh thang
Ngắm chùa Nôm...
tưởng thấy bóng cổ nhân ghé ngang huyền thoại.

Uống hương trời, và nghe lòng thư thái
Tiếng chuông ngân cho chùa vút mái cong...
Ai thả sen, câu hát đợi bên lòng?
Chốn từ bi gió lùa hương thơm ngát.

Lòng thanh tịnh thả hồn nghe câu hát
Gió nghiêng chiều nhàn nhạt bóng hoàng hôn!
Lầu Quan Âm soi bóng giữa trường tồn
như một đài sen nguy nga, tráng lệ!

Lòng thành kính đấng linh thiêng, cái thế
Chắp hai tay, con vái thệ lòng son!
Vỏ thời gian bao bọc những linh hồn
Giữa rêu phong... 122 tượng cổ
Ngài La Hán, ngài Kim Cương Bát Bộ,
ngài Tuyết Sơn ngạo nghễ uy linh
Mang cảm xúc, tâm hồn anh minh
Khi tự tại, lúc trầm tư, hoan hỉ...

Mỗi bức tượng, một nỗi niềm nhân thế
Giữa bụi trần vẫn thanh tịnh, sáng trong!
Có một chiều tĩnh lặng giữa mênh mông
Ta thả hồn ta giữa bao la cảm xúc.

Gốc tổ tiên vẫn đâm mầm hậu thế
Mái chùa cong... tuế nguyệt cũng thi gan!
Gom nắng chiều, ta dảo bước hân hoan
Lòng nhẹ nhõm, ta trở về lối cũ
Tiếng chuông ngân... hay cõi lòng tự nhủ
Hãy bình tâm, tự tại giữa nhân gian.

Sự

"Trong tâm hồn tình cảm của người Việt Nam hiện đại, kể cả những người không phải là Phật tử, đối với Phật giáo vẫn sâu nặng hơn, gần gũi hơn, thân quen hơn đối với các tôn giáo khác". *(Ảnh: sưu tầm)*

cần thiết của việc nhận thức đúng về Đức Phật

Lê Tấn Lộc*

Tóm tắt: *Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã trở thành một bộ phận không thể tách rời khỏi nền văn hóa của quốc gia. Việc nhận thức đúng đắn về Đức Phật là yếu tố quan trọng để hình thành thế giới quan Phật giáo chuẩn mực, góp phần ứng dụng giải quyết những vấn đề phát sinh trong cuộc sống của mình như một số quốc gia phương Tây đã và đang làm. Nếu nhận thức không đúng về Đức Phật sẽ đưa đến hệ quả nguy hiểm. Bài viết này lược khảo kết quả của một số nghiên cứu có liên quan để phần nào chứng minh hiện tượng trên. Đồng thời, bài viết cũng tiến hành khảo sát 12 trường hợp thanh thiếu niên (TTN) tham gia sinh hoạt tu học tại một số thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam bằng phương pháp phỏng vấn sâu để xem xét nhận thức của họ về Đức Phật. Kết quả khảo sát cho thấy việc TTN nhận thức đúng về Đức Phật đã mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống của mình.*

Từ khóa: *Đức Phật, giáo dục Phật giáo, nhận thức Phật giáo, thanh thiếu niên.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo là một thành tố quan trọng trong văn hóa Việt Nam. Người Việt Nam đã tiếp cận được Phật giáo từ rất sớm, khoảng thế kỷ đầu Tây lịch [1: tr.11]. Trong tâm thức của người Việt, Phật giáo dường như đã trở thành một yếu tố bản địa. Chính vì vậy, tác giả Vũ Minh Tuyên đã nhận định: *"Trong tâm hồn tình cảm của người Việt Nam hiện đại, kể cả những người không phải là Phật tử, đối với Phật giáo vẫn sâu nặng hơn, gần gũi hơn, thân quen hơn đối với các tôn giáo khác"* [2]. Dù vậy Phật giáo cũng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của văn hóa bản địa [3]. Phật giáo dân gian là một thuật ngữ các nhà nghiên cứu thường sử dụng để chỉ cho Phật giáo đã được bản địa hóa.

Khi Phật giáo được bản địa hóa, hình tượng vị giáo chủ cũng có thể được nhận thức bổ sung theo màu sắc văn hóa dân gian. Nhìn vào hệ thống Tứ pháp (thần Mây/Pháp Vân, thần Mưa/Pháp Vũ, thần Sấm/Pháp Lôi, và thần Gió/

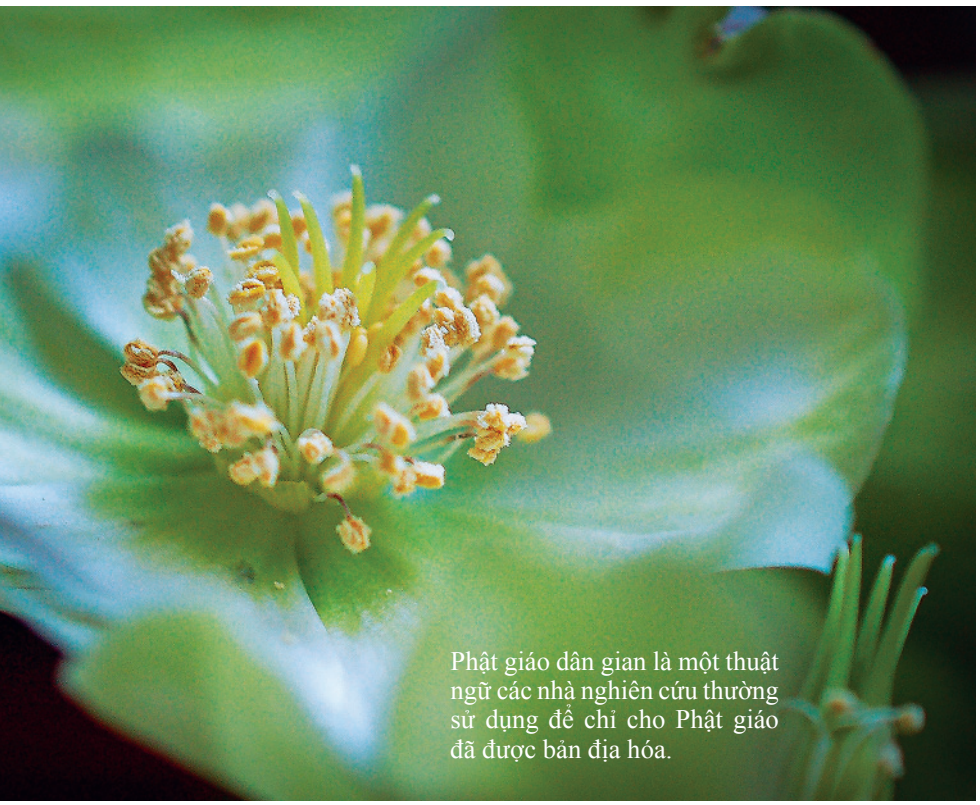

Phật giáo dân gian là một thuật ngữ các nhà nghiên cứu thường sử dụng để chỉ cho Phật giáo đã được bản địa hóa.

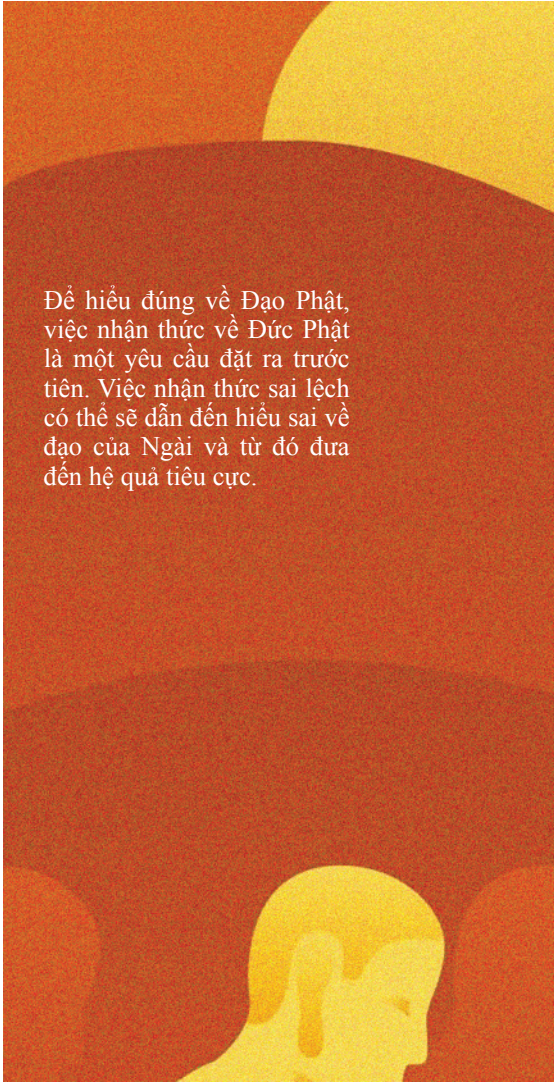

Để hiểu đúng về Đạo Phật, việc nhận thức về Đức Phật là một yêu cầu đặt ra trước tiên. Việc nhận thức sai lệch có thể sẽ dẫn đến hiểu sai về đạo của Ngài và từ đó đưa đến hệ quả tiêu cực.

Pháp Phong) có thể thấy Đức Phật được nhìn nhận *"vừa là thần lại vừa là Phật"* [4]. Mặt khác, Phật giáo trong giai đoạn giặc Minh đô hộ và thời Lê sơ, đây đó xuất hiện những yếu tố tư tưởng mê tín dị đoan [5: tr.74] và Đức Phật *"hiển nhiên đã trở thành một vị tượng thần cho dân Việt Nam tín ngưỡng"* [6: tr.178]. Có thể hai lý do trên đã ảnh hưởng đến nhận thức chưa đúng về Đức Phật của một bộ phận người Việt Nam qua bao thế hệ cho đến nay.

Bằng phương pháp phân tích tài liệu, quan sát tham dự, và phỏng vấn sâu, bài viết đi vào xem xét nhận thức về Đức Phật của một bộ phận người Việt. Đồng thời, bài viết cũng đi vào phân tích nhận thức của thanh thiếu niên tham gia sinh hoạt tu học tại một số thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam về Đức Phật để từ đó khẳng định sự cần thiết của việc nhận đúng nêu trên.

ĐỨC PHẬT VÀ NHẬN THỨC VỀ ĐỨC PHẬT

Đức Phật trong phạm vi bài viết này là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Theo *Phật học phổ thông* của Hòa thượng Thích Thiện Hoa [7: tr.25-48], Ngài từng là Thái tử của nước Ca-tỳ-la-vệ xứ Trung Ấn, là con trai của vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da. Do nhận rõ được sự khổ của cuộc đời là già, đau, chết nên quyết tâm xuất gia để tìm con đường giải thoát cho mình và cho tất cả chúng sanh. Sau một thời gian tu khổ hạnh không có kết quả, Ngài tìm thầy học đạo cũng không được như nguyện, nên tu một mình. Ngài đến cội Bồ đề và phát nguyện: *"Nếu ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này"*. Sau 49 ngày đêm nhập định dưới cội Bồ đề, vào đêm thứ 49, khi sao mai vừa lên, Ngài đã chứng quả, biết rõ nguồn gốc đau khổ và phương pháp dứt trừ nó để thoát khỏi sanh tử luân hồi. Sau khi thành đạo, Ngài đã đi hóa độ chúng sanh. Đến năm 80 tuổi, Ngài nhập Niết bàn. Hình ảnh Đức Phật cho người đời sau nhiều bài học quý báu tùy theo khả năng, hoàn cảnh, và phương diện tiếp cận của mỗi cá nhân.

Nhận thức, theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, là quá trình phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến gần đến khách thể [8: tr.249]. Như vậy, con người biết đến Đức Phật có thể thông qua nhiều cách khác nhau, có thể từ nguồn sử liệu cho đến tiếp cận với giáo dục. Điều quan trọng là trên nền tảng hiểu

biết đó, con người phải tư duy để có hành động phù hợp. Hành động phù hợp đó chính là noi gương Ngài để tu tập giác ngộ như Ngài. Có như thế mới "tiến gần đến khách thể". Trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, việc noi gương đó có thể được thể hiện ở nhiều phương diện: Nâng cao đời sống đạo đức, mở rộng lòng từ bi, rèn luyện nghị lực,... Nói chung, việc noi gương ở mức độ nào là tùy vào khả năng và hoàn cảnh của mỗi người.

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM VỀ ĐỨC PHẬT QUA KẾT QUẢ CỦA MỘT SỐ NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN

Một số nghiên cứu cho thấy, trong mẫu khảo sát, một bộ phận không nhỏ xem Đức Phật như một vị thần có thể ban phước giáng họa và vì vậy cứ cầu xin mỗi khi lễ Ngài. Kết quả khảo sát 352 người của tác giả Lê Đức Hạnh cho thấy khái niệm về Đức Phật được nhận thức rất khác nhau: Bồ tát Quán Thế Âm, Phật Di Lặc, bậc cứu khổ cứu nạn, Phật tại tâm, Đức Thích Ca, thần thánh,... Từ đó, mục đích theo Đạo Phật của họ cũng có sự lệch lạc: Để phúc cho con cháu, tai qua nạn khỏi, phát tài, vơi khổ đau trần gian, khỏi xuống địa ngục,... [9].

Tương tự, khảo sát về động cơ đi lễ chùa của người dân đô thị của tác giả Hoàng Thu Hương thể hiện việc cầu xin từ những việc rất gắn liền với cuộc sống thế tục của đại đa số như sức khỏe, tài lộc, con cái chăm ngoan cho đến những việc gắn với một nhóm người có vị trí trong xã hội như thăng tiến trên giảng đường đại học, doanh nghiệp được chính quyền quan tâm hỗ trợ, nhận thầu được nhiều công trình xây dựng,... [10]. Ngay cả trong hàng Phật tử cũng có người chưa nhận thức đúng mục đích đến chùa của mình. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc cho thấy có Phật tử tham gia mẫu nghiên cứu trả lời rằng đi chùa là để được Phật độ [11].

Nếu như tác giả Hoàng Thu Hương khảo sát động cơ đi lễ chùa của người dân đô thị bằng phương pháp tiếp cận những tờ "sớ" thể hiện những điều người đi lễ cầu xin, tác giả Nguyễn Thị Thành tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của Phật giáo đối với phụ nữ ở một tỉnh thành phía Bắc bằng phương pháp điều tra bảng hỏi. Kết quả thể hiện dù cho mẫu khảo sát trong độ tuổi nào đi chăng nữa (thanh niên, trung niên, cao niên) thì mục đích vẫn là cầu được Phật gia hộ, cầu tai qua nạn khỏi, cầu tài, cầu lộc. Điều đó phần nào phần nào thể

Hành động phù hợp đó chính là noi gương Ngài để tu tập giác ngộ như Ngài. Có như thế mới "tiến gần đến khách thể". Trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, việc noi gương đó có thể được thể hiện ở nhiều phương diện: Nâng cao đời sống đạo đức, mở rộng lòng từ bi, rèn luyện nghị lực,...

hiện nhận thức trong văn hóa dân gian về Đức Phật [12].

Dù khảo sát trong một phạm vi khá hẹp (trường Đại học Hồng Đức) nhưng tác giả Hoàng Thị Phương đã gián tiếp cho thấy sự hạn chế trong nhận thức về Đức Phật của một bộ phận sinh viên qua động cơ đi lễ chùa. Đa số sinh viên tham gia khảo sát cho rằng đi lễ chùa là để cầu sức khỏe, may mắn trong công việc, tình duyên, tài lộc,... [13]. Qua lược khảo kết quả một vài nghiên cứu liên quan nêu trên cho thấy hiện có một bộ phận người Việt Nam xem trọng quyền năng ban phước của Đức Phật. Từ đó cho thấy, cần điều chỉnh động cơ đến với Đạo Phật của họ để phù hợp với với tôn chỉ của Đạo Phật là một đạo hướng con người đến sự giác ngộ.

Sự nhận thức chưa chuẩn chỉnh của người lớn lại có thể tác động tiêu cực đến thế hệ trẻ. Kết quả quan sát sau đây phần nào chứng minh điều này. Hai giáo viên của một trường phổ thông trung học hướng dẫn một nhóm học sinh đến một ngôi chùa gần trường để dâng lễ cầu xin cho học sinh đạt kết quả tốt trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Mâm lễ dâng Tam bảo gồm bánh ngọt, nước khoáng đóng chai và hộp bút bi. Sau khi dâng lễ xong, thầy trò đi dạo một vòng chùa và quay lại tìm mâm lễ đã dâng. Lúc đó, sư cô phụ trách hương đăng đã hạ mâm lễ xuống. Vì vậy, hai cô giáo phải tìm gặp sư cô để xin lại. Hai cô giáo giải thích là đồ dâng lễ sẽ được phân chia cho học sinh dùng trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh diễn ra vào ngày hôm sau để các em gặp may mắn.

Rõ ràng, việc nhận thức không đúng về Đức Phật có thể dẫn đến sự mê tín. Hiện tượng này không chỉ có ở bộ phận người có trình độ học vấn thấp mà đang có xu hướng phổ biến ở nhóm dân cư có trình độ học vấn cao [14]. Nguyên nhân của tình trạng này, theo tác giả Trần Văn Sỹ, là do thiếu giáo dục tâm linh trong hệ thống giáo dục quốc dân [15].

NHẬN THỨC VỀ ĐỨC PHẬT CỦA THANH THIẾU NIÊN ĐANG THAM GIA TU HỌC TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN THUỘC THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM

Tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với 12 trường hợp thanh thiếu niên (TTN) trong độ tuổi từ 12 đến 18, tham gia sinh hoạt tu học vào ngày Chủ nhật hàng tuần tại ba thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam (Thiền viện Viên Chiếu, Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng, và Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp) để xem xét cách thức tiếp cận Đạo Phật của các em. Phương pháp trên là phù hợp với khảo cứu này vì nó có thể giúp nhìn nhận vấn đề đa chiều và đặc biệt khai thác được thông tin xuất phát những suy nghĩ, tình cảm bên trong của đối tượng một cách đầy đủ hơn so với những phương pháp khác [16, 17]. Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của TTN về Đức Phật khá tích cực. Đa số TTN đều nhận thức được Đức Phật là nhân vật lịch sử có thật và có lòng từ bi bao la. Từ đó các em có niềm tin rất sâu sắc vào Ngài. Một TTN nam, 14 tuổi, khẳng định: *"Con đã học lịch sử Đức Phật và biết được nguồn gốc của Ngài. Ngài là một người có thật và đã xuất hiện trên Trái Đất này khoảng 2.500 năm về trước. Con nghĩ là những lời truyền dạy của Ngài là nhằm giúp chúng sanh giải thoát nên con rất tin vào Ngài"*.

Nhận thức đúng đắn của TTN về Đức Phật là xuất phát từ việc học tập. Điều này rất phù hợp với *Thuyết Học tập nhận thức xã hội* của A. Bandura, cho rằng tiếp thu kiến thức là một quá trình trong nhận thức của một cá nhân [18:

tr.208]. Từ nhận thức trên dẫn đến niềm tin của TTN đối với Đức Phật. Niềm tin ở đây không phải là niềm tin mù quáng mà dựa trên tư duy. Sự nhận thức đúng về Đức Phật giúp cho TTN tự tin vào bản thân và có trách nhiệm với mình hơn. Một TTN nữ, 15 tuổi, đã chia sẻ: *"Mỗi khi đi chùa lễ Phật, con không cầu xin điều gì vì cầu xin làm gì khi bản thân mình có khả năng làm được và tự bản thân mình phải làm lấy. Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng và vượt qua nhiều gian khổ để vươn lên một tầm cao thì tại sao mình lại không làm được. Vả lại việc cầu xin là một hình thức cổ xưa do mọi người hiểu sai lệch. Bản thân con nhận thức được điều này. Khi tham gia sinh hoạt tại thiền viện thì con biết nhận thức của mình là đúng qua các bài giảng của quý thầy và quý cô"*.

Hình ảnh của Đức Phật với những tính cách tốt đẹp còn giúp cho TTN soi lại chính bản thân để sửa đổi tốt hơn. Một TTN nam, 17 tuổi, cho biết: *"Đức Phật ngồi thiền dưới cội Bồ Đề 49 ngày đêm, còn con một ngày ngủ nhiều hơn học. Từ đó con thay đổi, học chăm hơn."* Hay một TTN, 14 tuổi, kể: *"Khi Đức Phật bị người ta vu khống thì Đức Phật rất bình tĩnh trả lời người đó. Khi về trường mới, con cũng bị vu khống một lần rồi ạ. Lúc đó, nhớ đến Đức Phật thì con cũng đã bình tĩnh. Khi người ta nói đến con thì con trả lời rất là nhẹ nhàng, chớ không kiểu mày tao"*. Như vậy, Đức Phật đã trở thành hình mẫu để cho TTN học tập. Những gì được học về Đức Phật đã được TTN tư duy và từ đó biết cách vận dụng vào hoàn cảnh của riêng mình.

Việc nhận thức nêu trên của TTN đã không chỉ làm phát triển niềm tin chân chính vào Đức Phật mà còn tạo động cơ tích cực cho các em trong việc tìm hiểu giáo lý của Ngài để ứng dụng phát triển hành vi đạo đức. Một TTN nam, 14 tuổi kể: *"Bây giờ con ngủ dậy sớm, kể cả không hẹn giờ con cũng tự thức dậy là vì cái ý muốn là mình phải đi sinh hoạt, mình phải học hỏi điều hay từ Đạo Phật, mình còn rất nhiều điều chưa biết, mình phải tu cho nó tốt hơn"*.

KẾT LUẬN

Theo Glock và Stark, vị giáo chủ là một yếu tố quan trọng cần phải biết nếu muốn hiểu về một tôn giáo [19]. Như vậy, để hiểu đúng về Đạo Phật, việc nhận thức về Đức Phật là một yêu cầu đặt ra trước tiên. Việc nhận thức sai lệch có thể sẽ dẫn đến hiểu sai về đạo của Ngài và từ đó đưa đến hệ quả tiêu cực. Kết quả lược khảo một vài nghiên cứu trong bài viết này phần nào chứng minh được điều này. Kết quả khảo sát TTN tham gia sinh hoạt tu học tại các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam cho thấy nhờ tiếp cận được với giáo dục Phật giáo, TTN đã có nhận thực đúng về Đức Phật. Từ tư duy đúng tạo động lực cho TTN trong việc tìm hiểu giáo lý của Ngài để ứng dụng cho cuộc sống, tránh được niềm tin sai lệch, đóng góp vào phương châm sống tốt đời, đẹp đạo.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Nghiên cứu sinh Lê Tấn Lộc, Học viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Nguyễn Tài Thư, Minh Chi, Lý Kim Hoa, Hà Thúc Minh và Hà Văn Tấn (2020), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Vũ Minh Tuyên (1998), "Phật giáo và tâm hồn người Việt", *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* 6: 9-11
3. Nguyễn Hồng Dương (2013), Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
4. Võ Thị Hoàng Lan (2012), "Về tục thờ Tứ nhiếp pháp của người Việt", *Tạp chí Di sản Văn hóa* 2 (39): 34-38.
5. HT. Thích Thiện Hoa (2011), *Phật học phổ thông quyển hai*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. HT. Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.178.
7. HT. Thích Thiện Hoa (2011), *Phật học phổ thông quyển một*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Hội đồng chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển bách khoa Việt Nam tập 3*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
9. Lê Đức Hạnh (2005), "Một vài đóng góp của Phật giáo đối với văn hóa Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* 5: 16-25.
10. Hoàng Thu Hương (2006), "Động cơ đi lễ chùa của người dân đô thị hiện nay", *Tạp chí Tâm lý học* 3(84): 25-28.
11. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017), *Vai trò của tôn giáo trong xây dựng niềm tin xã hội*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Thị Thành (2016), "Tác động của Phật giáo tới phụ nữ một số tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay" *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* 1(151), tr.72-85.
13. Hoàng Thị Phương (2019), "Thực trạng đi lễ chùa của sinh viên trường Đại học Hồng Đức", *Tạp chí Trường Đại học Hồng Đức* 46: 91-99.
14. Linh Giang (2018), "Ngăn chặn tệ mê tín dị đoan", *Báo Nhân dân*, Truy cập tại địa chỉ https://nhandan.vn/ngan-chan-te-me-tin-di-doan-post317642.html (ngày truy cập: 30/11/2022).
15. Trần Văn Sỹ (2021) "Giáo dục tâm linh, tại sao không?", *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, Truy cập tại địa chỉ https://lsvn.vn/giao-duc-tam-linh-tai-sao-khong1614180446.html (ngày truy cập: 01/12/2022).
16. Queiros, A., Faria, D. & Almeida, F., (2017), 'Strengths and limitations of qualitative andquantitative research methods', *European Journal of Education Studies* 3(9), 369-386, doi: 10.5281/zenodo.887088
17. Daniel, E., (2016), 'The usefulness of qualitative and quantitative approaches and methods in researching problem-solving ability in science education curriculum', *Journal of Education and Practice* 7(15), 91-100.
18. Phan Trọng Ngọ và Lê Minh Nguyệt (2019), *Giáo trình các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Glock, C. Y. & Stark, R., (1965), *Religion and society in tension*, Rand McNally, San Francisco.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang

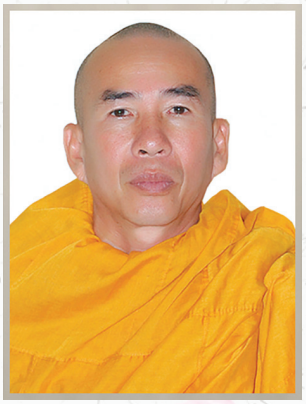

Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.

Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biếu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương
- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn**.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: **chuathanhluong1@yahoo.com.vn**

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Công đức Tổ Phi Lai Chí Thiền trong phong trào Chấn hưng Phật giáo miền Nam

HT. Thích Thiện Nhơn

Để tiếp tục chương trình tu học cho Tăng Ni ở Nam Bộ, năm 1928, Hoà thượng Phi Lai đã khai giảng lớp Phật học Gia giáo và mở khoá An cư Kiết hạ tại chùa Phi Lai.

HỘI LỤC HÒA LIÊN HIỆP

Từ ngày thực dân Pháp đô hộ năm 1862 đến đầu thế kỷ XX, trong thời gian hơn 50 năm, Phật giáo Nam Bộ dần bị lu mờ, hoại diệt. Chùa chiền bị phá hủy hoặc sử dụng làm mục đích khác, chư Tăng phần lớn theo các phong trào chống Pháp cứu nước. Một số ít còn lại thì bị thất học trầm trọng, các tự viện chỉ còn lại một số quý Hòa thượng lớn tuổi lo hương khói bảo vệ chùa chiền, bám tự bám làng để tồn tại, đặc biệt là chỉ lo cúng bái nghi lễ bảo tồn đạo pháp để chờ ngày phục hưng. Nhất là trong các ngày cúng Tổ, quý Hòa thượng có tâm huyết, có ưu tư trước sự suy tàn, hoại diệt của Phật giáo, nên đã có ý niệm thành lập một tổ chức phục hưng Phật giáo Nam Bộ. Từ quyết định trên, năm 1920, tại trường hạ chùa Giác Lâm Gia Định, tổ Từ Văn đã khởi xướng thành lập Hội Lục Hòa liên xã, văn phòng đặt tại chùa Hội Khánh (tỉnh Bình Dương). Còn ở vùng Tây Nam Bộ, ngày 19/9/1923, nhân giỗ Tổ chùa Long Hòa - Tiểu Cần, Trà Vinh, Hòa thượng Khánh Hòa đã mời chư Sơn Thiền Đức miền Tây về dự lễ giỗ Tổ. Trong lễ này, có quý Hòa thượng tham dự như: Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Thiện Chiếu, Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng Vạn An, Hòa thượng Phi Lai, Hòa thượng Pháp Hải, Hòa thượng An Lạc… Hòa thượng Khánh Hòa đã đề xuất thành lập Hội Lục Hòa Liên Hiệp. Quý Hòa thượng đã đồng tình ủng hộ, văn phòng Hội đặt tại chùa Giác Hải - Chợ Lớn để dễ liên hệ.

Sau phiên họp, quý Hòa thượng đã phân công mỗi người một việc và bắt đầu hoạt động. Năm 1926, Hòa thượng Thiện Chiếu ra Bắc vận động và thu thập tài liệu từ Phật giáo Trung Quốc như bộ Hải Triều Âm. Năm 1927, Hòa thượng Khánh Hòa, Hòa thượng Huệ Quang đi vận động tại các tỉnh miền Trung, giảng dạy chư Tăng nội trú trường hạ chùa Long Khánh - Bình Định, Hòa thượng Từ Phong cho in ấn kinh sách để truyền bá cho Hội.

Về công đức xây dựng Tăng đoàn, hình thành ngôi Tam bảo tại thế gian, qua những Đại Giới đàn tại chùa Giác Hoa (Bạc Liêu) năm 1927, tại Tổ đình Phi Lai năm 1928, tại chùa Trùng Khánh - Phan Rang năm 1929, tại chùa Tam Bảo - Hà Tiên năm 1932 và nhiều Đại Giới đàn khác, Hoà thượng Phi Lai với tư cách là Đàn đầu Hòa thượng, Chánh Chủ Đàn hay Chứng minh Giới đàn đã truyền trao giới pháp cho hàng trăm Tăng Ni trở thành Tăng bảo, là ngôi báu của Tam bảo hiện diện qua cõi đời, hoằng dương chánh pháp lợi lạc quần sanh trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam giai đoạn 1930 - 1950. Qua đó ngôi Tam bảo tồn tại ở thế gian, Phật pháp được phát triển lâu dài do công đức Tổ sư Phi Lai Chí Thiền dày công xây dựng.

Hòa thượng Phi Lai đã gieo trồng nhân duyên và hoá độ cho những Tăng sĩ hữu duyên trở thành pháp khí Đại thừa sau này như: Hòa thượng Thiện Minh, Hòa thượng Thiện Trung, Hòa thượng Thiện Đạo, Hòa thượng Thiện Hoa, Hòa thượng Thiện Tâm, Hòa thượng Thiện Tòng, Hòa thượng Thiện Quang, Hòa thượng Thiện Tường, Hòa thượng Thiện Ngôn, Hòa thượng Thiện Tín, Hòa thượng Thiện Từ, Hòa thượng Pháp Linh (HT. Phổ Quảng). Hòa thượng Huệ Tịnh Pháp Thân, Hòa thượng Từ Hội, Hòa thượng Từ Nhơn, Hòa thượng Trí Đức… đã đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo Nam Bộ giai đoạn 1930-1950.

Còn Hòa thượng Phi Lai với tư cách là thành viên của hội, đã động viên đệ tử là bà Hai Ngó, pháp danh là Hồng Nga, hiệu Diệu Ngọc chủ chùa Giác Hoa - Bạc Liêu. Năm 1927, thành lập trường Phật học và mở khóa An cư Kiết hạ đầu tiên tại Nam Bộ cho chư Ni theo học. Ban giảng huấn và ban chứng minh có Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Phi Lai, Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng Vạn An, Hòa thượng Pháp Hải giảng dạy. Cũng nhân mùa Hạ này, quý Hòa thượng đã khai mở Giới đàn để truyền trao giới pháp cho chư Ni có đủ giới pháp để tu học - hành đạo và thành lập Ni bộ đầu tiên tại Nam Bộ do Ni sư Hồng Nga, Diệu Ngọc lãnh đạo. Chư Ni tham gia khóa học này về sau trở thành những nhà lãnh đạo Ni bộ Nam phần Việt Nam.

Để tiếp tục chương trình tu học cho Tăng Ni ở Nam Bộ, năm 1928, Hoà thượng Phi Lai đã khai giảng lớp Phật học Gia giáo và mở khoá An cư Kiết hạ tại chùa Phi Lai, chư Tôn Thiền Đức đã quy tụ về đây ủng hộ hoà thượng chung lo Phật sự nỗ lực giảng dạy cho chư Tăng trong suốt mùa hạ 3 năm liền. Ban giảng huấn gồm: Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Khánh Hòa, Hòa thượng Pháp Hải, Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng Vạn An, Hòa thượng Phổ Tuệ, Hòa thượng Vạn Ân, Hòa thượng Vạn Pháp, Hòa thượng Chơn Niệm…

Từ nền tảng này, Hòa thượng Phi Lai đã gieo trồng nhân duyên và hoá độ cho những Tăng sĩ hữu duyên trở thành pháp khí Đại thừa sau này như: Hòa thượng Thiện Minh, Hòa thượng Thiện Trung, Hòa thượng Thiện Đạo, Hòa thượng Thiện Hoa, Hòa thượng Thiện Tâm, Hòa thượng Thiện Tòng, Hòa thượng Thiện Quang, Hòa thượng

Thiện Tường, Hòa thượng Thiện Ngôn, Hòa thượng Thiện Tín, Hòa thượng Thiện Từ, Hòa thượng Pháp Linh (HT.Phổ Quảng), Hòa thượng Huệ Tịnh Pháp Thân, Hòa thượng Từ Hội, Hòa thượng Từ Nhơn, Hòa thượng Trí Đức… đã đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo Nam Bộ giai đoạn 1930 - 1950.

Hòa thượng Khánh Hòa đã vận động quý Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng Niệm Nhẫn, cư sĩ Ngô Văn Chương, Trần Nguyên Chấn có uy tín đối với chính chuyền Pháp thành lập Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học thay cho Hội Phật học Thư xã. Nhờ uy tín của cư sĩ Trần Nguyên Trấn đang tùng sự tại Dinh Đốc Lý Sài Gòn, cuối cùng ngày 26/8/1931, Thống đốc Nam kỳ Jean-Félix Krautheimer ra quyết định số 2062 thành lập Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học và tạp chí Từ Bi Âm, văn phòng đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn.

Ban lãnh đạo đầu tiên gồm có:

Hội trưởng:	Hòa thượng Khánh Hòa
Phó Hội Trưởng:	Hòa thượng Trí Thiền
Phó Hội Trưởng:	Cư sĩ Trần Nguyên Chấn
Cố vấn:	Hòa thượng Huệ Quang
Cố vấn:	Hòa thượng Từ Phong
Thủ bổn:	Ông Nguyễn Văn Nhơn
Phó Thủ bổ:	Cư sĩ Nguyễn Ngọc Vinh
Chánh Từ hàng:	Ông Nguyễn Văn Phổ

Phó Từ hàng (Phó Thư ký): Sa môn Thiện Dư

Đáp ứng lời kêu gọi tham gia và ủng hộ Hội, Hòa thượng Phi Lai Chí Thiền đã tham gia và giữ chức Uỷ viên bảo trợ thường trực. Hòa thượng còn ủng hộ 300 đồng tiền Đông Dương cho Hội hoạt động và công việc này vẫn tiếp tục đến khi Ngài viên tịch năm 1933.

Trong công tác giáo dục, ngoài công việc chứng minh cho trường Phật học Gia giáo chùa Giác Hòa - Bạc Liêu, chùa Phi Lai - Châu Đốc, Hòa thượng còn chứng minh cho trường Phật học Gia giáo Sông Tra tại chùa Linh Nguyên - huyện Đức Hòa, tỉnh Tân An do Hòa thượng Như Nhãn Từ Phong làm chủ giảng, góp phần trong phong trào xóa nạn thất học cho chư Tăng và đào tạo ra những vị Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam sau này như: Hòa thượng Minh Cảnh, Hòa thượng Phổ Chiếu, Hòa thượng Thiện Thành, Hòa thượng Thiện Phước, Hòa thượng Huệ Chí…

XÂY DỰNG TĂNG ĐOÀN

Về công đức xây dựng Tăng đoàn, hình thành ngôi Tam bảo tại thế gian, qua những Đại Giới đàn tại chùa Giác Hoa (Bạc Liêu) năm 1927, tại Tổ đình Phi Lai năm 1928, tại chùa Trùng Khánh - Phan Rang năm 1929, tại chùa Tam Bảo - Hà Tiên năm 1932 và nhiều Đại Giới đàn khác, Hoà thượng Phi Lai với tư cách là Đàn đầu Hòa thượng, Chánh Chủ Đàn hay Chứng minh Giới đàn đã truyền trao giới pháp cho hàng trăm Tăng, Ni trở thành Tăng bảo, là ngôi báu của Tam bảo hiện diện qua cõi đời, hoằng dương chánh pháp lợi lạc quần sanh trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam giai đoạn 1930 - 1950. Qua đó ngôi Tam bảo tồn tại ở thế gian, Phật pháp được phát triển lâu dài do công đức Tổ sư Phi Lai Chí Thiền dày công xây dựng.

Tổ Phi Lai Chí Thiền không những là bậc cao Tăng thạc đức, mà còn là tấm gương sáng ngời của Phật giáo miền Nam.

Qua đó, có thể nói, Tổ đình Phi Lai là cái nôi của phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Nam trong giai đoạn đầu, là nơi quý Hòa thượng đã tập họp sinh hoạt, bàn bạc các chương trình Phật sự chung và riêng của từng địa phương mà mình trú xứ. Trong đó, Hòa thượng Phi Lai phụ trách vùng Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên. Hòa thượng Khánh Hòa vùng Bến Tre, Trà Vinh. Hòa thượng Khánh Anh phụ trách vùng Vĩnh Long, Cần Thơ. Hòa thượng Vạn An phụ trách vùng Sa Đéc. Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng An Lạc phụ trách vùng Chợ Lớn, Mỹ Tho. Hòa thượng Vạn Ân, Hòa thượng Vạn Pháp phụ trách vùng Phú Yên. Hòa thượng Phổ Tuệ phụ trách vùng Bình Định. Hòa thượng Chơn Niệm phụ trách vùng Phan Rang - Tháp Chàm. Qua đó tạo thành vùng hoạt động Phật sự kết nối với nhau cùng hoạt động đóng góp phát triển Phật pháp Nam Trung Bộ để từ đó làm tiền đề thành lập các hội Phật học, như: Hội Phật học Lưỡng Xuyên 1934, Hội Phật học Kiêm Tế năm 1937…

Trong thời gian hợp tác với Hòa thượng Phi Lai, chung lo Phật sự tại chùa Phi Lai Châu Đốc, Hòa thượng Phổ Huệ ở chùa Tịnh Lâm - Bình Định đã có bài thơ cảm tác tặng Hòa thượng Phi Lai Chí Thiền:

Phi Lai ngày nay chấn đạo hưng
Chí Thành (Thiền) hình tướng nếp cũ còn
Phong lưu chẳng xóa tâm thường tịnh
Diệu Nghĩa vẫn tham tự tánh tròn
Mây đến, mây đi không vướng mắc
Hoa tàn, hoa nở vẫn thành không
Cảnh quan đẹp đẽ nay thời vận
Cũng tựa linh sơn vui khác nào.

Tóm lại, Tổ sư Phi Lai Chí Thiền không những là bậc cao Tăng thạc đức, mà còn là tấm gương sáng ngời của Phật giáo miền Nam. Hòa thượng là một trong những vị cao Tăng đóng góp công đức rất lớn trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam, như: Hòa thượng Khánh Hòa, Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Thiền Chiếu, Hòa thượng Trí Thiền, Hòa thượng Vạn An, Hòa thượng Pháp Hải, Hòa thượng Từ Phong, Hòa thượng An Lạc… Từ cái nôi chùa Phi Lai - Châu Đốc (1928), chùa Linh Sơn - Sài Gòn (1931), chùa Lưỡng Xuyên - Trà Vinh (1934), chùa Tam Bảo - Rạch Giá (1937) đã gây ảnh hưởng và lan tỏa khắp miền Trung, miền Bắc, góp phần thành công trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do tổ Từ Vân, tổ Khánh Hòa khởi xướng.

Những chương trình

Phật Sự Online

Thực hiện

- BẢN TIN PHẬT SỰ 20H
- BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH
- HOẰNG PHÁP ONLINE
- ĐỌC LẠI TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
- AN CƯ LẠC NGHIỆP
- HƯỚNG DẪN CẮM HOA
- CHUYỆN CỬA THIỀN
- ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM
- NGUYỆN LÀM CON THẢO
- PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP
- PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG
- SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA
- CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ
- ĐỒNG VỌNG PHÁP
- NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO
- NGƯỜI CON PHẬT
- LỜI CON DÂNG PHẬT TRĂNG THÁNG TƯ
- TỎA NGÁT HƯƠNG SEN
- LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802
Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Văn phòng Miền Bắc - Chùa Bằng: 63 Bằng Liệt - Hoàng Mai - HN
ĐT: 097 553 5330 - Email: PSOmienbac@phatsuonline.com

Liên hệ Trực tiếp (Livestream) - Chùa Phật Quang - Kiên Giang
ĐT: 0888 188 311 - Email: livestream@phatsuonline.com

Tổ Chí Thiền

Tinh thần nhập thế

qua thế hệ kế thừa

HT. Thích Huệ Thông [1]

Hòa thượng Thích Chí Thiền (1861-1933) một trong những bậc danh Tăng tiêu biểu ở vùng Tây Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX đã góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam. *(Ảnh: Đăng Huy)*

Trong mỗi giai đoạn lịch sử của Phật giáo nước nhà đều xuất hiện những bậc danh Tăng xuất chúng bi - trí vẹn toàn làm thạch trụ chốn tùng lâm và là chỗ nương tựa vững chắc cho các thế hệ kế thừa. Trong số đó phải kể đến Hòa thượng Thích Chí Thiền, bậc Tổ sư của Tổ đình Phi Lai, Ngài đã cùng chư Tôn thạc đức đương thời làm rạng ngời những trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam thời cận đại.

Hòa thượng Thích Chí Thiền (1861-1933) một trong những bậc danh Tăng tiêu biểu ở vùng Tây Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX đã góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt, chốn Tổ Phi Lai, dưới sự lãnh đạo điều hành của tổ Chí Thiền, là một trong những cái nôi đào tạo Tăng tài nổi tiếng ở vùng Tây Nam Bộ. Cùng với những đóng góp to lớn trong phong trào Chấn hưng Phật giáo ngay từ những năm 1930, Tổ đình Phi Lai cũng là nơi xuất phát các hoạt động cách mạng, góp phần đáng kể vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Với mục đích tưởng niệm, tôn vinh công lao và nhận thức đúng đắn về vai trò của Tổ đình Phi Lai lẫn tổ Chí Thiền trong công cuộc Chấn hưng Phật giáo Việt Nam và sự nghiệp phụng sự dân tộc ở thế kỷ XX, Môn phong Tổ đình Phi Lai phối hợp với Văn phòng 2 Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc

gia TP. Hồ Chí Minh) tổ chức Hội thảo *"Vai trò của Tổ đình Phi Lai và Tổ sư - Hòa thượng Thích Chí Thiền với đạo pháp và dân tộc"* nhằm đề xuất những định hướng đóng góp, xây dựng phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam thế kỷ XXI. Trước hết, trên tinh thần uống nước nhớ nguồn, tưởng nhớ tri ân công đức sâu dày của một bậc tiền nhân, học tập tiếp thu những kinh nghiệm quý báu qua quá trình Tổ dấn thân nhập thế, đồng thời ôn lại lịch sử một thời nhằm ghi nhận những công đức sâu dày của Ngài trong sự nghiệp đào tạo Tăng tài.

Lịch sử chứng minh, từ chốn Tổ Phi Lai và sự truyền thừa của tổ Chí Thiền, đã sản sinh ra một thế hệ những bậc chân tu thạc đức kế tục sự nghiệp chấn hưng làm rạng danh Phật giáo Việt Nam. Qua đó, có thể nói, vai trò của Tổ đình Phi Lai và tổ Chí Thiền trong việc tham gia đào tạo Tăng tài trong công cuộc Chấn hưng Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX là vô cùng ý nghĩa và rất quan trọng đối với Phật giáo nước nhà. Những đóng góp trong việc xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, những giá trị truyền đăng tục diệm thiêng liêng cao quý này không chỉ thể hiện sinh động ở thế kỷ XXI, mà sẽ được thắp sáng mãi muôn đời. Trên tinh thần này, chúng tôi mạo muội đóng góp cùng Hội thảo bài tham luận ***"Tổ Chí Thiền - Tinh thần nhập thế qua thế hệ kế thừa".***

THÂN THẾ - ĐẠO NGHIỆP CỦA TỔ CHÍ THIỀN

Theo tư liệu về tổ Như Hiển - Chí Thiền của HT. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN (Pháp tôn Tổ Chí Thiền) và các tư liệu khác tại chốn Tổ Phi Lai, người viết xin tóm tắt đôi nét về hành trạng của Tổ. Xuất thân trong gia đình nhiều đời làm quan, ông nội là Hộ Quốc công Nguyễn Công Thành dưới triều Tự Đức, thân phụ là quan Tổng trấn Quảng Nam rất được lòng dân, lúc bấy giờ, Tổ tuy ở dinh Tổng trấn cùng thân phụ với nếp sống quyền quý, nhưng Ngài vốn bản tính hiền hậu hay giúp đỡ mọi người. Sau khi thân phụ qua đời, Tổ được thân mẫu tiếp tục cho học hành thành đạt.

Năm Mậu Dần (1878), Ngài được triều đình bổ dụng làm quan hậu bổ tại tỉnh Khánh Hòa, tại đây cùng người anh tham gia phong trào khởi nghĩa Văn Thân chống thực dân Pháp. Sau khi phong trào thất bại, Ngài vào tỉnh Gia Định tránh sự theo đuổi của quan quân triều đình và mật thám Pháp.

Năm Tân Tỵ (1881), tại vùng đất mới nơi lánh nạn này, Ngài cảm nhận sâu sắc về đời sống vô thường, danh lợi là ảo mộng, chiêm nghiệm thực cảnh biển dâu, thống khổ sự đời, chí xuất trần bộc phát. Vào năm 1881, Ngài đến chùa Giác Viên (Chợ Lớn) xin xuất gia học đạo với tổ Phương Danh, húy Minh Mai [2], được Tổ thu nhận làm đệ tử đời thứ 39 của dòng thiền Lâm Tế với pháp húy Như Hiển, hiệu Chí Thành, nhưng hiệu Chí Thành trùng tên ông nội của Ngài nên sau này Tổ đổi hiệu lại là Chí Thiền [3]. Sau khi xuất gia, Ngài được bổn sư giới thiệu đến học đạo và cầu pháp với tổ Minh Khiêm - Hoằng Ân (sư huynh của ngài Minh Mai - Phương Danh).

Thời gian học đạo, Tổ nổi tiếng với hạnh kham nhẫn, trong suốt ba năm Tổ không quản ngại bất cứ công việc khó khăn nào từ nhỏ đến lớn, như sửa cầu, bồi lộ, cho đến bửa củi, gánh nước… Tại chùa Giác Viên, trong thời gian đầu, Tổ phát nguyện đóng chuông ngày sáu thời ròng rã suốt ba tháng, rồi Ngài phát nguyện nhập thất tịnh khẩu thêm ba năm nữa. Trong các Phật sự, Tổ đã cùng thầy bổn sư xây dựng chùa Giác Sơn, khi chùa khánh thành, Tổ được cắt cử làm thủ tọa. Sau khi Hòa thượng trụ trì viên tịch vào năm Kỷ Hợi (1899), Ngài kiêm nhiệm trụ trì luôn chùa Giác Sơn.

Năm Canh Ngọ (1900), Tổ vào vùng núi Thất Sơn (An Giang) ẩn dật tu hành, thời gian này, ban đầu Tổ ở núi Cấm, sau đó được chư sơn môn cung thỉnh về trụ trì Tổ đình Phi Lai tại Châu Đốc. Lịch sử ghi nhận, khoảng thời gian này, chùa Phi Lai là một ngôi chùa vách đất, hoang sơ, khi về nhận trụ trì, Tổ đã cùng bổn đạo và hương chức địa phương khẩn hoang khu vực rộng lớn xung quanh chùa để thành lập nông trại làm ruộng. Từ đó, Ngài cùng bổn đạo ra sức tăng gia sản xuất để có tài vật xây dựng lại chùa khang trang và giúp đỡ người dân vùng biên giới trong những lúc khó khăn. Đáng kể là trong hai trận bão lụt năm Giáp Thìn (1904) và năm Đinh Mùi (1907) [4], Tổ đã đích thân quy nạp ghe thuyền, cùng với sự trợ giúp từ Nhân dân địa phương và bổn đạo đã vớt gần 50 xác người chết trôi, đem về chùa Phi Lai mai táng, làm lễ cầu siêu liên tiếp 49 ngày liền.

Nhờ đức hạnh từ bi cứu khổ và uy tín cũng như danh tiếng của Tổ, chùa Phi Lai trở thành nơi gặp gỡ bí mật của các nhà cách mạng yêu nước thời bấy giờ. Vào năm Quý Mão (1903) trong cuộc hội ngộ

Chốn Tổ Phi Lai, dưới sự lãnh đạo điều hành của tổ Chí Thiền, là một trong những cái nôi đào tạo Tăng tài nổi tiếng ở vùng Tây Nam Bộ. Cùng với những đóng góp to lớn trong phong trào Chấn hưng Phật giáo ngay từ những năm 1930, Tổ đình Phi Lai cũng là nơi xuất phát các hoạt động cách mạng, góp phần đáng kể vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

với nhà yêu nước Phan Bội Châu, Tổ căn dặn nhà chí sĩ rằng: *"Phàm muốn làm việc gì bí mật, có bàn bạc với nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh, ngày trắng, hoặc ở đồng trống đường to, không nên ở chỗ đêm khuya, nhà kín, tai mắt mình không thể phòng được xa, chỉ làm thêm cơ hội những ai muốn rình xét"*. Chỉ nội điều này thôi cũng đã cho chúng ta thấy tầm nhìn chiến lược cũng như tính cẩn trọng của Tổ trong các hoạt động yêu nước. Tiếp đến, vào tháng 2/1904, Tổ đã có cuộc gặp với hoàng thân Cường Để tại Quảng Nam, tại lần gặp đó Tổ trở vào Nam tích cực hoạt động hỗ trợ cho phong trào yêu nước chống thực dân Pháp.

Vào năm Đinh Tỵ (1917), sau vụ ông Bảy Do - Chưởng giáo Nam Cực Đường bị bắt, vì Tổ ở gần núi Cấm nên chính quyền Pháp nghi ngờ Tổ có liên lạc với ông Bảy Do. Cùng với việc ngày càng được lòng tin của quần chúng nhân dân, nên Tổ đã bị mật thám bắt giam tại Khám Lớn (Sài Gòn) hơn 10 tháng trời. Nhưng sau đó chúng đã phóng thích vì không đủ chứng cớ buộc tội Ngài.

Nhờ đức độ uy tín và hạnh nguyện cứu khổ chúng sanh sâu dày, Tổ được người dân vùng biên giới, cả người Việt lẫn Khmer, kể cả các Tăng sĩ Nam tông, tất cả đều ngưỡng mộ kính nể Ngài. Vào năm 1930, khi phong trào Chấn hưng Phật giáo hình thành, ngay trong giai đoạn đầu, Tổ đã hoạt động rất tích cực và kêu gọi ủng hộ phong trào Chấn hưng Phật giáo cũng như mở nhiều lớp Gia giáo giảng dạy cho Tăng, Ni và chứng minh tham dự nhiều hoạt động Phật sự quan trọng lúc bấy giờ [5].

Trong giai đoạn 1925-1932, tổ Huệ Đăng nhiều lần liên hệ với các chí sĩ yêu nước và tiếp xúc với tổ Chí Thiền ở chùa Phi Lai (xã Tú Tề - Châu Đốc). Do cảm kính ý chí và tấm lòng yêu nước của tổ Huệ Đăng, nên khi sắp tịch, tổ Chí Thiền có bảo một số đệ tử nên theo tu học với tổ Huệ Đăng.

Vào năm Quý Dậu (1933), Tổ thọ bệnh và an dưỡng tại thiền sàng. Ngài ứng hẹn vào vía Phật nhập Niết bàn thì sẽ viên tịch, quả đúng như vậy, đến ngày Rằm tháng 2, sau khi dặn dò các đệ tử, Tổ chắp tay nói bài kệ:

Nhứt niệm viên quán tội tính không,
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh

Rồi Tổ thâu thần an nhiên thị tịch, trụ thế 73 năm, hành đạo 52 năm, bảo tháp được xây dựng tôn thờ Tổ tại Tổ đình Phi Lai.

Nhìn lại hành trạng và đạo nghiệp của tổ Chí Thiền, chúng ta sẽ thấy, kể từ khi Ngài từ Quảng Nam vào xứ Nam kỳ ở tuổi 20, thuở đầu xuất gia hành đạo tại chùa Giác Viên (Chợ Lớn) cho đến lúc trụ tích chùa Phi Lai, trong khoảng mấy mươi năm đó, khi thì Tổ dấn thân cứu độ những người bị thiên tai ở Gò Công, khi thì ra tay giải nạn cho đồng bào trong trận lũ lụt kinh hoàng ở Châu Đốc. Đức hạnh từ bi của Ngài làm cảm động đến mười phương, vì vậy mà Tăng tục một vùng Nam kỳ rộng lớn, trong từ chư sơn thiền đức, ngoài đến thập phương đàn Việt, ai ai cũng khâm phục phẩm hạnh cao thượng và hành vi chánh đáng của Ngài.

Đặc biệt, cuộc đời của Tổ Chí Thiền, ngoài hành trạng dấn thân với bi nguyện cứu khổ cứu nạn chúng sanh và tích cực tham gia các phong trào yêu nước chống Pháp như đã trình bày, thì nhờ trình độ học thức uyên thâm và đức độ sâu dày, Tổ đã cảm hóa không biết bao nhiêu người trở thành đệ tử Ngài, quy y theo Phật, xuất gia học đạo. Đáng lưu ý là thế hệ kế thừa Ngài đa phần đều là những bậc Tăng tài xuất chúng, đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam huy hoàng xán lạn.

DẤU ẤN VỀ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO TĂNG TÀI CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM

"Thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh" chính là hoài bão của bậc đại trượng phu xuất gia thoát ly tam giới. Và, tổ Như Hiển Chí Thiền là một trong số ít những bậc danh Tăng nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ biểu hiện tâm huyết vun bồi đạo hạnh, đào tạo Tăng tài mà lịch sử Phật giáo Việt Nam lưu danh muôn thuở.

Tăng bảo là những người mang sứ mạng khai ngộ cho chúng sanh đang trầm luân trong khổ đau sinh tử quay về nương trú chánh pháp và hành trì chân lý giác ngộ giải thoát. Theo đó, các bậc chân tu thạc đức cũng chính là sứ giả Như Lai mang trên mình trọng trách tương truyền mạng mạch Phật pháp không ngừng thắp sáng ánh tuệ đăng trong dòng chảy đời sống thế nhân. Do nhận thức sâu sắc điều này, tổ Chí Thiền hiểu rất rõ: *"Mỗi bước chân Tăng sĩ sẽ in trên đất tâm của mọi người sự an lạc và thảnh thơi; vậy nên, Tăng bảo đóng vai trò rất lớn trong việc xây dựng và bảo vệ ngôi nhà chánh pháp"* [6]. Hơn nữa, Phật giáo có Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng; trong đó, Tăng bảo mang trong mình sứ mệnh *"Duy trì mạng mạch Phật giáo"*. Vì vậy, để Phật giáo trường tồn và phát triển, đào tạo Tăng tài chính là nhiệm vụ trọng tâm của Phật giáo mọi thời đại.

Lịch sử ghi nhận, ngay từ rất sớm, Tổ đã cho mở hai cơ sở đào tạo Tăng Ni ở chùa Phi Lai (An Giang) và chùa Giác Hoa (Bạc Liêu). Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tác giả Nguyễn Lang ghi rằng: *"Tại chùa Phi Lai ở Châu Đốc, Thiền sư Chí Thành (Chí Thiền) quy tụ Tăng sĩ về giảng dạy hàng năm, dưới sự hướng dẫn của ông, một trường Phật học dành cho Ni giới được tổ chức tại chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu, có trên một trăm học Ni tham dự"* [7].

Trong quá trình thực hiện sứ mệnh nối dòng mạng mạch Phật pháp, theo thời gian, nhờ uy đức và đạo hạnh của Ngài mà chốn Tổ Phi Lai ngày càng vang xa. Do cảm kính đức trọng của Ngài, Tăng Ni nhiều nơi đã quy tụ về đạo tràng do Ngài sáng lập để tu học. Trong bài viết *"Tổ đình Phi Lai nơi vun bồi đạo hạnh bậc thượng sĩ"*, tác giả Thích Minh Ân ghi rằng: *"Cảm phục ân đức sâu dày của tổ Chí Thiền, tứ phương Tăng tục đã quy tụ về dưới chân Ngài để cầu đạo, có cả người Việt, người Hoa và người Khmer, biến ngôi chùa Phi Lai trở thành chốn già lam sung túc, cuộc sống người dân quanh vùng có nhiều biến đổi tốt đẹp"* [8]. Còn bài viết *"Tổ đình Phi Lai - Dấu ấn chấn hưng Phật giáo vùng Tây Nam Bộ"* đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổ đình Phi Lai, ghi nhận: *"Trong thời gian hơn 60 năm thừa hành Phật sự, Hòa thượng đã quy y Tam bảo cho hàng trăm Phật tử hữu duyên và hơn 40 Tăng Ni xuất gia, trở thành pháp khí cho đạo pháp, góp phần phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội làm cho Tổ ấn trùng quang, đạo vàng phát triển, chúng sanh lợi lạc, tốt đời đẹp đạo"*.

Như vậy, từ chốn Tổ Phi Lai, tổ Chí Thiền đã góp phần khơi nguồn tuệ giác, hun đúc nên những thế hệ Tăng Ni tài danh kế tục sự nghiệp truyền đăng tục diệm cho các thế hệ nối tiếp sau này. Nhiều vị trong số đó đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ. Theo tài liệu của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, từ Tổ đình Phi Lai, nhiều thế hệ danh Tăng và Ni đã rất thành công trên con đường đạo nghiệp, về chư Tăng có Hòa thượng Hồng Pháp - Thiện Minh (Trưởng tử của tổ Chí Thiền, Ngài có biên soạn quyển *Lịch sử Đại đức Hòa thượng Phi Lai,* Nhà in Xưa & Nay, Sài Gòn, xuất bản năm 1934, bản số hóa được lưu trữ ở website của Thư viện Quốc gia Pháp - *Bibliothèque nationale de France*); Hòa thượng Hồng Diệu - Thiện Đạo; Hòa thượng Hồng Nhẫn - Từ Nhơn (Đào Bá Nhẫn); Hòa thượng Hồng Nhơn - Từ Nhẫn; Hòa thượng Hồng Tôi - Thiện Tường; Hòa thượng Hồng Xứng - Thiện Quang; Hòa thượng Hồng Mão - Thiện Tâm; Hòa thượng Hồng Nở - Thiện Hoa [9] (tự Hoàn Tuyên); Hòa thượng Hồng Minh - Từ Hội (HT. Pháp Long); Hòa thượng Hồng Tông - Quảng Đạt; Hòa thượng Hồng Thông - Trí Châu; Hòa thượng Hồng Sáng - Thiện Quang; Hòa thượng Hồng Tòng - Thiện Tòng, tự Phổ Quảng; Hòa thượng Hồng Chương - Trí Đức (Y chỉ); Hòa thượng Hồng Trung - Thiện Tín (HT. Huệ Hải) [10]. Thế hệ Pháp tôn có HT. Lệ Huy - Thiện Nhơn (đương kim Chủ tịch HĐTS GHPGVN); chư Ni có các vị, như: Ni sư Hồng Từ - Diệu Nga; Ni sư Hồng Trung - Diệu Hậu; Ni sư Hồng Thọ - Diệu Tịnh (Pháp sư Ni đầu tiên của Ni giới Việt Nam thời kỳ chấn hưng); Ni sư Hồng Lầu - Diệu Tấn; Ni sư Hồng Tích - Diệu Kim; Ni sư Hồng Quý - Bửu Thanh; Ni sư Hồng Khoái - Bửu Chí; Ni sư Hồng Đắc…

Đáng nói là phần lớn chư vị Tăng, Ni được quy y và thế pháp, thọ giáo từ tổ Chí Thiền nêu trên đều trở thành bậc pháp khí lỗi lạc chốn tòng lâm. Qua nhiều giai đoạn lịch sử, tổ Chí Thiền và các môn đệ của Ngài đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam. Nhìn ở góc độ truyền đăng tục diệm, có thể nói, công lao của tổ Chí Thiền đối với Phật giáo Việt Nam là vĩ đại, quý giá không thể nghĩ bàn.

Ngoài các bậc danh Tăng là đệ tử của Tổ, trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ xin nêu điển hình về chân dung và hành trạng của Hòa thượng Hồng Tòng, hiệu Thiện Tòng, một bậc danh Tăng thể hiện trọn vẹn hai đức tính Từ bi và Trí huệ của Đạo Phật từ sự truyền thừa của tổ Chí Thiền (Tổ đình Phi Lai cổ tự) và Hòa thượng Chơn Thanh Từ Văn (Tổ đình Hội Khánh Tự). Qua đó nói lên tinh thần nhập thế của tổ Chí Thiền và chư vị Tổ sư thông qua các thế hệ kế thừa.

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN TÒNG, BẬC DANH TĂNG THỂ HIỆN TINH THẦN NHẬP THẾ ĐỘ SANH TỪ SỰ TRUYỀN THỪA CỦA TỔ CHÍ THIỀN VÀ TỔ TỪ VĂN

Thân thế và đạo nghiệp của HT. Thích Thiện Tòng (1891 - 1964)

Hòa thượng Thích Thiện Tòng, thế danh Nguyễn Văn Thung, sinh năm Tân Mão (1891) tại thôn Tân Long (nay là xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Nhựt và thân mẫu là cụ bà Võ Thị Ngọt, gia đình có tám anh em, Ngài là người con thứ ba, người em thứ năm của Ngài cũng xuất gia pháp hiệu là Phổ Phú.

Thuở nhỏ, Ngài thông thuộc Tứ thư, Ngũ kinh. Năm Quý Mão (1903), Ngài được song thân dẫn đến chùa Khánh Quới xin cho Ngài quy y xuất gia với Hòa thượng Phước Chí (húy là Tâm Ba hoặc Tâm Bờ), được thầy bổn sư đặt pháp danh là Thiện Tòng, chẳng bao lâu Ngài đã nắm vững những quy tắc thiền môn và kiến thức Phật học cơ bản nhờ sẵn giỏi chữ Nho và bản tính thông minh…

Năm Ất Tỵ (1905), Hòa thượng Phước Chí viên tịch, Ngài đến cầu học với Hòa thượng thiền chủ Phước Minh ở Vũng Liêm, rồi qua Bằng Lắng (Vĩnh Long) cầu học với ngài Bửu Quang ở chùa Phước Sơn. Năm Kỷ Dậu (1909), Ngài đến an cư tại chùa Sùng Đức (Chợ Lớn) và thọ đại giới tại Trường hương này. Năm Tân Hợi (1911), Ngài đến an cư tại Tổ đình Đại Giác (Biên Hòa), năm Giáp Dần (1914) Ngài an cư tại chùa Long Phước (Vĩnh Long) và được cử làm Phó chúng thiền đường. Lúc bấy giờ ở Chợ Lớn có các vị cao Tăng như: Hòa thượng Chơn Hương (chùa Linh Nguyên), Hòa thượng Thanh Ẩn (chùa Sắc Tứ Từ Ân), Hòa thượng Hoan Hỷ (chùa Long Thạnh), Hòa thượng Từ Phong (chùa Giác Hải) khai đàn thuyết giáo, Ngài đã cùng một lúc tham học giáo lý nhiều nơi cho nên mỗi ngày Ngài phải lặn lội mười lăm, hai mươi cây số nắng mưa mà vẫn không sờn lòng thoái chí.

Vào năm Quý Dậu (1933), Tổ thọ bệnh và an dưỡng tại thiền sàng. Ngài ứng hẹn vào vía Phật nhập Niết bàn thì sẽ viên tịch, quả đúng như vậy, đến ngày Rằm tháng 2, sau khi dặn dò các đệ tử, Tổ chắp tay nói bài kệ: Nhứt niệm viên quán tội tính không, Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh. Rồi Tổ thâu thần an nhiên thị tịch, trụ thế 73 năm, hành đạo 52 năm, bảo tháp được xây dựng tôn thờ Tổ tại Tổ đình Phi Lai. *(Ảnh: Đăng Huy)*

Mùa hè năm Quý Sửu (1913) Ngài an cư tại chùa Sắc Tứ Tam Bảo (TP. Rạch Giá), Trường hương này có Hòa thượng Từ Văn (thường gọi Hòa thượng Cả) ở chùa Hội Khánh (Thủ Dầu Một) làm pháp sư, Ngài được cử làm Phó na thiền đường. Tại Trường hương này, Ngài thể hiện tinh thần trách nhiệm rất cao và hết lòng cầu pháp nên được Hòa thượng Từ Văn quan tâm dạy dỗ. Sau khi mãn hạ, Hòa thượng Từ Văn đã bảo Ngài về chùa Hội Khánh để Hòa thượng dạy thêm kinh luật, nhân đó Ngài học thêm nghề thuốc với lương y Mai Hữu Thân với dụng ý mai sau cứu người. Lúc bấy giờ, tổ Từ Văn tin tưởng và chọn Ngài làm thị giả, nhất là trong những lúc Ngài được cùng theo tổ Từ Văn lui tới các già lam. Trong cách diễn đạt hay trình bày kiến giải mọi vấn đề, cả hai thầy trò đều rất tâm đắc nên tổ Từ Văn càng tin yêu Ngài hơn.

Trên bước đường vân du học đạo, Ngài đến cầu pháp tổ Phi Lai, được Tổ phú pháp cho pháp hiệu Phổ Quảng, pháp danh Hồng Tòng, nối đời thứ 40 dòng Lâm Tế Gia Phổ [11].

Mùa hè năm Bính Dần (1926), Trường hương mở tại chùa Hội Phước ở ấp Rạch Miễu, xã Tân Thạnh, Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Bến Tre), tổ Từ Văn được cung thỉnh làm pháp sư. Cũng trong năm này, Hòa thượng Từ Văn được ông bà Hội đồng Lương Khắc Minh ở Sài Gòn đến cung thỉnh về trụ trì chùa Trường Thạnh. Vì đây là ngôi chùa do ông bà đứng ra xây dựng, Hòa thượng Từ Văn đã nhận lời về làm trụ trì chùa Trường Thạnh. Từ đây, Ngài dốc lòng tôn tạo chùa Trường Thạnh trở thành một tòng lâm quy tụ Tăng tài như hoài bão của Ngài bấy lâu nay [12].

Năm Đinh Mẹo (1927), chùa Sắc Tứ Long Hoa ở Gò Vấp tổ chức Kiết hạ an cư, Hòa thượng chủ hương ở đây chuyên trì Kinh Pháp Hoa, có nghe Ngài thường giảng Kinh *Pháp Hoa* ở Trường hương chùa Hội Phước, nên Hòa thượng đã tìm đến tận chùa Trường Thạnh, nơi Ngài đang trụ trì mời ngài làm pháp sư. Năm Kỷ Tỵ (1929), Ngài về chùa Long Phước (Cai Lậy) lập chúc thọ Giới đàn để báo đáp công ơn chư Phật, thay mặt giới tử địa phương, cung thỉnh Hòa thượng Từ Văn đến chứng minh, Hòa thượng chùa Sắc Tứ Long Hoa làm Hòa thượng Đường đầu, sư đệ là Quảng Ân (chùa Linh Phước) làm Giáo thọ.

Lúc này phong trào Chấn hưng Phật giáo bộc phát mạnh mẽ khắp ba kỳ. Lúc Ngài giảng kinh ở Trường hương Gò Vấp, sư Thiện Chiếu có đến gặp và Ngài hứa sẽ tiếp tay trợ lực với chư vị để cổ xúy phong trào. Sau đó, Ngài khuyến khích nhiều Phật tử tham gia Hội Nam kỳ Phật học, vận động nhiều người tìm đọc Tạp chí Từ Bi Âm. Chùa Trường Thạnh lúc ấy còn nghèo, nhỏ hẹp nhưng lúc nào cũng đón tiếp những tâm hồn đầy nhiệt huyết đến bàn việc trùng hưng Phật pháp.

sư Phổ Phú cũng đồng tình với anh mình nên thường mở những lớp học Phật tại chùa Long Phước, mời sư Thiện Chiếu đôi lần đến tận Long Phước để thuyết giảng giáo lý và các bài học yêu nước.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo phát triển được vài năm thì bị tác động từ nhiều phía, đành tạm thời lắng dịu. Hòa thượng Khánh Hòa chuyển sang thành lập Hội Lưỡng Xuyên Phật Học, sư Thiện Chiếu về chùa Hưng Long (Ngã bảy Sài Gòn) viết sách, còn Ngài thì trụ lại chùa Trường Thạnh mở các lớp giáo lý. Để tránh sự theo dõi của mật thám Pháp, nếu có ai hỏi về phong trào Chấn hưng Phật giáo thì Ngài khéo léo trả lời: *"Hiện giờ trong giới Tăng già có người nhiều tài đức hơn tôi, tôi phần vì sức yếu tuổi già lại tài hèn đức mọn nên phải lựa đường mà đi, nếu mình không đủ sức quét nhà thì đừng xả rác"*.

Tháng 10 năm Canh Thìn (1940), Ngài đứng ra trùng tu chùa Trường Thạnh, sau một biến cố nhiều rắc rối đến tận tai Thống đốc Nam kỳ. Nhưng cũng nhờ sự kiện đó, sau lần trùng tu này, chùa Trường Thạnh càng ngày càng đông đảo Tăng Ni, Phật tử đến lễ bái, học Phật và là một trong những cơ sở quan trọng của phong trào Việt Minh ở nội thành Sài Gòn.

Sau Cách mạng tháng Tám, Ngài chính thức trở thành cơ sở nội thành cho kháng chiến. Trong giai đoạn 1949-1950, phong trào Phật giáo ở nội thành hoạt động mạnh. Do theo yêu cầu kháng chiến, Hòa thượng Giác Ngộ (Ngã sáu) cùng nhiều vị khác tiến hành Đại hội thành lập Giáo hội Lục Hòa Tăng vào ngày Rằm tháng 2 năm Nhâm Thìn (1952). Ngài được tổ Đạt Thanh (Pháp chủ Tăng già Nam Việt, chứng minh Đạo sư tối cao của tổ chức Giáo hội Phật giáo Lục Hoà Tăng) và chư Tôn thiền đức công cử làm Đại Tăng trưởng (tương tự chức Tăng thống).

Tháng 10 năm Kỷ Hợi (1959), Ngài đã 70 tuổi nhưng không ngại tuổi cao sức yếu mà vẫn khởi công trùng tu nâng cấp chùa Trường Thạnh thêm khang trang kiên cố [13]. Trong giai đoạn này, nhiều Tăng sĩ trong chùa Trường Thạnh nhờ sự giáo dục động viên của Ngài nên đã thoát ly theo kháng chiến, trong số đó có nhiều vị hy sinh. Biết cơ duyên hoằng hóa đã đến hồi viên mãn, sau khi để lại lời phú chúc hậu sự, khuya ngày 3 tháng 3 năm Giáp Thìn (tức ngày 24/4/1964), Ngài nhẹ nhàng viên tịch, thọ 74 tuổi đời, 50 tuổi đạo, bảo tháp Ngài được tôn trí trong khuôn viên chùa Giác Viên.

Hòa thượng Thích Thiện Tòng hấp thụ đức hạnh Từ bi từ sự truyền thừa của tổ Như Hiển - Chí Thiền và tinh thần trí tuệ của tổ Chơn Thanh - Từ Văn

Lúc sinh thời, tổ Chí Thiền đã thế độ được rất nhiều đệ tử, hàng đệ tử của Tổ về sau này đều là những bậc danh Tăng xuất chúng, tài năng lỗi lạc, làm rạng danh Phật giáo nước nhà, như: Hòa thượng Thiện Hoa, Hòa thượng Hồng Pháp, Hòa thượng Hồng Nhẫn… thế hệ Pháp tôn Hòa thượng Trí Tịnh - Nhựt Bình, Hoà thượng Lệ Huy - Thiện Nhơn, cũng như quý Trưởng lão Ni, như: Diệu Kim, Diệu Tịnh, Hải Ấn… Trong số đó, có Hòa thượng Thiện Tòng được xem là bậc danh Tăng thạc đức cùng một lúc hấp thụ cả hai đức tính ưu việt của Đạo Phật là Từ bi và Trí tuệ. Về đức tính Từ bi, Ngài được huân tập trọn vẹn từ tổ Chí Thiền. Nhìn vào đức hạnh của Hòa thượng Thích Thiện Tòng, chúng ta có thể thấy rõ tinh thần nhập thế của tổ Chí Thiền thông qua các thế hệ kế thừa.

Trên tinh thần *"ôn cố tri tân"*, khi nói đến tổ Chí Thiền, chắc hẳn mọi người đều tưởng nhớ đến một bậc cao Tăng thạc đức với tấm lòng một đời từ bi cứu khổ chúng sanh mà đạo hạnh của Ngài đã cảm động đến chư vị Hộ pháp thiện thần. Mọi tầng lớp dân chúng đều kính trọng ngưỡng mộ, cả đến các loài chim chóc muông thú cũng được thuần hóa thân thiện với Ngài. Thậm chí tại Tịnh Biên (Châu Đốc) thời bấy giờ là vùng đất đông người Khmer sinh sống, mà đạo hạnh của Tổ cũng được lan truyền qua tận xứ chùa Tháp (Campuchia) khiến các vị Sư Cả Lục chùa Tà Lạp ở Campuchia hiến cúng pho tượng Phật cổ bằng vàng để tôn trí tại chùa Phi Lai. Đây được xem là một bảo vật rất quý hiếm vào thời đó. Điều này càng chứng tỏ hành trạng của tổ Chí Thiền mang vào đời sống thế gian là một tấm lòng từ bi cứu khổ sâu dày vô tận. Và đức hạnh từ bi đó cũng đã được lịch sử tái hiện qua hành trạng của Hòa thượng Thích Thiện Tòng, một hậu duệ trong hàng đệ tử y chỉ của tổ Chí Thiền.

Mỗi nhân vật lịch sử đều gắn liền với những sự kiện nổi bật tạo nên ấn tượng khó phai mờ trong ký ức các thế hệ mai sau, nếu như đối với tổ Chí Thiền, khi nhắc đến trận bão lụt năm Giáp Thìn (1904) tại Gò Công và trận lũ lụt kinh hoàng diễn ra vào năm Đinh Mùi (1907) tại Châu Đốc, cùng với những công hạnh vị tha nhân ái mà Ngài suốt đời đã thể

hiện như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, thì chúng ta mới hình dung ra đức hạnh từ bi cứu khổ chúng sanh của Tổ là không thể nghĩ bàn.

Nay nói đến đức hạnh từ bi mà Hòa thượng Thích Thiện Tòng trải lòng với đời sống trong bối cảnh xã hội thời chiến tranh loạn ly vốn ngổn ngang sự kiện chồng chéo lên nhau thì e cũng khó lột tả trọn vẹn. Tuy nhiên, trong nội dung này, chúng tôi xin tóm lược một vài nét chính nói lên đức hạnh từ bi cứu khổ của Ngài.

Ngay từ thời làm thị giả cho Hòa thượng Chơn Thanh Từ Văn tại Tổ đình chùa Hội Khánh vào năm Quý Sửu (1913), Ngài đã tự nguyện học thêm nghề thuốc với lương y Mai Hữu Thân nhằm cứu người khi gặp cơn hoạn nạn. Theo lời kể của chư sơn thiền đức, vào thời bấy giờ, tuy còn trẻ tuổi nhưng với những kiến thức y khoa về ngành đông dược đã học được, Ngài không quản ngày đêm, miễn là nghe có bà con hay bổn đạo bệnh hoạn nguy biến gì là Ngài tức tốc khăn gói tay nải lên đường cứu chữa cho bà con dẫu cho thời tiết nắng mưa vất vả. Cũng chính tấm lòng vị tha nhân ái hiếm có này mà Hòa thượng Từ Văn đã rất tin tưởng chọn Ngài làm thị giả. Về sau, trên bước đường tu học, Ngài may mắn được tổ Chí Thiền thâu nhận trao pháp, phú chúc pháp hiệu Phổ Quảng, pháp danh Hồng Tòng, nối đời thứ 40 dòng Lâm Tế, thì tấm lòng từ bi vị tha nhân ái của Ngài càng thể hiện sâu sắc hơn trong các hoạt động yêu nước của mình.

Quay lại thời gian xa hơn vào năm 1922, thời bấy giờ, Phật giáo Nam Bộ nói chung và Phật giáo Thủ Dầu Một nói riêng vào thời kỳ này dưới sự lãnh đạo điều hành của Hòa thượng Từ Văn đã tham gia Hội Lục Hòa Liên Xã rất nhiệt tình trong công cuộc Chấn hưng Phật giáo cũng như các hoạt động yêu nước tại một vùng đất vốn trầm lắng bấy lâu nay. Giới Tăng già tham dự Hội Lục Hòa Liên Xã vào thời kỳ này có thể kể đến Hòa thượng Từ Phong (chùa Giác Hải), Hòa thượng Thiện Quới và Thiện Hương (chùa Hội Khánh), trong số đó có Hòa thượng Thiện Tòng (chùa Trường Thạnh) lúc bấy giờ Ngài 31 tuổi… Như chúng ta biết, Hội Lục Hòa Liên Xã chủ trương liên kết họp mặt chư Tôn đức Tăng già nhân ngày húy kỵ để bàn bạc tổ chức các hoạt động yêu nước. Trong những dịp này, Hòa thượng Thiện Tòng rất năng nỗ tham gia ý kiến nhằm hạn chế tối đa sự tổn thất cho tổ chức. Cùng với kiến thức uyên bác và nghề thuốc của mình, Ngài tận tình chăm lo sức khỏe cho chư vị cao niên, thường xuyên tổ chức khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo những nơi Ngài đặt chân đến công tác Phật sự.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo phát triển được vài năm thì bị tác động từ nhiều phía, đành tạm thời lắng dịu như trên đã trình bày. Ngài thì trụ lại tại chùa Trường Thạnh mở các lớp giáo lý. Với tấm lòng từ bi không ngằn mé, không sợ mọi hiểm nguy rình rập, Ngài đã biến chùa Trường Thạnh thành một trong những cơ sở quan trọng của phong trào Việt Minh ở nội thành Sài Gòn. Trong giai đoạn này, nhiều Tăng sĩ trong chùa đã thoát ly theo kháng chiến và hy sinh. Sau Cách mạng Tháng Tám, Ngài chính thức trở thành cơ sở nội thành cho kháng chiến, khoảng năm 1949 - 1950, phong trào Phật giáo ở nội thành hoạt động mạnh, theo yêu cầu kháng chiến, Hòa thượng Giác Ngộ (tổ Đạt Thanh) cùng nhiều vị khác tiến hành Đại hội thành lập Giáo hội Lục Hòa Tăng vào ngày rằm tháng Hai năm Nhâm Thìn (1952) với chủ trương tu theo cung cách cổ truyền, kính ngưỡng trình độ uyên bác và đức hạnh từ bi phổ độ chúng sanh của Ngài nên Đại hội đã cung cử Ngài làm Đại Tăng trưởng (tương tự chức Tăng thống). Trong thời gian hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Ngài đã đứng ra vận động quyên góp tài chánh, thuốc men, lương thực, giấy mực và các nhu yếu phẩm phục vụ các phong trào thi đua yêu nước rất tích cực…

Hòa thượng Thích Thiện Tòng hấp thụ đức hạnh Trí Tuệ từ sự truyền thừa của tổ Chơn Thinh - Từ Văn

Qua tinh thần nhập thế bằng trí tuệ, phương tiện thiện xảo của Hoà thượng Thiện Tòng đã thể hiện rất rõ hạnh nguyện và ý chỉ của tổ Từ Văn mà Hoà thượng Thiện Tòng đã hấp thụ tư tưởng này trong suốt thời gian làm thị giả cho tổ Từ Văn. Hình ảnh của Hoà thượng Thiện Tòng được thể hiện như sự hiện thân Từ bi - Trí tuệ của hai bậc Đại sĩ là tổ Chí Thiền và tổ Từ Văn.

Nói đến Hòa thượng Từ Văn là nói đến tầm nhìn sâu sắc trước thời cuộc và những cống hiến trí tuệ của Ngài cho Phật giáo tại Nam bộ thời bấy giờ. Trước tiên, điều đó sẽ được chứng minh qua việc Ngài cùng chư Tôn đức đứng ra tổ chức thành lập Hội Lục Hòa Liên Xã [14] và sau đó cùng với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Hồ Chủ Tịch) và nhà

Tại Hội thảo này, chúng ta sẽ làm sáng tỏ hơn về hạnh nguyện và tinh thần nhập thế của Tổ sư Phi Lai cũng như tinh thần của thế hệ kế thừa tư tưởng của Ngài. Một lần nữa, tất cả chúng ta khẳng định vai trò của Tổ đình Phi Lai và của tổ Chí Thiền trong trong sự nghiệp phụng sự dân tộc và chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX, nhất là vai trò của tổ Chí Thiền trong việc tham gia đào tạo Tăng tài góp phần tạo tiền đề quan trọng cho tiến trình xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam sau này. *(Ảnh: Đăng Huy)*

cách mạng yêu nước Phan Đình Viện thành lập "Hội danh dự yêu nước" tại chùa Hội Khánh. Cả hai tổ chức này đều cùng chung mục đích chấn hưng Phật giáo và đóng góp cho các hoạt động yêu nước. Nói về trí tuệ mẫn tiệp của Ngài, nhân đây xin vắn tắt một giai thoại đáng nhớ, vào năm 1920, Hòa thượng sang Pháp làm sám chủ lễ cầu siêu tại TP. Marseille theo lời mời của nhà cầm quyền Pháp, tại cuộc lễ, có một vị chức sắc của nhà chức trách Pháp hỏi Hòa thượng sang đây với ai? Hòa thượng Từ Văn trả lời: *"Tôi sang đây cùng với vợ con tôi"*, người đó nói: *"Hòa thượng có vợ con sao?"* Hòa thượng trả lời: *"Vợ con tôi tức là kim cang và Bồ đề" (kim cang thê, Bồ đề tử)*, dụng ý Hòa thượng muốn nói người tu phải có từ bi và trí tuệ, cuộc đối thoại đã làm cho nhà chức trách Pháp càng thêm kính nể. Sau khi đi Pháp về, nhà cầm quyền Pháp mặc nhiên công nhận Ngài như là một vị Tăng thống của Phật giáo Nam kỳ. Từ đây ở cương vị Tăng thống, Hòa thượng đóng vai trò chủ đạo trong giới Phật giáo nước nhà, các vị chức sắc của nhà chức trách cũng như Tăng sĩ tín đồ đều gọi Ngài là Hòa thượng Cả [15] …

Nói về phẩm chất trí tuệ của Hòa thượng Từ Văn, lịch sử ghi nhận, ngay từ buổi đầu nhen nhóm phong trào Chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng Từ Văn đã đứng ra mở lớp giáo lý Phật học và mở khóa luật, nhân đó đã giúp cho giới Tăng sĩ tinh thần cải tổ tự thân, làm nền tảng cho công cuộc xây dựng tổ chức Giáo hội. Năm Quý Sửu (1913) Hòa thượng miền Tây Nam Bộ cung thỉnh Ngài làm pháp sư tại Trường hương chùa Tam Bảo, Rạch Giá; năm Nhâm Tuất; Năm 1919, Ngài làm Hoà thượng Đàn đầu tại Giới đàn Tổ đình Phước Hưng, Sa Đéc (1922) làm chủ kỳ thi tại Trường hương chùa Giác Lâm - Gia Định, năm Giáp Tý (1924) làm pháp sư chùa Chúc Thọ, giới đàn chùa Giác Thiên; năm Bính Dần (1926) làm pháp sư ở Trường hạ chùa Hội Phước (Mỹ Tho); năm Mậu Thìn (1928) làm chứng minh tại Trường hương chùa Long Phước; năm Canh Ngọ (1930) Ngài đứng ra tổ chức khắc bản in kinh để ấn tống cho khắp cả vùng Đông và Tây Nam Bộ… Những kết quả từ công cuộc Chấn hưng Phật giáo đã giúp Phật giáo Nam Bộ hình thành nên một nền Phật học căn bản dựa trên cơ sở thành văn. Trong quá trình đào tạo Tăng tài, Ngài đã đào tạo nhiều thế hệ kế thừa tài năng xuất chúng như: Hòa thượng Từ Tâm, Hòa thượng Quảng Nhu, Hòa thượng Thiện Hương, Hòa thượng Quảng Viên, Hòa thượng Mỹ Định, trong đó có Hòa thượng Thích Thiện Tòng là đệ tử y chỉ và từng một thời làm thị giả cho Ngài. Trong suốt quãng đời tu học, hoằng pháp lợi sanh, dấn thân vào các hoạt động yêu nước, Hòa thượng Thiện Tòng đã được hấp thụ và thấm nhuần phẩm chất trí tuệ tuyệt vời từ Hòa thượng Từ Văn.

Nội dung trên đây, chúng tôi lược nói phần nào về trí tuệ uyên thâm của Hòa thượng Từ Văn, qua

phẩm chất trí tuệ của Hòa thượng Thích Thiện Tòng hấp thụ từ sự truyền thừa của Hòa thượng Từ Văn đã được Ngài thể hiện trong suốt quá trình hành đạo cũng như tham gia vào các hoạt động yêu nước.

Trước tiên, chúng tôi xin nói ngay rằng, Từ bi và Trí tuệ là hai phẩm chất cao quý của Đạo Phật và cũng là thuộc tính vốn tiềm tàng nơi người con Phật. Từ xưa tới nay, những bậc lãnh đạo Giáo hội trải qua các thời kỳ đều là những bậc danh tăng xuất chúng luôn hội đủ đức hạnh Từ bi và phẩm chất Trí tuệ. Có thể nói, nếu không hội đủ hai phẩm chất cao quý này thì e rằng khó có thể trở thành một nhà lãnh đạo trong tổ chức Phật giáo. Trong khi đó, nhìn lại lịch sử, chúng ta sẽ thấy Hòa thượng Từ Văn được nhà cầm quyền pháp mặc nhiên công nhận là Ngài Tăng thống, chư Tôn đức các sơn môn pháp phái đều suy tôn Ngài là Hòa thượng Cả, hơn nữa bản thân Ngài là một trong số ít chư vị làm lãnh đạo Hội Lục Hòa Liên Xã và Hội Danh Dự Yêu Nước, tiếng tăm về tấm lòng từ bi đức độ và trí tuệ thông thái cũng như uy tín của Ngài vang dội khắp vùng đất Nam kỳ. Điều này đã chứng minh một cách thuyết phục về trí tuệ của Ngài.

Về Hòa thượng Thiện Tòng cũng vậy, chính nhờ đức hạnh từ bi vị tha nhân ái và nhất là phẩm chất thông minh trí tuệ tuyệt vời của Ngài mà chư Sơn thiền đức đã suy tôn Ngài vào ngôi vị Đại Tăng trưởng Giáo hội Lục Hòa Tăng. Nói thêm về phẩm chất trí tuệ của Hòa thượng Thiện Tòng, trong quá trình hoằng đạo, Ngài rất uyên thâm yếu chỉ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và thường thuyết giảng bộ kinh này tại các đạo tràng [16], nhất là giảng định kỳ tại Trường hương chùa Hội Phước. Tiếng tăm Ngài vang dội nên Hòa thượng chủ Trường hương chùa Sắc Tứ Long Hoa ở Gò Vấp đã thân hành đến tận chùa Trường Thạnh, nơi Ngài đang trụ trì để mời Ngài về làm pháp sư chủ giảng Trường hương này. Trong phong trào Chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng Thiện Tòng rất tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, Ngài là vị giáo phẩm đứng ra mở các lớp dạy giáo lý tại chùa Trường Thạnh (Sài Gòn) dù trong điều kiện thiếu thốn và hết sức khó khăn nhưng vẫn quy tụ rất nhiều Tăng sĩ vùng Sài Gòn và Gia Định thời bấy giờ đến tham dự các khóa học. Qua đó nâng cao trình độ kiến thức Phật học cũng như góp phần đáng kể vào việc bảo vệ bản sắc văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc.

Có thể nói, Hòa thượng Thiện Tòng là bậc cao Tăng thạc đức giàu lòng yêu nước và tâm huyết với sự nghiệp xương minh Phật pháp. Ngài là một trong số chư Tôn đức góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng cũng như định hướng cho sự phát triển của Phật giáo miền Đông Nam Bộ trong những thập niên giữa thế kỷ XX. Bằng tâm hạnh từ bi và phẩm chất thông minh trí tuệ của mình, Ngài đã dành trọn đời mình chăm lo hoằng dương Phật pháp, để lại cho hậu thế noi gương về tinh thần yêu nước, phụng sự đạo pháp, xứng danh bậc thạch trụ của thiền lâm. Ngoài Hoà thượng Thiện Tòng [17], còn có các vị đệ tử và pháp tôn nổi danh của Ngài như: HT. Hồng Nở - Thiện Hoa [18], HT. Nhựt Bình - Trí Tịnh [19], HT. Lệ Huy - Thiện Nhơn [20].

Ngày nay, đến Tổ đình Phi Lai chúng ta thấy một ngôi Tổ đình khang trang, xứng đáng với vai trò lịch sử của một ngôi Tổ đình, do HT. Thích Thiện Nhơn (Pháp tôn của Tổ) đứng ra tổ chức Đại trùng tu. Chốn Tổ Phi Lai sẽ là nơi hội tụ, lan toả những giá trị văn hoá, đạo đức và tính nhân văn của một bậc đại sĩ cả đời cống hiến cho đạo pháp, dân tộc bằng hạnh nguyện Bồ tát.

Tại Hội thảo này, chúng ta sẽ làm sáng tỏ hơn về hạnh nguyện và tinh thần nhập thế của Tổ sư Phi Lai cũng như tinh thần của thế hệ kế thừa tư tưởng của Ngài. Một lần nữa, tất cả chúng ta khẳng định vai trò của Tổ đình Phi Lai và của tổ Chí Thiền trong sự nghiệp phụng sự dân tộc và chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX, nhất là vai trò của tổ Chí Thiền trong việc tham gia đào tạo Tăng tài góp phần tạo tiền đề quan trọng cho tiến trình xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam sau này. Chúng tôi một lần nữa khẳng định tổ Chí Thiền là bậc danh Tăng tiêu biểu thuộc hàng hy hữu của Phật giáo Nam Bộ từ trước đến nay, bằng chứng thuyết phục là trong suốt thời gian hơn 60 năm *"Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự"*. Ngài đã quy y Tam bảo cho hàng trăm Phật tử hữu duyên và hơn 20 Tăng Ni xuất gia tu học, tất cả đều trở thành bậc pháp khí chốn tùng lâm, góp phần quan trọng vào sự nghiệp chấn hưng, phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ, làm cho Tổ ấn quang huy, chúng sinh lợi lạc. Công đức hoằng hóa và đào tạo Tăng tài của Tổ sẽ mãi trường tồn thông qua các thế hệ kế thừa và một trong những nhân vật kế thừa tiêu biểu của tổ Chí Thiền, đó là Hòa thượng Thích Thiện Tòng như chúng tôi đã trình bày./.

Chú thích:

[1] Hòa thượng Tiến sĩ Thích Huệ Thông - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng Ban Pháp chế Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[2] Thích Vân Phong (2016), *Tiểu sử Thiền sư Minh Mai:* Tổ Minh Mai - Phương Danh trước khi xuất gia, Ngài tham gia vào Nghĩa quân của Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân Trương Định, năm Tân Dậu (1861). Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường, Ngài gia nhập kháng chiến do Võ Duy Dương lãnh đạo, được bổ nhiệm chức Lãnh binh... Sau đó, Ngài lánh nạn vào chùa Tây An (núi Sam, Châu Đốc) cầu xin xuất gia với tổ Tiên Giác - Hải Tịnh, được Tổ gửi cho học đạo với sư huynh Minh Khiêm - Hoằng Ân.

[3] Theo Từ Bi Âm [1932] tổ Chí Thiền xuất gia với tổ Minh Mai - Phương Danh chùa Giác Viên. *"Giác Diên [Viên] chùa Phật gần đây, Kỳ - Hoàng hiệu thất của thầy Phương - Danh, lạy thầy quyết dạ về lành, cúi xin thế độ dạ đành tu thân, con nay quyết chí đoạn trần, cúi xin Sư-phụ muôn phần đoái thương"* [Thiện Minh, 1934, tr.4].

[4] [Thiện Minh 1934, tr.13]: *"Lê dân gặp lúc thảm sầu,/ Nước lên quá lẹ khói đầu mái hiên,/ Đại-đức truyền bảo dọn thuyền,... Rao cho dân chúng hay đều,/ Thuyền ông Đại-đức ra kêu rước về,/ Ở đây sợ nổi canh khuya,/ Gió dông bất trắc mau lia lên thuyền... Mấy trăm nhơn số chay trường,/ Vào chùa cứ việc dưa tương mà dần..."*. [Từ Bi Âm, 1932, tr.40] *"hao biết bao nhiêu là nhơn mạng, kẻ chết trôi chẳng ai chôn, người còn sống không chốn dựa"*.

[5] Với chí nguyện muốn *"hoằng pháp lợi sanh"* của Tổ, nhằm mục đích *"chuyển cái tư tưởng điên đảo của người đời mà đem về cái cảnh giới vô vi thanh tịnh"* [Từ Bi Âm, 1933, tr.44]. Hơn nữa, Tổ sư rất chú ý và quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo Tăng, Ni. Theo Nguyễn Lang, *"tại chùa Phi Lai ở Châu Đốc, Thiền sư Chí Thành quy tụ Tăng sĩ về giảng dạy hàng năm. Dưới sự hướng dẫn của ông, một trường Phật học dành cho Ni giới được tổ chức tại chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu, có trên một trăm học Ni tham dự"*. Theo Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng thì trong sự nghiệp hoằng pháp, tổ Phi Lai là một *"Pháp sư nổi danh"*.

[6] Thích Nữ Liên Thuận (2022), *Tăng Bảo là mạng mạch của Phật pháp*, ttps://tapchivanhoaphatgiao.com.

[7] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.756-757.

[8] Thích Minh Ân (2019), *Tổ đình Phi Lai nơi vun bồi đạo hạnh bậc thượng sĩ*, https://www.phattuvietnam.net/...; Duyên Khởi (2020), Phi Lai Cổ Tự - Nơi xuất thân của những bậc thượng sĩ, https://chuaminhdao.vn...

[9] Hoà thượng Hồng Nở - Thiện Hoa là bậc danh Tăng của thế kỷ XX, Ngài là Viện trưởng Viện Hoá đạo, Ngài đã để lại nhiều tác phẩm quan trọng cho thế hệ sau này, trong đó có bộ Phật học Phổ thông, là một công trình tư liệu giảng dạy cho Tăng Ni và Phật tử.

[10] Thích Minh Ân (2019), *Tổ đình Phi Lai nơi vun bồi đạo hạnh bậc thượng sĩ, Sđd.*

[11] Thích Huệ Thông (2019), *Lịch sử Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ, TP HCM.

[12] Thích Huệ Thông (2019), *Lịch sử Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ, TP HCM.

[13] Chùa Trường Thạnh từng là Trị sở - Văn phòng Viện Tăng Thống của Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Lục Hoà Tăng - Lục Hoà Phật tử.

[14] Nét đặc thù của Lục Hòa Liên Xã, thứ nhất là lợi dụng ngày kỵ Tổ để thành lập hội thông qua đó triển khai các hoạt động đẩy mạnh công cuộc Chấn hưng Phật giáo; thứ hai là nêu cao tinh thần yêu nước, khích lệ các hoạt động yêu nước cho Tăng Ni Phật tử; thứ ba là đã tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa các tông môn, hệ phái tại các ngôi già lam ở Nam bộ, nhờ đó mà đẩy mạnh công cuộc chấn hưng Phật giáo và tích cực tham gia vào các hoạt động yêu nước tại các tỉnh thành.

[15] Ý nói là bậc giáo phẩm đứng đầu Phật giáo, vì lúc này tổ chức Phật giáo tại Việt Nam chưa có danh xưng Tăng Thống trên văn bản hành chánh, các giấy tờ chứng nhận Hoà thượng Từ Văn của nhà cầm quyền pháp đều gọi Ngài là Hoà thượng Cả.

[16] Theo Hoà thượng Từ Nhơn, Phó chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN, Ngài đã kể lại rất nhiều giai thoại về sự uyên bác của HT. Thiện Tòng, mà chúng tôi đã trực tiếp nghe tại các buổi sinh hoạt của Giáo hội tổ chức trước mùa An cư Kiết Hạ hằng năm. Cũng theo HT. Từ Nhơn, Ngài được HT. Thiện Tòng dìu dắt, hướng dẫn để trở thành một vị giảng sư trẻ thời bấy giờ.

[17] Đại Tăng trưởng (Tăng Thống GHPG Lục Hoà Tăng Việt Nam năm 1952).

[18] Viện trưởng Viện Hoá đạo GHPGVN Thống Nhất, giai đoạn 1966 - 1973.

[19] Chủ tịch HĐTS GHPGVN, giai đoạn 1984 - 2014.

[20] Chủ tịch HĐTS GHPGVN, từ năm 2014 đến nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Từ Bi Âm 16 (1932), *Tiểu sử của Hòa thượng chùa Phi Lai*, trong Từ Bi Âm, tr.40-43.
2. Từ Bi Âm số 32 (1933), *"Đám tang rất long trọng của ngài Chí Thiền: Hòa thượng chùa Phi Lai"*, 1933, tr.38-44.
3. Thích Minh Ân (2019), *Tổ đình Phi Lai nơi vun bồi đạo hạnh bậc thượng sĩ*, https://www.phattuvietnam.net/...;
4. Thích Minh Ân (2020), *Tổ đình Phi Lai: Huyền tích, Phật tích và di tích kiến trúc văn hoá độc đáo*, Tạp chí Văn hoá Phật giáo.
5. Thích Đồng Bổn (2009), *Biên niên sử Giới đàn Tăng Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Thích Đồng Bổn (biên soạn) (2017), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX, tập I*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
7. Tạp chí Từ Quang, *Hội Phật học Nam Việt.*
8. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
9. Thiện Minh (1934), *Lịch sử Đại đức Hòa thượng Phi Lai:* Nhà in Xưa & Nay, Sài Gòn.
10. Thích Thiện Nhơn (2018), *Tiểu sử tổ Như Hiển - Chí Thiền*
11. Thích Thiện Nhơn (2018), *Những Đóa Hoa Phật Giáo Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
12. Thích Thiện Nhơn (2019), *Hương đạo ngát đời*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
13. Thích Trí Quảng (2011), *Khai Thị*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
14. Duyên Khởi (2020), *Phi Lai Cổ Tự - Nơi xuất thân của những bậc thượng sĩ*, https://chuaminhdao.vn...
15. Thích Huệ Thông (2015), *Lịch sử Phật giáo Bình Dương*, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ, TP. HCM.
16. Thích Huệ Thông (2019), *Lịch sử Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ, TP. HCM.
17. Thích Nữ Liên Thuận (2022), *Tăng Bảo là mạng mạch của Phật pháp*, ttps://tapchivanhoaphatgiao.com.
18. Thích Đức Quang (2022), *Tổ sư Phi Lai - Một đại sĩ hóa thân*, nguồn: https://phatgiao.org.vn/to-su-phi-lai-mot-dai-si-hoa-than-d54025.html.

Công nghiệp hoằng pháp của Tổ Chí Thiền đối với công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam

TT. Thích Phước Đạt*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Các nhà nghiên cứu nhận định rằng: *"Bình minh lịch sử dân tộc Việt Nam gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam"*. Điều đó có nghĩa trong tiến trình dựng nước và giữ nước, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc. Chính trong cuộc hành trình này, mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ đều xuất hiện những con người góp phần làm nên lịch sử hào hùng của dân tộc gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Các Thiền sư đời Trần đã lập nên dòng thiền Trúc Lâm mang bản sắc Việt, góp phần tạo nên kỳ tích huy động sức mạnh nội tại toàn dân, ba lần đánh tan quân xâm lược Mông-Nguyên và chủ trương phục hưng văn hóa Đại Việt. Các Thiền sư Đại Việt khi được truyền đăng dòng thiền Lâm Tế từ Trung Hoa sang vào thế kỷ XVII trở về sau cũng đã nỗ lực Việt hóa, góp phần ổn định lòng dân và cùng vương triều Nguyễn hoàn thành công cuộc mở cõi phương Nam. Đến đầu thế kỷ XX, các Thiền sư Việt Nam đã khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo trong bối cảnh nhà Nguyễn suy yếu, thực dân Pháp đô hộ, để đáp ứng nhu cầu tất yếu của lịch sử đặt ra.

Có thể phong trào chấn hưng diễn ra là nhằm đáp ứng và giải quyết vấn đề: *"Sống dưới sự bảo hộ của ngoại bang, cái lo sâu đậm nhất của người Việt là sự đánh mất cá tính và linh hồn Việt, cho nên sự phục hưng Phật học cũng như ý hướng xây dựng "quốc học" đã được hỗ trợ nồng nhiệt của quần chúng. Phục hưng Phật học và xây dựng quốc học là những công việc làm chính đáng, hợp pháp, không phải là những việc làm quốc cấm, cho nên không sợ bị đàn áp"* [1].

Có thể xem đây là công cuộc Việt hóa Phật giáo lần thứ ba mà các Thiền sư nước ta đã nỗ lực hoàn thành trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh xã hội đầy biến động thời bấy giờ. Công cuộc chấn hưng được khởi xướng ở miền Nam, rồi lan tỏa ở miền Trung và miền Bắc. Ở miền Nam, phải nhắc đến các vị Thiền sư tiêu biểu có công chấn hưng như Thiền sư Từ Phong, Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải, Chí Thành (Chí Thiền)… Hoạt động hành đạo chấn hưng tại miền Trung gồm các ngài Phước Chỉ, Tâm Tịnh, Phước Huệ, Phổ Tuệ, Huệ Pháp, Đắc Ân, Viên Thành, Giác Tiên... phát huy ở miền Bắc là các vị Thiền sư Thanh Hanh, Thanh Tường, Thanh Thao, Trung Thứ, Doãn Hài… Bài viết tập trung nói về ***Công nghiệp hoằng pháp của Thiền sư Chí Thành (Chí Thiền) đối với công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam*** từ đó trở về sau:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TÌNH HÌNH XÃ HỘI THỰC TIỄN ĐỂ THIỀN SƯ CHÍ THÀNH (CHÍ THIỀN) NHẬN THỨC THAM GIA TỪ ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO ĐẦU THẾ KỶ XX

Căn cứ vào *Việt Nam Phật sử luận* thì Thiền sư Chí Thành (Chí Thiền) là một trong những cao Tăng đồng thời với Thiền sư Khánh Hòa. Thiền sư Chí Thành được Thiền sư Khánh Anh cho là thuộc hạng "chân tu bậc nhất". Thiền sư Chí Thành sinh năm 1861 tại Quảng Nam. Ông là cháu nội là Hộ Quốc công Nguyễn Công Thành dưới triều Tự Đức. Sau khi phong trào Văn thân khởi nghĩa thất bại ở miền Trung, ông xuất gia tại chùa Giác Viên Chợ Lớn. Đó là vào năm 1880…

Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước bị Pháp xâm lược, xã hội đầy rẫy sự bất công cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, thế nhưng Thiền sư Chí Thiền vẫn được giáo dưỡng trong một gia đình có truyền thống theo Đạo Phật lâu đời, khi lớn lên bản thân cũng đã tiếp thu những tư tưởng mới của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam được khởi xướng đầu tiên từ vùng đất Nam kỳ. Vào thời này, cùng với phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân cũng diễn

ra, ắt hẳn cũng tác động vào tâm thức Thiền sư trong việc chuyển hoá tư duy, trực ngộ cuộc đời là khổ và cần có con đường đi đến sự thoát khổ.

Chính vì vậy, chí nguyện dấn thân phụng sự xã hội, hạnh nguyện chấn hưng Phật giáo của Thiền sư Chí Thiền càng ngày càng chín muồi. Sự chuyển hoá nội tâm của Thiền sư hết lòng phụng đạo, vì thế trong quá trình vận động phong trào chấn hưng của Thiền sư Khánh Hòa, ngay từ buổi đầu họp bàn thành lập tổ chức Lục hòa Liên hiệp thì Thiền sư Chí Thiền đã tham gia cùng với các ngài Huệ Quang, Trí Thiền, Từ Phong, Chánh Quả, An Lạc, Huệ Định, Diệu Pháp. Sự đóng góp của các vị lên đến 400 đồng và cư sĩ Nguyễn Văn Nhiêu được ủy nhiệm làm thủ quỹ cho hội. Mục đích của hội là hội Lục hoà Liên hiệp làm cơ sở tiến hành các vận động nhằm chấn hưng Phật giáo, hướng đến việc hình thành một tổ chức thống nhất các hoạt động Phật giáo trên quy mô cả nước [2].

Cơ sở lý luận và tình hình thực tiễn bấy giờ, ta thấy các Thiền sư Việt Nam và nhân sĩ trí thức Nho học yêu nước đều mong muốn chấn hưng Phật giáo và phục hưng quốc học để giải thoát ách thống trị và đồng hóa văn hóa phương Tây. Thiền sư Chí Thiền cũng mang trong mình chí hướng mới đồng tâm chí hướng với các Thiền sư Khánh Hòa, Từ Phong, Pháp Hải… Thực tế, từ nửa sau thế kỷ XIX, sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ đã tạo tiền đề cho các quốc gia phương Tây chinh phục hầu như toàn bộ phần đất còn lại của thế giới làm thuộc địa. Thực dân Pháp đã chia nước ta thành ba kỳ: Nam kỳ, Bắc kỳ, Trung kỳ để cai trị.

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, cùng với công cuộc khai thác thuộc địa, xã hội nước ta thay đổi sâu sắc. Tuy nhiên, giai đoạn 1920 - 1930 khủng hoảng kinh tế bắt đầu và kéo dài, Việt Nam lại lâm vào tình trạng khốn khổ, dẫn đến mâu thuẫn và phân hóa giai cấp trong xã hội Việt Nam ngày càng gay gắt. Sự thật này đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực trong đời sống thực tiễn từ kinh tế, chính trị, văn hóa và ngay cả tín ngưỡng tâm linh.

Các cuộc khởi nghĩa từ cuối thế kỷ XIX lần lượt nổ ra như khởi nghĩa chống Pháp của Võ Trứ tại Phú Yên và Bình Định; cuộc vận động của hội Thượng Chí do Tăng sĩ Vương Quốc Chính lãnh đạo ở miền Bắc, cuộc kháng chiến của nhà cách mạng Nguyễn Thiện Thuật, trước đó là phong trào Cần Vương, cuối cùng rồi cũng thất bại. Các phong trào Văn thân, Đông Kinh nghĩa thục, Đông Du, Duy Tân… ra đời, chủ trương chấn hưng, cải cách, duy tân trong một xã hội Việt Nam đầy biến động.

Trong số những nhà chí sĩ lãnh đạo Đông Du và Đông Kinh nghĩa thục, ta có thể nói Phan Châu Trinh là người tin tưởng, có tác động vào việc chấn hưng Phật giáo. Chính ông tuyên bố: *"Nước Đại Việt chúng ta ngày nay sở dĩ yếu hèn là vì thiếu tinh thần tôn giáo. Tôn giáo luyện cho chúng ta đức hy sinh, coi nhẹ tính mạng của mình, phá sản vì đạo. Không có tinh thần tôn giáo chúng ta không biết cương cường xả thân vì nghĩa, chỉ bo bo giữ cái lối riêng của mình. Nay bà con thử xét, đời Trần sao dân tộc ta hùng dũng như vậy: quân Nguyên thắng cả Á, Âu, nuốt trọn cả Trung Hoa mà qua nước ta thì bại tẩu; nào bị cướp sáo ở Chương Dương Độ, nào bị bắt trói ở Bạch Đằng, như vậy chẳng phải là nhờ Đạo Phật ở ta thời đó rất thịnh ư? Nhờ cái tinh thần tôn giáo của ta ư?"*.

Rõ ràng, Phan Châu Trinh nói tinh thần tôn giáo ở đây chính là Phật giáo, chẳng phải là Nho giáo, có khi ông còn nói Nho giáo đã làm cho nước Việt suy nhược. Ông hiểu một thời quốc gia Đại Việt hưng thịnh vì thế ông chủ trương cần phục hưng đất nước thông qua con đường phục hưng Đạo Phật. Chính vì vậy ông đã bị phản kháng của một số nhà Nho khi ông chủ trương phế Nho và học Phật.

Phan Bội Châu thì chủ trương trong *Hải ngoại huyết thư* rằng: *"Chỉ cần tranh đấu bất bạo động thôi, cũng đuổi Tây về nước. Họ chỉ có 50 chục ngàn người, trong khi chúng ta là một dân tộc hai mươi triệu. Chẳng cần gươm súng, chỉ cần đấu tranh hai tay không, ta cũng đuổi họ về nước. Điều cần thiết nhất là ta phải một lòng một dạ. Chúng đến thu thuế, nếu ta đồng lòng không nạp, thì chúng làm gì được ta? Nếu chúng gọi lính thì ta kêu gọi lính đừng bắt ta, bởi vì lính cũng là người Việt. Nếu chúng bắt một người trong chúng ta thì chúng ta kéo hàng chục ngàn người đi theo. Không có lý do gì nó giết hết được? Cuối cùng chúng bỏ nước mình mà đi"* [3].

Quan điểm của Phan Bội Châu lúc này là đấu tranh chống Pháp bằng phương thức bất bạo động, đi đến

sức mạnh là đồng tâm hiệp lực. Để đạt được sự đồng tâm là phải giáo dục và tỉnh thức quần chúng. Đây là mục tiêu của phong trào Đông Kinh nghĩa thục. Thi ca, báo chí, sách vở, diễn thuyết là những phương tiện để tỉnh thức quần chúng. Sau đó là những cuộc vận động chống thuế năm 1908 tại Trung kỳ đã gây được ý thức sâu rộng trong quốc dân. Phong trào này xuất phát từ Quảng Nam. Tham dự vào cuộc phát khởi phong trào chống thuế này có tới hàng vạn người, họ đều cắt tóc ngắn, không búi tóc (theo lời kêu gọi duy tân của Đông Kinh nghĩa thục) đến vây quanh tòa sứ Quảng Nam. Sau đó phong trào này lan tỏa vào các tỉnh miền Nam Trung kỳ. Bốn nhân vật Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đã bị chính quyền thực dân bắt và kết án. Cuối cùng Đông Kinh nghĩa thục bị đóng cửa và các đồng chí thân hữu của tổ chức, người thì bị bắt, người thì bị xử tử…

Chính những biến động lịch sử này đã có tác động mạnh mẽ vào phong trào phục hưng Phật học vào thời kỳ này. Bởi lẽ các phong trào đã chủ trương duy tân, cải cách văn hóa giáo dục đã thay đổi nhận thức nhu yếu cả dân tộc cần phải phát huy. Phục hưng Phật học và xây dựng quốc học là những việc làm cấp thiết, chính đáng, hợp pháp không sợ chính quyền dòm ngó, đàn áp. Đây chính là điều kiện cần và đủ để tôn giáo và văn hóa có cơ duyên gặp nhau. Nói cách khác Nho giáo, Phật giáo, chữ Nho, chữ Quốc ngữ, chữ Tây đều được sử dụng để truyền bá những tri thức thời đại mới, phù hợp sự phát triển xã hội.

Do đó, báo chí trở thành mảnh đất màu mỡ đăng tải những thông tin cải cách xã hội, nâng cao dân trí, chỉ thị của Nhà nước để dân chúng thi hành, diễn đàn văn hóa, văn học, thi ca, hội họa, tư tưởng Đông Tây, khoa học công nghệ, kỹ thuật, thậm chí cả tâm tư nguyện vọng của người dân. Chẳng hạn tờ Gia Định báo (1892), Đại Nam Đồng Văn Nhật báo (1892), Nông Cổ Mín Đàm (1900), Nhật báo Tỉnh (1908), Đại Việt Tân báo (1907) và sau 1908, các tờ Đăng Cổ Tùng báo (1907), Lục Tỉnh Tân

Văn, Thực Nghiệp Dân báo, Khai Hóa, Tiếng Dân, Đông Pháp lần lượt ra đời đã góp phần thức tỉnh, nâng cao dân trí. Đặc biệt các tờ báo có uy tín và có số lượng người đọc cao, phải kể đến là tờ Đông Dương tạp chí, (1913), Nam Phong (1917), Học báo (1919), Hữu Thanh (1921), An Nam tạp chí (1926), Phụ Nữ Tân Văn (1929), Khoa học Tạp chí (1931), Văn học Tạp Chí (1932). Đây là những tờ có nội dung cải cách văn hóa, văn học, tư tưởng, lối sống, theo một đường hướng mới, phù hợp xu hướng phát triển của thời đại, hết sức cởi mở, phóng khoáng, hợp lòng dân… Hẳn nhiên, các tờ báo này cũng góp phần thúc đẩy cho phong trào chấn hưng Phật nhanh chóng bùng nổ, đi vào đời sống thực tiễn.

Trong khi đó, tình hình sinh hoạt tôn giáo vào thời kỳ này, chẳng có gì sáng sủa cho lắm. Như chúng ta biết, kể từ khi nhà Nguyễn (1882-1945) nắm quyền trị vì đất nước, với chính sách dựa vào Nho giáo để xây dựng Nhà nước tập quyền, chuyên chế thì càng bộc lộ sự yếu kém của mình trước nguy cơ xâm lược của thực dân. Theo *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, vào thời Nguyễn, Phật giáo không còn vững mạnh như các triều đại Lý - Trần. Thậm chí còn cho rằng: *"Khi nhà Nguyễn thống nhất, từ Gia Long cho đến đầu thế kỷ XX, Phật giáo trở thành lợi khí chính trị trong tay các vua chúa để củng cố, xây đắp ngôi báu của mình, còn Tăng sĩ thì bị trục xuống hàng thủ tự (ông giữ chùa) hay thầy cúng. Phật giáo bây giờ chỉ còn cái xác. Một số chùa Tăng Ni phạm trai phá giới là chuyện bình thường"* [4].

Sự suy yếu của Phật giáo thể hiện ở sự suy giảm uy tín và ảnh hưởng của Phật giáo đối với dân chúng những năm đầu thế kỷ XX. Nguyên nhân chủ yếu là giới Tăng sĩ không còn chuyên tâm tu hành đúng chánh pháp. Trong một bối cảnh như thế, các nhà chân tu thật học và hàng trí thức, trong đó Thiền sư Chí Thiền đã có thiện chí với Đạo Phật, đã trăn trở và khát khao làm sao chấn hưng Phật giáo, cũng là chấn hưng các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc. Đây cũng thuận duyên lớn để các thành phần lãnh đạo tôn giáo, cùng với các nhà trí thức có lòng yêu nước, yêu đạo ngồi lại với nhau để chỉ ra nguyên nhân suy yếu Phật giáo, cũng như vạch ra đường hướng, phương thức cải cách, biện pháp thực hiện trước một diễn biến tình hình tôn giáo nói chung hết sức phức tạp.

CÔNG NGHIỆP HOẰNG PHÁP CỦA THIỀN SƯ CHÍ THIỀN TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nối gót tông phong - thiết lập Đạo tràng Phi Lai giáo hóa đồ chúng

Theo thiền sử thì Thiền sư Chí Thiền (sinh năm 1861 - viên tịch 1933) sinh ra và lớn lên trong một bối cảnh lịch sử diễn ra phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Ngài là bậc trí thức được tiếp cận nền Nho học và Phật học, bởi lẽ Thiền sư xuất thân trong gia đình quan lại, ở vùng Quảng Nam. Trước khi xuất gia học đạo, Ngài được bổ nhiệm làm quan Hậu Bổ tại hạt Khánh Hòa. Ngài tham gia phong trào Văn Thân. Khi phong trào tan rã, Ngài lánh nạn vào miền Nam ở đất Gia Định để tránh sự theo đuổi của quan quân triều đình và mật thám Pháp. Tại nơi lánh nạn này, Ngài đến chùa Giác Viên Chợ Lớn xin xuất gia học đạo với Tổ Phương Minh, được Tổ ban pháp hiệu Chí Thiền, pháp danh Như Hiển và sau đó học đạo với tổ Hoằng Ân chùa Giác Lâm vào năm Tân Tỵ (1881). Đây là những Tổ sư có công giới đức viên tròn, tuệ giác thăng chứng và có công hoằng hóa Phật pháp vùng Tây Nam Bộ từ thời vương triều Nguyễn khi xác lập và định cõi ở phương Nam.

Như vậy, truy nguyên về cội nguồn, Thiền sư Chí Thiền là đệ tử của thiền phái Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 39, với pháp hiệu là Như Hiển, hiệu Chí Thành về sau đổi thành Chí Thiền để tránh trùng tên với ông nội của mình, thuộc dòng kệ phú pháp:

導本原成佛祖先
明如紅日麗中天
靈源廣潤慈風溥
照世真燈萬古懸.

"Đạo bổn nguyên thành Phật tổ tiên
Minh như hồng nhật lệ trung thiên
Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ
Chiếu thế chơn đăng vạn cổ huyền".

Quá trình học đạo của Thiền sư Chí Thiền là sự dụng công tu tập nội tâm được thể hiện qua công phu chấp tác hằng ngày. Chúng ta cũng biết thiền phái Lâm Tế giai đoạn này đã được Việt hóa từ Tổ sư Liễu Quán, Nguyên Thiều để thích ứng tâm thức người Việt, không còn giữ pháp tu truyền thống từ Lâm Tế Nghĩa Huyền của Trung Hoa. Các Thiền sư Việt trong quá trình định cõi phương Nam đã ý thức thiền là cuộc sống, ngoài cuộc sống là không

có thiền, để giáo hóa dân và an dân trong tiến trình di cư và khai hoang mở cõi.

Do đó, ta chẳng ngạc nhiên gì thiền sử mà sau này Tạp chí Từ Bi Âm ghi lại thì Thiền sư Chí Thiền vào những năm đầu xuất gia học đạo thiền, Ngài đã *"noi gương các bậc tiền bối Tổ sư phát nguyện bửa củi, gánh nước, giã gạo... không nề gian lao khổ cực suốt một thời gian dài. Sau đó, ngài phát nguyện đóng chuông ngày sáu thời ròng rã suốt ba tháng. Mãn đóng chuông ba tháng, Ngài phát tâm công quả đắp nền chùa Giác Viên hằng ngày bằng 100 xe đất cho đến lúc thành tựu. Sau đó, ngài xin bổn sư cho nhập thất ba năm, được thầy ban pháp ấn. Ba năm nhập thất cũng đạt sở nguyện viên mãn, ngài lại cùng bổn sư lo xây dựng ngôi Tam bảo Giác Sơn. Ngôi chùa được khánh thành, bổn sư cử ngài làm thủ tọa coi sóc trong ngoài chùa Giác Sơn. Cho đến khi bổn sư viên tịch vào năm Kỷ Tỵ (1899), ngài lại kiêm nhiệm trụ trì chùa Giác Viên"* [5].

Có thể nói, thời học đạo của ngài là cả quá trình tự tu, tự học và tự chứng. Cũng theo thiền sử, ngài tinh cần chuyên tâm học pháp và cầu pháp, có thể nói đây là nền tảng mà sau đó, ngài đã thành công trong việc vân du hoằng pháp vùng đất An Giang mầu nhiệm. Tạp chí Từ Bi Âm viết: *"Tay Ngài không rời quyển kinh, đêm không an giấc, ngày chẳng dám nghỉ, có thấy mới biết cái khổ hạnh của Ngài thật là ghê, cái chí nguyện của ngài thiệt là thành, cái tinh thần lợi sanh của ngài thiệt là vững, cái lòng tế độ chúng sanh của Ngài thiệt là sốt sắng"* [6].

Đây chính là hành trang và là con đường rộng mở mà Thiền sư Chí Thiền đã cất bước chân đến vùng đất An Giang hoằng hóa vào năm Canh Ngọ (1990). Vùng đất này là vùng đất mới, nơi đây hội tụ mọi tầng lớp dân cư trong xã hội Việt Nam bấy giờ, bao gồm người Việt di cư, người Khmer và cả người Trung Hoa di dân sang. Trong hoàn cảnh như vậy, triết lý sống Phật giáo của dân Việt bấy giờ được vận hành bằng cách quy tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân. Chính nếp sống đạo Thiền khiến cho mọi người tự tin vào khả năng ngộ đạo của chính mình, tin vào sức của mình, tin ở dân tộc, tin ở luật nhân quả nghiệp báo để cuộc sống của toàn dân hướng đến chỗ chân, thiện, mỹ, đó là triết lý sống của người dân theo Đạo Phật. Thế nên Thiền sư Chí Thiền đã quyết định dừng lại vùng đất này để an trú dân chúng Phật tử địa phương cung thỉnh Ngài trụ xứ từ thảo am núi Cấm và với cương vị là trụ trì chùa Phi Lai. Nhờ uy đức và hạnh nguyện, Ngài đã biến nơi đây thành chốn già lam đông đúc tăng tín đồ đến thọ pháp, cuộc sống người dân quanh vùng có biến đổi mới mẻ và chan hòa ý sống tình đạo.

Cụ thể, Thiền sư Chí Thiền đã giáo hóa dân chúng bằng chánh pháp phù hợp triết lý sống người Việt, thiết lập đạo tràng chùa Phi Lai thành trung tâm đoàn kết mọi thành phần trong xã hội, trên hết phải bảo đảm đời sống an sinh cho người dân, đó chính là an dân. Và như thế ngôi chùa không chỉ là ngôi nhà tâm linh mà là nơi kết nối yêu thương, chia sẻ và đùm bọc nhau trong tiến trình khai hoang lập ấp cho dân làng. Ta chẳng ngạc nhiên gì, sử chép Thiền sư Chí Thiền đã cùng chính quyền tổ chức hương chức địa phương khẩn hoang khu vực rộng lớn xung quanh chùa để thành lập nông trại làm ruộng. Từ đó, Thiền sư trở thành người lãnh đạo tinh thần cho dân chúng, khuyến bảo mọi người ra sức tăng gia sản xuất để có tài vật thiết lập nhà cửa, lập ấp và xây dựng lại chùa khang trang đáp ứng một đạo tràng tu tập.

Theo dân gian truyền miệng, chùa Phi Lai khi ấy được tổ Chí Thiền kiến tạo khá quy mô trên một khu đất rộng gần 2 mẫu tây. Các công trình vừa chính vừa phụ đếm được trên 20 nóc. Điểm đáng nói, trong tinh thần hộ quốc an dân, Thiền sư là người hộ trì dân chúng, cứu giúp nạn dân tỉnh Châu Đốc qua cơn thiên tai tàn khốc năm Đinh Mùi (1907), tương tự như việc ngài đã từng làm với Nhân dân Gò Công trong nạn nước năm Giáp Thìn (1904) và cùng Tăng chúng chùa Phi Lai thường xuyên hỗ trợ người dân vùng biên ải khó khăn. Công hạnh của Thiền sư được truyền tụng khắp nơi và lan sang tận nước bạn Campuchia, từng được sư sãi cả chùa Tà Lạp nước láng giềng dâng tượng Phật vàng tôn thờ tại chùa Phi Lai.

Một điểm nữa cần đề cập đến trong việc thiết lập đạo tràng Phi Lai giáo hóa đồ chúng của Thiền sư Chí Thiền, thì chùa Phi Lai là nơi hội tụ các nhân sĩ trí thức thời đó trong công cuộc chấn hưng văn hóa nước nhà, hướng đến quyền độc lập tự chủ của đất nước trong lúc bị Pháp xâm lược. Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Sinh Sắc là những đại biểu nhà Nho - chí sĩ yêu nước và rất có niềm

tin với Phật giáo. Cho nên, các nhân sĩ trí thức yêu nước tìm đến các Tôn túc uy tín Phật giáo để chung lòng giải quyết vấn đề chấn hưng Phật học và quốc học. Trường hợp cụ Phan Bội Châu đến chùa Phi Lai vào năm Quý Mão (1903) trao đổi với Thiền sư Chí Thiền là thể hiện tinh thần yêu nước phụng đạo, chỉ một lời khuyên của Thiền sư Chí Thiền cũng nói lên sự đồng tâm hiệp lực của Thiền sư - của giới Phật giáo với nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu về cách hành động, cách thực thi công cuộc phục hưng Phật giáo và dân tộc mà Pháp đang theo dõi: *"Phàm muốn làm việc gì bí mật, có bàn bạc với nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh, ngày trắng, hoặc ở đồng trống đường to, không nên ở chỗ đêm khuya, nhà kín, tai mắt mình không thể phòng được xa, chỉ làm thêm cơ hội những ai muốn rình xét"*.

Thực tế, vào thời điểm đầu thế kỷ XX, giới trí thức nhân sĩ yêu nước của Phật giáo và Nho giáo có tấm lòng yêu nước, yêu đạo đều được Pháp quan tâm và cảnh giác. Sự kiện, Thiền sư Chí Thiền có cuộc trao đổi với hoàng thân Cường Để tại Quảng Nam vào tháng 2 năm 1904, cũng vào tầm mắt của Pháp, không phải ngẫu nhiên mà Thiền sư Chí Thiền thường được chính quyền thực dân Pháp nghi ngờ, mật thám theo dõi và bắt bớ; sau đó không đủ chứng cứ thì thả ra. Bên cạnh đó, tư liệu sử còn cho ta biết Thiền sư Chí Thiền còn tiếp xúc nhiều chí sĩ yêu nước nữa qua mối liên hệ với Thiền sư Huệ Đăng từ năm 1925 cho đến năm 1932. Có thể nói, hơn 60 năm hoằng dương Chánh pháp, Thiền sư đã quy y Tam bảo cho hàng trăm Phật tử hữu duyên và hơn 40 Tăng, Ni xuất gia và trao đổi hoằng pháp cả các chí sĩ yêu nước, góp phần khơi nguồn, hun đúc nên những thế hệ Tăng Ni tài danh tiếp sau rạng danh Phật giáo đồ nói chung, tông phong Tổ đình Phi Lai nói riêng.

Đào tạo Tăng tài, truyền đăng tục diệm, truyền bá chánh pháp

Về việc đào tạo Tăng tài, là một trong bốn điểm trọng tâm mà Hòa thượng Khánh Hòa chủ trương trong chương trình chấn hưng: 1. Lập hội Phật giáo. 2. Thỉnh ba tạng Kinh điển dịch ra chữ Quốc ngữ. 3. Lập trường Phật học để đào tạo Tăng tài. 4. Xuất bản tạp chí phổ biến giáo lý, kêu gọi Tăng đồ thức tỉnh, chấn hưng quy cũ thiền môn. Theo thiển ý của chúng tôi, trong 4 điểm nói trên, việc đào tạo lập trường đào tạo tăng tài là quan trọng nhất, đây là nguồn nhân lực để hoàn thành các mục tiêu khác.

Trong khoảng thập niên 20 của thế kỷ XX, các vị Thiền sư Việt Nam vẫn duy trì và phát triển được các đạo tràng có quy mô, đào tạo lớp kế thừa, tổ chức các lớp giảng dạy Phật pháp cho Tăng sĩ trong vùng, dịch kinh Phật và các tài liệu Phật học, hướng dẫn cư sĩ thực hành Phật pháp theo tinh thần chấn hưng diễn ra khắp nơi ở Nam kỳ như Chợ Lớn, Gò Vấp, Trà Vinh, Châu Đốc, Sóc Trăng... Theo *Việt Nam Phật giáo sử luận* thì Thiền sư Chí Thiền là người cùng chí hướng với Thiền sư Khánh Hòa, cũng là người thực thi chương trình chấn hưng qua việc tổ chức đào tạo Tăng Ni có trình độ Phật học. Sử chép: *"Tại chùa Phi Lai ở Châu Đốc, Thiền sư Chí Thành (Chí Thiền) quy tụ Tăng sĩ về giảng dạy hàng năm, dưới sự hướng dẫn của ông, một trường Phật học dành cho Ni giới được tổ chức tại chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu, có trên một trăm học Ni tham dự"* [7].

Do chưa có đầy đủ tư liệu về chương trình tu học Tổ đình Phi Lai, hay ở chùa Giác Hoa - Bạc Liêu mà Thiền sư Chí Thiền đứng ra tổ chức và giảng dạy tại các đạo tràng thời ấy, khó biết cụ thể những gì đã được trao truyền giữa thầy và trò, nhưng xét trên không khí sôi động của phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX trên các tạp chí của các Hội như Từ Bi Âm, Viên Âm, Từ Quang, Duy Tâm… có thể nghĩ rằng bên cạnh việc tu học theo giáo lý nhà Phật căn bản, thì các kinh điển Đại thừa với tư tưởng Phật giáo phát triển được phiên dịch và Việt hóa theo chủ trương 4 điểm của phong trào chấn hưng do Thiền sư Khánh Hòa khởi xướng. Mặt khác, căn cứ vào bài kệ của Thiền sư Chí Thiền phú pháp cho các đệ tử trước khi viên tịch vào ngày Rằm tháng 2 năm 1933 đủ chứng minh Ngài đắc pháp qua quá trình tu học kinh văn Đại thừa từ tư tưởng Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Pháp Hoa, Viên Giác… và truyền trao lại cho đồ chúng đệ tử trong khi làm giáo thọ:

"Nhứt niệm viên quán tội tính không,
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh".

Trong số đệ tử mà Thiền sư đào tạo, có thể có những vị đệ tử có tư chất đặc biệt đã được thầy tổ tạo điều kiện tiếp cận với nền văn hoá đang thay đổi bằng cách học thêm chữ quốc ngữ, chữ Hán, tiếng Pháp và khuyến khích theo dõi báo chí, sách vở tân học.

Nhìn chung, nội dung đào tạo cho Tăng Ni trong giai đoạn chấn hưng mà Thiền sư Khánh Hòa khởi xướng, trong đó có Thiền sư Chí Thiền thực thi là trao truyền sự nhận thức Thiền học truyền thống và sống theo quy cũ thiền môn; việc đào tạo hoàn toàn y cứ trên nền tảng Giới - Định - Tuệ. Đối với Thiền sư Chí Thiền, điều căn bản để chấn hưng Phật giáo là phổ biến kinh điển cho mọi người cùng biết và nghiên cứu; kế đó, căn cứ trên giáo nghĩa, thực hiện đúng những gì được phép và tránh những điều đã bị ngăn cấm. Đó là quan điểm Phật học, Thiền học mang tính Thiền Tịnh song hành, có khuynh hướng nhập thế ở mức độ dung hoà, nhấn mạnh đến việc tự độ trước khi thực hiện việc độ tha.

Trong quá trình đào tạo Tăng tài, hẳn nhiên đồ chúng theo học có thể lên đến hàng trăm Tăng Ni, nhưng số đệ tử xuất gia tu học theo các tài liệu sử hiện nay công bố là 40 vị, trong đó có những đệ tử xuất sắc làm rạng danh tông môn Tổ đình Phi Lai nói riêng, thiền phái Lâm Tế Gia Phổ Tây Nam Bộ và công cuộc chấn hưng Phật giáo từ đó trở về sau. Các đệ tử tiêu biểu của Thiền sư Chí Thiền được tôn vinh sử sách thời cận hiện đại như:

1. Hòa thượng Hồng Pháp - Thiện Minh
2. Hòa thượng Hồng Diệu - Thiện Đạo
3. Hòa thượng Hồng Nhẫn - Từ Nhơn (Đào Bá Nhẫn);
4. Hòa thượng Hồng Nhơn - Từ Nhẫn
5. Hòa thượng Hồng Tôi - Thiện Tường
6. Hòa thượng Hồng Xứng - Thiện Quang
7. Hòa thượng Hồng Mão - Thiện Tâm;
8. Hòa thượng Hồng Nở - Thiện Hoa (tự Hoàn Tuyên);
9. Hòa thượng Hồng Minh - Từ Hội (HT. Pháp Long);
10. Hòa thượng Hồng Tông - Quảng Đạt;
11. Hòa thượng Hồng Thông - Trí Châu;
12. Hòa thượng Hồng Sáng - Thiện Quang;
13. Hòa thượng Hồng Tòng - Thiện Tòng, tự Phổ Quảng;
14. Hòa thượng Hồng Chương - Trí Đức (Y chỉ);
15. Hòa thượng Hồng Trung - Thiện Tín (HT. Huệ Hải).

Về thế hệ Pháp tôn có HT. Lệ Huy - Thiện Nhơn hiện là Chủ tịch Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN.

Về chư Ni đệ tử tiêu biểu phải kể đến Ni sư Hồng Từ - Diệu Nga; Ni sư Hồng Trung - Diệu Hậu; Ni sư Hồng Thọ - Diệu Tịnh (Pháp sư Ni đầu tiên của Ni giới Việt Nam thời kỳ chấn hưng); Ni sư Hồng Lầu - Diệu Tấn; Ni sư Hồng Tích - Diệu Kim; Ni sư Hồng Quý - Bửu Thanh; Ni sư Hồng Khoái - Bửu Chí; Ni sư Hồng Đắc…

Về vấn đề truyền đăng tục diệm, truyền bá chánh pháp, cứ nhìn kết quả đào tạo thế hệ con cháu của Thiền sư Chí Thiền nói trên cũng cho ta thấy về sự truyền thừa thiền phái Lâm Tế Gia Phổ ở Tây Nam Bộ được xuất phát từ Tổ đình Phi Lai cũng minh chứng cho vai trò của Thiền sư - tổ Chí Thiền là vô cùng quan trọng. Có thể nói chốn Tổ Phi Lai là một trong 4 chốn Tổ làm rạng rỡ dòng thiền này mà sử sách ghi chép:
1. Từ chốn Tổ chùa Đại Giác và chùa Kim Cang, có Hòa thượng Thành Đẳng (chùa Đại Giác), Thành Nhạc (chùa Châu Thới, Long Thiền), Thành Chí (chùa Bửu Phong, Đồng Nai), cho đến Hòa thượng Hồng Tín - Huệ Thành…
2. Từ chốn Tổ chùa Từ Ân và chùa Giác Lâm, các pháp tôn của Tổ như Phật Ý, Tổ Tông, Tiên Giác, Minh Khiêm, Minh Hương, Minh Lượng… Như Phòng, Như Nhãn, Như Quới, Như Hiền…
3. Từ chốn Tổ chùa Tây An - An Giang, ngài Tiên Giác truyền cho Minh Huyên - Pháp Tạng (Phật thầy Tây An), Minh Võ - Nhất Thừa… Sau đó, Tổ Minh Khiêm truyền cho Như Sơn, Như Quả, Như Nghĩa, Như Tâm, Như Đắc, Như Mật rồi đến Hồng Nguyện Hồng Đại, Hồng Trung, Hồng Chí, Hồng Hưng, Hồng Trực, Hồng Cung…
4. Từ chốn Tổ chùa Phi Lai, có Hòa thượng Hồng Pháp, Hồng Quang, Hồng Nở, Hồng Tôi, Hồng Xứng - Nhựt Bình (Trí Tịnh)…; Lệ Huy - Thiện Nhơn… đã phát triển thiền tông, truyền đăng tục diệm, làm cho đạo pháp được chấn hưng, đất nước hưng thịnh.

Cũng theo *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Thiền sư Chí Thiền là người tham gia và chứng minh các khóa học đào tạo Tăng tài và truyền trao giới pháp, cụ thể vào *"năm Đinh Mẹo (1927), Ngài chứng minh lễ khai giảng lớp học Tăng ở chùa Giác Hoa tỉnh Sóc Trăng. Năm Kỷ Tỵ (1929), Ngài chứng minh Đại Giới đàn chùa Trùng Khánh ở Phan Rang"* [8].

Theo đó, tình hình sinh hoạt Phật giáo trong một bối cảnh lịch sử đầy biến động, vô cùng khó khăn, công tác Phật sự tuyển Phật trường vẫn được chú trọng. Vai trò của vị chứng minh Đại Giới đàn luôn đòi hỏi người chứng minh Giới đàn là những người giới đức trang nghiêm thanh tịnh và tuệ giác thăng chứng để Giới tử đắc giới. Việc tổ chức Đại Giới đàn ở Phan Rang miền Trung mà Ban Tổ chức đã vào tận miền Nam cầu thỉnh Thiền sư Chí Thiền ở miền Nam, chứng tỏ công hạnh của Ngài đã lan tỏa tận miền Trung. Với công đức sâu dày trong việc truyền đăng tục diệm kế thừa mạng mạch Phật pháp, con cháu các thế hệ của Thiền sư là những Tăng Ni được thọ giáo, tu học từ tổ Chí Thiền đã trở thành bậc pháp khí Đại thừa, đóng góp lớn trong công cuộc chấn hưng Phật pháp qua các giai đoạn, thời kỳ lịch sử Phật giáo Việt Nam .

THAY LỜI KẾT

Thiền sư Chí Thiền - Như Hiển là bậc long tượng, là danh Tăng của Việt Nam ở thế kỷ XX, Ngài là Tổ sư phát tích chốn Tổ Phi Lai thuộc dòng thiền Lâm Tế Gia Phổ vùng Tây Nam Bộ. Tổ sư hiện hữu ở đời với tâm đại từ, đại trí để chứng dự phong trào chấn hưng Phật giáo, cũng là chấn hưng quốc học trong một bối cảnh xã hội Việt Nam đầy biến động. Chính tư tưởng và sở nguyện mong cầu Phật giáo Việt Nam hưng thịnh, quốc gia thịnh cường độc lập tự chủ mà Tổ sư đã đào tạo không biết bao nhiêu đồ chúng, pháp khí Đại thừa đóng góp cho công cuộc chấn hưng Phật giáo thế kỷ XX, cũng là góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương xứ sở, đất nước thanh bình.

Con cháu kế thừa tông phong pháp phái Tổ đình hôm nay, dưới sự lãnh đạo của Trưởng lão Hòa thượng Tông trưởng - đương kim Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN - Trưởng Ban Tăng sự Trung ương Thích Thiện Nhơn, đã thay mặt Tăng Ni tông phong đứng ra đại trùng tu Tổ đình vào năm 2018, đến nay đã trở thành ngôi phạm vũ huy hoàng tráng lệ, trở thành trung tâm tu học của vùng đất An Giang, là nơi kết nối truyền trao mạch thiền của dòng Lâm Tế Gia Phổ vùng Tây Nam Bộ nói riêng, Phật giáo nước nhà nói chung. Tổ đình Phi Lai ngày nay còn là nơi hội tụ những giá trị đạo đức tâm linh, văn hóa tín ngưỡng đặc thù chùa Việt phương Nam mà bất cứ người dân Việt nào có thể đến để trải nghiệm và thực hành đời sống nội tâm trong cuộc sống hiện đại đa màu sắc. Tất cả đều minh chứng cho một thế giới Phật tâm hóa hiện giữa cuộc đời này.

Chú thích:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Nguyễn Lang (2014, tái bản), *Việt Nam Phật giáo sử luận (Toàn tập)*, Nxb. Văn học, tr.754-755.
[2] Nguyễn Lang (2014, tái bản), *Việt Nam Phật giáo sử luận (Toàn tập)*, Nxb. Văn học, tr.759.
[3] Nguyễn Hiến Lê (1974), *Đông Kinh nghĩa thục*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
[4] Dẫn theo Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận (tập 3)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.751.
[5] Tuệ Giác (1964), *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Nxb. Hoa Nghiêm, tr.74.
[6] Từ Bi Âm (1932), *Tiểu sử của Hòa thượng chùa Phi Lai*, in trong Từ Bi Âm, kỳ thứ 16, tr.42.
[7] Từ Bi Âm (1932), *Tiểu sử của Hòa thượng chùa Phi Lai*, in trong Từ Bi Âm, kỳ thứ 16, tr.42.
[8] Nguyễn Lang (2014, tái bản), *Việt Nam Phật giáo sử luận (Toàn tập)*, Nxb. Văn học, tr.757.
[9] Nguyễn Lang (2014, tái bản), *Việt Nam Phật giáo sử luận (Toàn tập)*, Nxb. Văn học, tr.795.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2001), *Phật giáo xứ Huế*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
2. Thích Đồng Bổn (biên soạn) (2017), Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX (tập 1), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức.
4. Thích Phước Đạt (2020), *Trần Thái Tông và Khóa hư lục nhìn từ góc độ Văn học*, Nxb. Hồng Đức.
5. Thích Phước Đạt (2022), *Văn hóa Phật giáo Việt Nam: Tiếp biến và Hội nhập*, Nxb. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Hiền Đức (1993), *Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Thích Trung Hậu, *Thích Hải Ấn (2011), Chư tôn thiền đức, cư sĩ hữu công, Phật giáo Thuận Hóa*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Lang (2014, tái bản), *Việt Nam Phật giáo sử luận (Toàn tập)*, Nxb. Văn học,
11. Nguyễn Hiến Lê (1974), *Đông Kinh nghĩa thục*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
12. Thích Thiện Nhơn (2018), *Những đóa hoa Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
13. Thích Thiện Nhơn (2019), *Hương đạo ngát đời*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
14. Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2018), *Hòa thượng Khánh Hòa với phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, Nguyễn Quốc Tuấn và Thích Đồng Bổn (biên soạn), Nxb. Hồng Đức.

Đóng góp của Hòa thượng Như Hiển Chí Thiền cho đạo pháp và dân tộc Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Từ năm 1907 đến năm 1933, Hoà thượng Chí Thiền đã có nhiều đóng góp cho đạo pháp và dân tộc tỉnh An Giang nói riêng, miền Nam Việt Nam nói chung.

ĐĐ. Thích Thiện Mãn*

Phật giáo Việt Nam từ ngàn xưa đến nay vốn gắn liền với vận mệnh của dân tộc. Vì thế, khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam vào năm 1858, Phật giáo cùng chung vận mệnh với đất nước. Nhờ ngọn lửa phục hưng Phật giáo tại Ấn Độ đã lan dần sang các nước Đông Á và Đông Nam Á, đặc biệt là phong trào Chấn hưng Phật giáo của Thái Hư đại sư tại Trung Quốc đã tạo làn sóng tác động mạnh mẽ đến phong trào chấn hưng Phật giáo khắp ba miền Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XX. Ngoài thành phần cư sĩ và trí thức, phong trào nhận được sự hưởng ứng tham gia tích cực của rất nhiều vị tu sĩ khắp ba miền đóng góp cho đạo pháp và dân tộc như: Hoà thượng Thanh Hanh (chùa Quán Sứ, Hà Nội), Hoà thượng Giác Tiên (chùa Trúc Lâm, Huế), Hòa thượng Khánh Hòa (chùa Tuyên Linh, Bến Tre),... và Hoà thượng Như Hiển - Chí Thiền (Tổ đình Phi Lai, An Giang).

CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP CỦA HOÀ THƯỢNG NHƯ HIỂN - CHÍ THIỀN (1861-1933)

Hoà thượng Như Hiển - Chí Thiền với thế danh là Nguyễn Văn Hiển, sinh vào tháng 2 năm Tân Dậu (1861), tại xã Diêm Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ngài sinh ra trong gia đình nhiều đời làm quan như: ông nội là Hộ quốc công (hoặc Tiền quân) Nguyễn Văn Thành, ông ngoại làm Tổng trấn Bắc Ninh,... Theo tác phẩm Lịch sử Đại đức Hoà thượng Phi Lai do Thiện Minh biên soạn cho biết: *"Đêm thanh trăng tỏ như ngày, bỗng đâu yến sáng một giờ giữa dinh, Phu-nhơn bà mới cựa mình, tâm thần chuyển động biết mình thọ thai... Nói rằng nằm thấy Phật bà, dắt ông Bồ tát xuống mà hòa quan"* [1].

Từ khi mang thai, thân mẫu Ngài phát tâm ăn chay, niệm Phật và làm nhiều việc phước thiện. Khi hạ sanh Ngài, trong dinh trấn lan toả hương thơm rộng khắp khiến lòng người hân hoan. Với mong ước ngài sẽ làm rạng danh gia tộc nên song thân quyết định đặt tên là Nguyễn Văn Hiển. Vì thế, từ thuở nhỏ, Ngài được thân phụ giáo dưỡng nghiêm ngặt cùng với tánh tình của ngài vốn nhân hậu, sống rất mực phi thường và thường giúp đỡ những người khó khăn. Tiếc thay, giữa lúc tuổi thiếu niên trưởng thành thì thân phụ mất sớm, Ngài phải nương vào sự dạy dỗ của thân mẫu cùng với chí tiến thủ bản thân trên con đường học hành [2].

Với tài trí thông minh và học hành hơn người, vua phong Ngài giữ chức Hậu Bố tại tỉnh Khánh Hoà vào năm 1878. Mặc dù có tài nhưng tâm trí không thích hơn thua chốn quan trường nên Ngài âm thầm tham gia phong trào khởi nghĩa Văn Thân. Được một thời gian, phong trào tan rã. Từ cuộc đàn áp ráo riết của thực dân Pháp cùng việc lánh nạn vào miền Nam để thoát khỏi sự truy bắt của quan quân triều đình và mật thám Pháp khiến Ngài nhận ra được lẽ thật vô thường của cuộc đời, đồng thời phát tâm xuất gia với với Tổ Phương Minh tại chùa Giác Viên, sau đó đến học đạo cùng tổ Minh Khiêm Hoằng Ân [3] tại chùa Giác Lâm (Gia Định - Sài Gòn). Ngài được bổn sư đặt cho pháp danh là Như Hiển, pháp hiệu là Chí Thiền [4].

Từ đó, Ngài phát tâm chấp tác nhiều việc tại chùa như đóng chuông sáu thời trong suốt ba tháng, đắp nền chùa mỗi ngày với 100 xe đất, bửa củi, gánh nước,… Đồng thời, Ngài phát nguyện nhập thất tu học suốt ba năm và được tổ Hoằng Ân truyền tâm ấn. Bấy giờ, Ngài ra sức hỗ trợ bổn sư xây dựng và

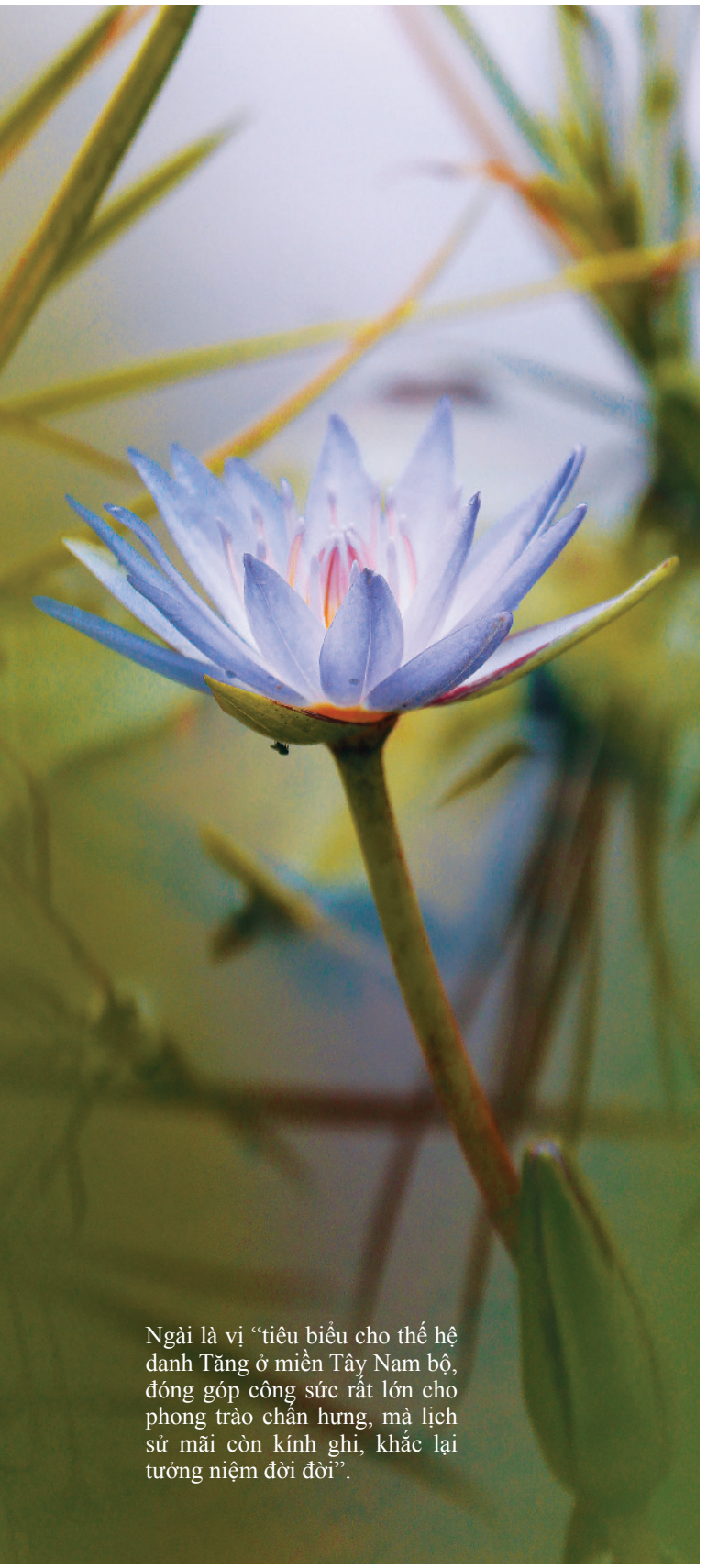

Ngài là vị "tiêu biểu cho thế hệ danh Tăng ở miền Tây Nam bộ, đóng góp công sức rất lớn cho phong trào chấn hưng, mà lịch sử mãi còn kính ghi, khắc lại tưởng niệm đời đời".

quản lý chùa Giác Sơn. Năm 1899 (tức năm Kỷ Tỵ), bổn sư viên tịch, Ngài đảm nhận trụ trì chùa Giác Viên và chùa Giác Sơn. Năm năm sau (tức năm 1904, Giáp Thìn), sau khi giúp đỡ một số nạn nhân bị bão lụt ở Gò Công, Ngài về thăm lại quê nhà và an táng mẫu thân vào ngày 15 tháng Chạp (nhằm ngày 20/1/1905). Lễ chung thất mẫu thân hoàn mãn vào tháng 3/1905, Ngài từ biệt chư Tăng hai chùa Giác Viên và Giác Sơn đi về hướng núi Cấm (Châu Đốc) ẩn tu. May thay được sự giúp đỡ của ông Năm Thanh cùng sự thiết tha cầu học Phật pháp, các vị hương chức và tín đồ Phật tử tại địa phương đã cung thỉnh Ngài về làm trụ trì chùa Phi Lai (Châu Đốc).

Từ năm 1907 đến năm 1933, Hoà thượng Chí Thiền đã có nhiều đóng góp cho đạo pháp và dân tộc tỉnh An Giang nói riêng, miền Nam Việt Nam nói chung. Theo Nguyễn Lang nhận định trong tác phẩm *Việt Nam Phật giáo sử luận* rằng: Từ khi xuất gia với tổ Hoằng Ân cho đến hành đạo tại chùa Phi Lai, không ai biết Hoà thượng Chí Thành (tức Như Hiển Chí Thiền) xuất thân từ nhà quyền quý và có học. Về sau, nhân dịp ghé thăm chùa Phi Lai, tổ Phổ Huệ (chùa Tịnh Lâm, Bình Định) phát hiện xuất thân của ngài Chí Thành mà làm bài kệ tặng:

"Đương thế Phi Lai chân đạo tôn
Chí Thành khí sắc cổ phong tồn
Phong lưu bất tẩy tâm thường tịnh
Diệu nghĩa năng tham tự tính dung
Vân khứ vân lai vô trú trước
Hoa khai hoa tạ tổng thành không
Phong quang hảo cực tư thời tặng
Sạ nhược linh san lạc bất ung" [5].

Bên cạnh đó, ông Ngư Khê (Vĩnh Long) cũng đã tán thán hành trạng của Tổ sư Phi Lai là *"công đức khả gia xưng Bồ tát"*. Năm 1933, trước khi thị tịch, Ngài đã khuyến tấn hàng đệ tử tu học và đọc kệ sau:

"Nhất niệm viên quang tội tánh không,
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh" [6].

Ngài hành đạo được 52 năm (1881-1933), viên tịch vào ngày 10 tháng 3 năm 1933 (nhằm ngày 15 tháng 2 năm Quý Dậu), trụ thế 73 tuổi. Bảo tháp của Hòa thượng Như Hiển Chí Thiền được chúng đệ tử tôn trí tại chùa Phi Lai. Ngài được Hoà thượng Khánh Anh tán dương là vị chân tu bậc nhất. Tác giả Thích Đức Quang trong bài viết *"Tổ sư Phi Lai - một đại sĩ hoá thân"* cũng đã nhìn nhận Ngài là *"một chí sĩ*

Từ khi mang thai, thân mẫu Ngài phát tâm ăn chay, niệm Phật và làm nhiều việc phước thiện. Khi hạ sanh Ngài, trong dinh trấn lan toả hương thơm rộng khắp khiến lòng người hân hoan. Với mong ước Ngài sẽ làm rạng danh gia tộc nên song thân quyết định đặt tên là Nguyễn Văn Hiển.

yêu nước, một đại sĩ cứu khổ ban vui, một Tổ sư nối pháp truyền đăng chấn hưng Phật giáo Việt Nam thời hiện đại" [7].

ĐÓNG GÓP CỦA HOÀ THƯỢNG CHÍ THIỀN ĐỐI VỚI ĐẠO PHÁP

Thứ nhất về mặt xây dựng và phát triển tự viện, sau một thời gian theo tổ Hoằng Ân học đạo, Ngài đã *"cùng Bổn sư lo xây dựng ngôi Tam bảo Giác Sơn. Ngôi chùa được khánh thành, Bổn sư cử Ngài làm Thủ toạ coi sóc trong ngoài chùa Giác Sơn"* [8]. Đến năm 1899, bổn sư viên tịch, Ngài đảm nhận trách nhiệm trụ trì và hướng dẫn chư Tăng chùa Giác Viên và Giác Sơn tu học. Sáu năm sau (tức năm 1905, Ất Tỵ), sau khi hoàn mãn lễ chung thất, ngài từ biệt chúng Tăng ở chùa Giác Viên và Giác Sơn về núi Cấm (Châu Đốc, An Giang) để trụ trì chùa Phi Lai. Đồng thời, cảm động trước những việc làm cứu tế xã hội, sư Lục Cả của chùa Tà Lạp (Campuchia) đã dâng cúng cho Hoà thượng Chí Thiền một pho tượng Phật cổ bằng vàng để tôn trí thờ cúng tại chùa Phi Lai. Việc làm này đã thắt chặt đạo tình Phật pháp của hai quốc gia lúc bấy giờ.

Thứ hai về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, Hoà thượng Chí Thiền đã hỗ trợ về tài chính, giáo dục và lễ nghi Phật giáo. Về tài chính, ngài đã đóng 300 đồng tiền Đông Dương trong buổi họp triển khai hoạt động Chấn hưng Phật giáo ở miền Nam Việt Nam tại chùa Linh Sơn (Sài Gòn) do tổ Khánh Hòa chỉ đạo. Về giáo dục, Ngài đã giảng dạy cho rất nhiều học Tăng tại chùa Phi Lai và hơn 100 học Ni tại chùa Giác Hoa (Bạc Liêu). Về lễ nghi, Ngài đã chứng minh lễ khai giảng lớp Phật pháp cho chư Tăng tại chùa Giác Hoa vào năm 1927 (Đinh Mão) và chứng minh Đại Giới đàn Trùng Khánh tại Phan Rang, Ninh Thuận vào năm 1929 (Kỷ Tỵ). Sau khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học thành lập, Ngài được xem là *"bậc cao kiến, ấy là theo sở hành của các bậc cổ nhân"* cho tổ chức Hội Phật học [9]. Ngài tích cực vận động giới xuất gia và tại gia tham gia chấn chỉnh và phát triển ngôi nhà Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ [10].

ĐÓNG GÓP CỦA HOÀ THƯỢNG CHÍ THIỀN ĐỐI VỚI DÂN TỘC VIỆT NAM

Về hạnh nguyện lợi tha, năm 1904 (Giáp Thìn), sau trận bão lụt gây thiệt hại thảm khốc cho người dân xứ Gò Công, được sự hỗ trợ của chư Tăng và người dân, tổ Chí Thiền đã cứu rất nhiều người bị nước cuốn trôi. Với tâm từ bi bao la của một vị đại sĩ dấn thân, ngài đã tổ chức lễ siêu độ cho những nạn nhân tử vong và cấp phát cho những người còn

sống [11]. Ba năm sau (tức năm 1907, Đinh Mùi) khi đang trụ trì tại chùa Phi Lai, một trận lũ lụt phá hoại mùa màng người dân, Ngài đã đem thực phẩm trong chùa ra cứu trợ cho người dân, đồng thời kêu gọi mọi người lên chùa tránh lũ một thời gian. Nhân đó, ngoài việc lập đàn Dược Sư trong 49 ngày cầu nguyện cho nhân dân an cư lạc nghiệp, còn ngài phát nguyện ăn uống đạm bạc như rau trái và ngũ cốc trong 12 năm để chịu khổ cực thay cho những người dân xứ Châu Đốc.

Về mặt kháng chiến cứu nước, trước khi xuất gia, Ngài đã tham gia phong trào khởi nghĩa Văn Thân. Sau khi xuất gia, Ngài vẫn âm thầm giúp đỡ các phong trào yêu nước, sắp xếp những buổi đàm luận với nhiều chí sĩ yêu nước, trong đó có cụ Phan Bội Châu. Chính việc làm đó khiến cho mật thám Pháp nghi ngờ và ra lệnh bắt giam ngài trong 10 tháng tại Sài Gòn. Những việc làm ích nước, lợi dân của ngài trong giai đoạn chống Pháp đã góp phần vào phong trào yêu nước bấy giờ.

Ngài là vị Tăng tài xuất chúng, đóng góp cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam ngày một phát triển rạng ngời trong lòng dân tộc.

Tóm lại, với hạnh nguyện tự lợi và lợi tha, tâm từ bi bao la và trí tuệ rộng lớn của một vị đại sĩ hoá thân trong bối cảnh đất nước thời Pháp thuộc là tấm gương rạng ngời với nhiều đóng góp tích cực cho Phật giáo và dân tộc Việt Nam. Ngài là vị Tăng tài xuất chúng, đóng góp cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam ngày một phát triển rạng ngời trong lòng dân tộc. Ngài là vị *"tiêu biểu cho thế hệ danh Tăng ở miền Tây Nam Bộ, đóng góp công sức rất lớn cho phong trào chấn hưng, mà lịch sử mãi còn kính ghi, khắc lại tưởng niệm đời đời"* [12].

Chú thích:

* Đại đức Thạc sĩ Thích Thiện Mãn.

[1] Thiện Minh (1994), *Lịch sử Đại đức Hòa thượng Phi Lai*, Nhà in Xưa và Nay, Sài Gòn, tr.3.

[2] Thích Đồng Bổn (biên soạn, 2017), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX* (tái bản lần thứ nhất), tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.80.

[3] Tổ Minh Khiêm Hoằng Ân (1850-1914): là đệ tử của Đại lão Hoà thượng Tiên Giác Hải Tịnh (chùa Giác Lâm, Chợ Lớn). Trước khi ngài Tiên Giác tịch đã giáo phó trưởng tử Minh Vi Mật Hạnh trụ trì chùa Giác Lâm, còn Hoà thượng Minh Khiêm Hoằng Ân đảm nhận trụ trì chùa Giác Viên khi mới 20 tuổi. Ngài Hoằng Ân là người đã chú giải quyển *Tỳ ni nhật dụng yếu lược.*

[4] Thích Đức Quang (2022), "Tổ Phi Lai – Một đại sĩ hoá thân", *Phật giáo*, đăng ngày 15/06/2022, truy cập ngày 17/2/2023. Nguồn: https://phatgiao.org.vn/to-su-phi-lai-mot-dai-si-hoa-than-d54025.html. Tham khảo trong tác phẩm *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX* (tập 1) do Thích Đồng Bổn biên soạn (2017), *Sđd*, tr.80 ghi pháp danh Hoà thượng Chí Thiền là "Như Hiền" chứ không phải là "Như Hiển". Tham khảo Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập III, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.794 đều gọi Tổ Phi Lai là thiền sư Chí Thành. Theo quan điểm Trương Ngọc Tường cho rằng gọi pháp hiệu Chí Thiền nhằm cử tên ông nội là Nguyễn Văn Thành và thân phụ là Nguyễn Công Thành. Hoà thượng Chí Thành (hay Chí Thiền) trụ trì chùa Phi Lai khác với thiền sư Chí Thành, trụ trì chùa Tam Thai (Quảng Nam).

[5] Nguyễn Lang (2000), *Sđd*, tr.795-796.

[6] Đây là hai câu thơ trong bài kệ Sám Ngã niệm, được tác giả Hạnh Cơ dịch là: *"Nguyện cùng pháp giới đại đồng. Viên quang thanh tịnh dứt vòng tử sinh"* (Nguồn: https://hoavouu.com/a25476/sam-nga-niem).

[7] Thích Đức Quang (2022), *"Tổ Phi Lai – Một đại sĩ hoá thân"*, bài viết đã dẫn.

[8] Thích Đồng Bổn (2017), *Sđd*, tr.80.

[9] Thích Khánh Hòa (1929), "Hành trình nhựt ký đi cổ động cuộc sáng lập tòng lâm Phật giáo hội", *Pháp Âm*, tr.40-48.

[10] Thích Đồng Bổn (2017), *Sđd*, tr.82-83.

[11] Từ Bi Âm (1932), "Tiểu sử của Hoà thượng chùa Phi Lai", *Từ Bi Âm*, Sài Gòn, số 16, tr.40-43.

[12] Thích Đồng Bổn (2017), *Sđd*, tr.83.

ĐẠO

Huy Linh

Nhớ ngày sáo thổi triền đê
con trâu nhai sợi nắng quê tần ngần
cào cào khoe áo tứ thân
củ khoai mót được từ mầm đất khô

Thênh thang một gánh cơ đồ
con về tìm lại cánh cò đồng quê
nón mê tất tả nón mê
lưng bà như thể ngọn tre đầu làng
hạt na nhịp phách hát xoan
chè xanh đựng ánh trăng vàng trước sân
thanh cao trong chốn thanh bần
dạy cho con cháu hiếu nhân một đời

Chữ nho ông viết xong rồi
đức, trung, trí, dũng... đỏ ngời án thư
áo the khăn xếp nhu từ
nhang trầm kể chuyện kinh sư la đà
thành hoàng ngự miếu cây đa
khôi nguyên võng lọng hiển hoa về làng
khói lam hòa với khói nhang
hồn quê ấy tựa rồng vàng bay lên

Chuông chùa độ lượng vô biên
ru con bước cả vào miền vô vi
đạo gia trong cõi từ bi
nam hà ắt hẳn thái trì thịnh hung

Hoa đèn lặng gió rưng rưng
hàng cau vừa trổ một buồng trăng non
bà về với cội với nguồn
ông giờ cũng hóa phù vân ngang trời
con về trầu héo trong cơi
hỡi ôi tóc mẹ trắng đồi cỏ lau!

Phật giáo Việt Nam trong chuyển đổi số

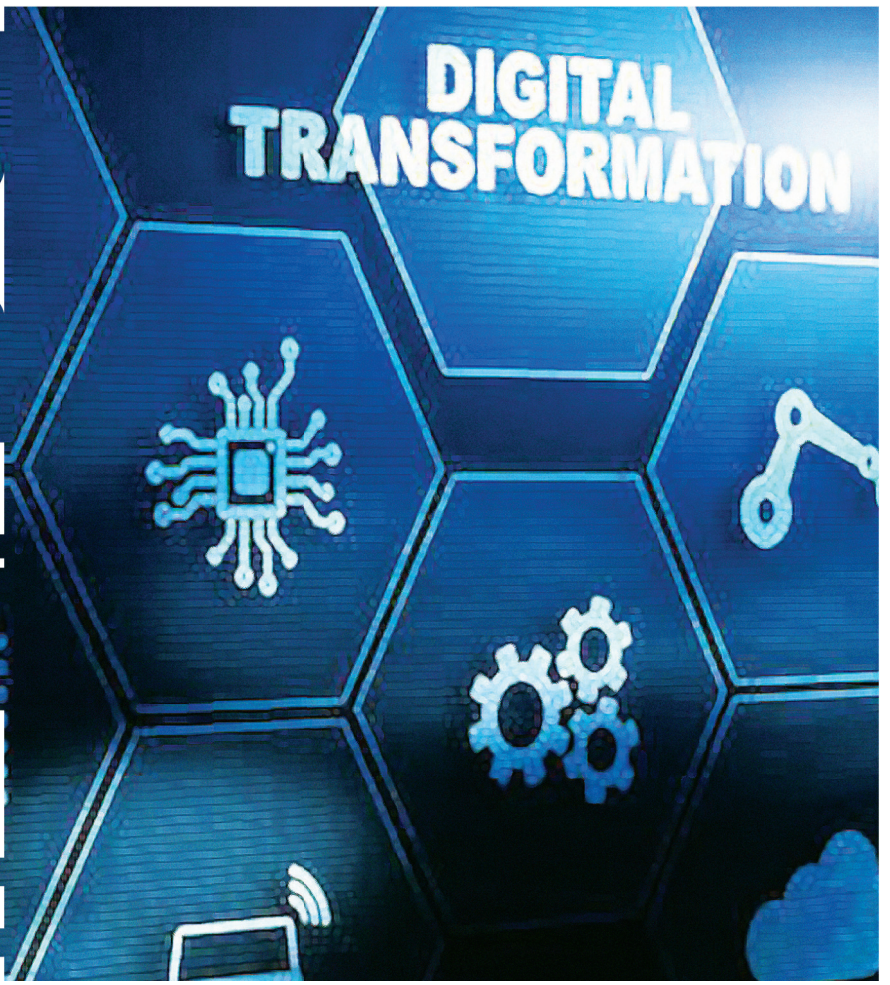

Mấy suy nghĩ và kiến nghị

TT. Thích Minh Nhẫn*

Tại Việt Nam, khái niệm chuyển đổi số thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)… nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty.

KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Có thể nói, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang trở thành một xu thế chủ đạo trong sự phát triển tiến bộ khoa học và công nghệ của đời sống hàng ngày mọi quốc gia và dân tộc. Các ứng dụng đến từ trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và chuỗi khối ngày càng phổ biến trong xã hội hiện đại của chúng ta, tác động liên tục và đặt mọi thiết chế xã hội, mọi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hội đoàn trước vận hội mới: tham gia tích cực hay đứng ngoài (và đồng nghĩa bị tụt hậu)?

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một tổ chức, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình hoạt động và cung cấp các giá trị mới cho đối tác, khách hàng của tổ chức đó cũng như tăng tốc các hoạt động. Chuyển đổi số cũng là một sự thay đổi về văn hóa của các tổ chức, đòi hỏi các tổ chức phải liên tục thay đổi, thử nghiệm cái mới và sẵn sàng chấp nhận các thất bại.

Tại Việt Nam, khái niệm chuyển đổi số thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)… nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Chuyển đổi số đang trở nên quan trọng không chỉ với doanh nghiệp mà còn với các lĩnh vực khác, như y tế, giáo dục và cả trong thiết chế tôn giáo. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 505/QĐ-TTg năm 2022 lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là ngày chuyển đổi số quốc gia.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) có thể dễ bị nhầm lẫn với khái niệm Số hóa (Digitizing). Để phân biệt hai khái niệm này, có thể hiểu rằng Số hóa là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số...). Trong khi đó, Chuyển đổi số là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem Số hóa như một phần của quá trình Chuyển đổi số.

Tất nhiên chúng ta không chạy theo cách mù quáng với sự tiến triển của công nghệ và thời đại. Mọi hoạt động của Phật giáo vận hành trên nền tảng của Từ bi và Trí huệ, nếu đắm trước vào các sản phẩm, các cạnh tranh hơn thua mà không chú trọng phần tinh túy – vị giải thoát, thì chúng ta đang đi trật khỏi đạo lộ giác ngộ mà Đức Thế Tôn đã trình bày.

Chính bởi vì chuyển đổi số đang ngày càng được ưa chuộng nên trong xu thế vận động của xã hội, bất kỳ tổ chức, tập hợp nào không tham gia tích cực vào quá trình này đều đối diện nguy cơ bị tụt hậu phát triển. Mặt khác, nếu chủ động và đề ra chiến lược phát triển phù hợp với xu thế chuyển đổi số, chúng ta có thể gặt hái được rất nhiều thành tựu.

THAM GIA VÀO CHUYỂN ĐỔI SỐ MANG LẠI LỢI ÍCH

Phật giáo du nhập vào nước ta đã hai thiên niên kỷ. Có thể nói, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc qua rất nhiều thời đại với nhiều khó khăn, thách thức. Với mỗi khúc quanh co của lịch sử, Đạo Phật đều tìm được lối thoát phát triển rất riêng, trên nền tảng của từ bi và trí huệ. Trong thời đại hiện nay, Phật giáo Việt Nam đang nhập thế một cách tích cực trên nhiều lĩnh vực, từ giáo dục, hoằng pháp đến truyền thông, quản lý tăng sự v.v.. Đó là do Phật giáo nước ta thừa hưởng tính uyên nguyên uyển chuyển từ truyền thống. Song, chúng ta cũng cần tận dụng lợi thế của tiến bộ khoa học và công nghệ vào sự phát triển của mình. Trong phạm vi bài viết này. chúng tôi cho rằng Phật giáo sẽ hưởng được một số lợi ích nếu tham gia vào quá trình chuyển đổi số từ hai mặt sau:

Về chính sách

Để thích ứng với tình hình mới và tận dụng cơ hội mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại, ngày 27/9/2019, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030. Theo đó, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Một yếu tố mà chúng tôi nghĩ đảm bảo cho công cuộc chuyển đổi số của Giáo hội thành công là thay đổi nhận thức chính mình về quá trình này. Trong "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" cũng khẳng định: "Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số".

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp, các tổ chức đặt nền tảng trên công nghệ số Việt Nam, sở hữu năng lực đi ra toàn cầu.

Phật giáo nước ta trong tiến trình cách mạng công nghiệp 4.0 đang áp dụng bước đầu một số công nghệ mới, ví dụ tin học hóa Kinh điển, sách vở, giấy tờ hành chính, hoặc như trong dịch bệnh Covid-19 vừa qua, nhiều tự, viện, ban, ngành đã tổ chức các buổi họp, hội thảo, giáo dục Phật pháp trực tuyến. Đó là sự khởi đầu thành công và cần được tiếp tục tiến hành thêm sâu sắc. Khi thực hiện chuyển đổi số là Phật giáo nước ta đang góp phần vào bước tiến chuyển đổi số quốc gia, được hưởng lợi từ sự tiến bộ nhanh chóng và đồng bộ với các cấu kiện khác của hệ thống chuyển đổi số: hạ tầng thông tin, nguồn vốn, nhân lực và thu hút tín đồ, quần chúng.

Về phương thức hoằng pháp

Hoằng pháp là hoạt động cơ bản trong đời sống Phật giáo ở nước ta. Tăng đoàn Phật giáo với bản thể thanh tịnh và hòa hiệp chú trọng công tác hoằng pháp để mang Phật đạo đến với mọi người, thổi gió giải thoát cùng khắp phương trời. Nhờ thành tựu công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mà trong đó chuyển đổi số là trọng tâm, phương thức hoằng pháp đang trên đà biến đổi sâu sắc.

Vào nửa sau của thế kỷ XX, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba ra đời với những phát minh mới về vệ tinh, máy tính, điện thoại, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin và internet,... đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo điều kiện cho các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa với việc sử dụng các phương tiện truyền giáo mới: "Phương tiện truyền giáo mềm". Đó là việc truyền bá niềm tin tôn giáo bằng tư tưởng, văn hóa, học thuật, nghệ thuật với việc sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như kinh sách, đài phát thanh, truyền hình, radio, cassette, Internet.

Sang đến những thập niên gần đây, với sự ra đời của công nghệ điện toán đám mây, vạn vật kết nối và sự phát triển các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube, Twitter,... phủ sóng toàn cầu, đã giúp con người kết nối với nhau mọi lúc, mọi nơi, làm cho thế giới càng trở nên phẳng và ảo hơn. Người ta có thể trò chuyện, tương tác với nhau, nhìn thấy nhau nhờ các thiết bị điện tử được nối mạng như tivi, máy tính, điện thoại thông minh (smartphone) chỉ trong giây lát. Lối chuộng sử dụng smartphone đã trở thành xu thế chính

Nhờ thành tựu công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mà trong đó chuyển đổi số là trọng tâm, phương thức hoằng pháp đang trên đà biến đổi sâu sắc.

trong đời sống công nghệ và các hoạt động tôn giáo của Giáo hội ta đang từng bước cập nhật để thích nghi với công nghệ mới. Một mặt, Phật giáo đã bước đầu sử dụng phương thức hoằng pháp online, phát triển mạng xã hội Phật giáo, kênh truyền hình Phật giáo. Nhưng mặt khác, Phật giáo đang đứng trước ngưỡng cửa chuyển đổi sâu sắc hơn: Liệu các sản phẩm văn hóa, thông tin-truyền thông của Phật giáo có cạnh tranh được với các sản phẩm văn hóa, thông tin-truyền thông thế tục? Bởi vì sự phát triển về chiều sâu của một kênh thông tin, một sản phẩm văn hóa đòi hỏi không chỉ áp dụng công nghệ hiện đại mà còn là vấn đề chất lượng. Chất lượng không hẳn đi đôi với số lượng song chất lượng là yếu tính tiên quyết để công chúng đón nhận và tin yêu giá trị văn hóa Phật giáo.

Tất nhiên chúng ta không chạy theo cách mù quáng với sự tiến triển của công nghệ và thời đại. Mọi hoạt động của Phật giáo vận hành trên nền tảng của Từ bi và Trí tuệ, nếu đắm trước vào các sản phẩm, các cạnh tranh hơn thua mà không chú trọng phần tinh túy – vị giải thoát, thì chúng ta đang đi trật khỏi đạo lộ giác ngộ mà Đức Thế Tôn đã truyền dạy.

THAY ĐỔI TƯ DUY

Một yếu tố mà chúng tôi nghĩ đảm bảo cho công cuộc chuyển đổi số của Giáo hội thành công là thay đổi nhận thức chính mình về quá trình này. Trong "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" cũng khẳng định: "Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số".

Theo đó: Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và nâng cao thứ hạng quốc gia. Đi nhanh, đi trước giúp dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội sẽ ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển.

Có lẽ lời dẫn trên khả dĩ giúp chúng ta hiểu tầm quan trọng và tính cấp thiết của chuyển đổi số đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Chú thích:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn - Ủy viên Thư ký Ban Thường trực HĐTS GHPGVN, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

PHẬT GIÁO
VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Dù thời gian có đi qua, không gian có biến dịch, song công đức và đạo hạnh của Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền vẫn trường tồn trong tâm tư Tăng Ni và Phật tử, đánh dấu trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng.

Tổ đình Phi Lai:

Huyền tích, Phật tích và di tích kiến trúc văn hoá độc đáo

ĐĐ. Thích Minh Ân*

Ở vùng biên ải Tây Nam xa xôi, nơi được lưu truyền nhiều huyền thuyết và điển tích về chốn Già lam, có một di tích Phật giáo độc đáo đã gắn bó với mảnh đất này qua bao năm tháng thăng trầm của lịch sử. Đó là Phi Lai cổ tự (Tổ đình Phi Lai), tọa lạc dưới một ngọn núi nhỏ tên là Kỳ Hương, thuộc làng Tú Tề, tổng Thành Ý, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay là ấp Núi Voi, xã Núi Voi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang).

PHI LAI CỔ TỰ VÀ DẤU ẤN CỦA LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Vào đầu thế kỷ XX, Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền (1861-1933) là bậc cao Tăng Phật giáo đã đặt dấu ấn và làm thay đổi bộ mặt của vùng đất này. Trên bước đường du hóa hoằng truyền Phật pháp, Ngài đã đến vùng Tịnh Biên (An Giang) kiến lập đạo tràng, giáo hóa và cứu độ dân chúng vượt qua những cơn bĩ cực lầm than. Dưới đạo hạnh và công đức của Ngài, chốn Tổ đình nổi tiếng này đã trở thành điểm nhấn trong phong trào chấn hưng Phật giáo và đóng góp tích cực vào công cuộc kháng chiến chống Pháp ở vùng Tây Nam Bộ. Cũng chính tại đây, nhiều thế hệ Tăng Ni đã được đào tạo và thành tựu đạo nghiệp, trở thành bậc long tượng của Phật giáo Việt Nam. Những bậc danh Tăng này đều đem giáo Pháp phổ biến khắp nơi, góp phần xây dựng, mở rộng Tông môn Pháp phái và duy trì mạng mạch Phật pháp.

Vùng đất này trước đây vốn hoang sơ, là nơi chung sống hài hòa giữa hai dân tộc Kinh (Việt) và Khmer bản xứ. Do đó, ngoài những ngôi chùa Phật giáo Nam tông cũng có một ngôi chùa Bắc tông có tên là Phi Lai (Phi Lai cổ tự). Ban đầu, Phi Lai cổ tự là một ngôi chùa làng, được những lưu dân người Việt dựng lên vào năm 1786 để làm chốn nương tựa tinh thần trong những ngày đầu khai phá nên còn được gọi là chùa làng Tú Tề. Theo truyền thuyết, vào năm 1900, người dân làng Tú Tề nằm mộng thấy đức Phật Thầy Tây An (1807-1856) báo rằng sẽ có một vị cao Tăng xuất hiện tại xứ này để truyền đạo và làm lợi lạc cho nhân sanh.

Vì thế, mọi người đều háo hức, trông ngóng suốt ba ngày ba đêm và cuối cùng đã đón được Tổ sư Chí Thiền đang trên đường du hóa qua đây. Sự xuất hiện của Tổ như cơn "mưa Pháp" dạt dào khiến cho mọi người đều cảm thấy rất hân hoan và tràn đầy hỷ lạc. Cho nên, không lâu sau đó các hương chức, dân

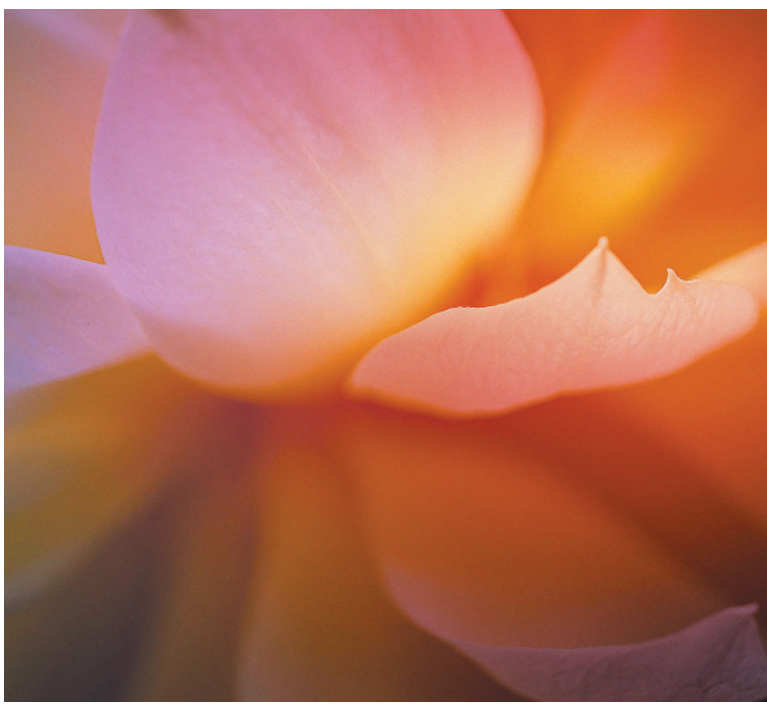

Tại chùa Giác Viên (Gia Định) Ngài quy y với Tổ Phương Minh, được ban pháp húy Như Hiển, hiệu Chí Thiền, nối dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 39, theo dòng kệ "Đạo Bổn Nguyên", pháp phái Nguyên Thiều.

làng và Phật tử địa phương quyết định hiến cúng chùa Phi Lai và cung thỉnh Tổ về trụ trì. Ngài đã hoan hỷ chấp thuận về đây hoạt động Phật sự và bắt đầu công cuộc trùng tu (năm 1900), biến ngôi chùa từ một mái tranh vách đất trở thành chốn Già lam hết sức khang trang, uy nghiêm và bề thế:

Hòa thượng Thích Minh Thanh, Phó Ban trùng tu Tổ đình Phi Lai nói rằng: *"Ngôi Tổ đình Phi Lai trước khi tổ Chí Thiền về đây tu tập và hoằng hóa chỉ là một ngôi chùa am tranh vách đất. Vào đầu thế kỷ XX, Tổ từ chùa Giác Viên ở Sài Gòn về Châu Đốc để tìm nơi thuận lợi tu hành và làm Phật sự. Khi đến tới Châu Đốc, Tổ dừng chân ở núi Cấm, sau đó; dân làng nghe tin nên rước Tổ về chùa Phi Lai để an trụ và tu hành tại đây. Từ đó, Tổ bắt đầu mở mang khai phá, từ một ngôi chùa am tranh vách đất trở thành một ngôi già lam hết sức khang trang, tú lệ"*.

Để có kinh phí trùng tu và hoạt động Phật sự, Tổ đứng ra chiêu mộ dân phu, Phật tử cùng hương chức địa phương khẩn hoang, thành lập các nông trại làm ruộng, đồng thời tổ chức mua bán khoai, muối, tích trữ huê lợi. Nổi tiếng đương thời là bậc chân tu, lấy tinh thần cứu tế, giúp đỡ xã hội, chúng sinh làm mục đích chính, tổ Chí Thiền đã dẫn dắt chư Tăng chùa Phi Lai thường xuyên hỗ trợ người dân vùng biên ải khó khăn. Điển hình là các hoạt động cứu giúp nạn dân vùng Châu Đốc qua cơn thiên tai tàn khốc năm Đinh Mùi (1907), tương tự như việc Ngài đã từng làm với nhân dân xứ Gò Công trong nạn nước năm Giáp Thìn (1904). Dần dần, uy đức và đạo hạnh của Tổ được truyền tụng khắp nơi và lan sang tận Campuchia. Có lời đồn rằng, sãi Cả chùa Tà Lạp (Cao Miên) vì mến mộ Tổ nên đã dâng cúng tượng Phật bằng vàng và được tôn trí tại chùa Phi Lai .

NƠI HỘI TỤ CỦA NHỮNG BẬC DANH TĂNG PHẬT GIÁO

Cảm phục ân đức sâu dày của tổ Chí Thiền, tứ phương Tăng tục đã quy tụ về dưới chân Ngài để cầu đạo, trong đó có người Việt, Hoa và Khmer, biến ngôi Phi Lai trở thành chốn Già lam sung túc, cuộc sống người dân quanh vùng có nhiều biến đổi tốt đẹp. Trong thời gian hơn 60 năm *"Tác Như Lai sứ hành Như Lai sự"*, Tổ đã quy y Tam bảo cho hàng trăm Phật tử hữu duyên và hơn 20 Tăng Ni xuất gia, góp phần khơi nguồn, hun đúc nên những thế hệ Tăng Ni tài danh tiếp sau.

Nhiều vị trong số đó đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ, làm cho *"Tổ ấn quang huy, chúng sinh lợi lạc, tốt đời đẹp đạo"*. Tiêu biểu là các cao Tăng như Hòa thượng Thiện Hoa, Trí Tịnh, Hồng Pháp, Hồng Nhẫn, Ni trưởng Diệu Kim, Diệu Tịnh, Hải Ấn,… Đặc biệt hiện nay, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn cũng thuộc tông phong pháp phái của Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền.

Cũng theo Hòa thượng Thích Minh Thanh, Phó Ban trùng tu Tổ đình Phi Lai, ba thế hệ trong tông môn tiếp nối lãnh đạo và gìn giữ mạng mạch của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm: Thế hệ thứ nhất là Hòa thượng Thiện Hoa, húy là Hồng Nở. Thế hệ thứ hai Hòa thượng Trí Tịnh, húy là Nhựt Bình, nếu nói theo thế gian là cháu nội. Và thế hệ thứ ba là Hòa thượng Thiện Nhơn, húy là Lệ Huy thì điều đó cũng đã chứng minh phần nào uy đức của Tổ.

Nếu nói về những ngôi chùa trực thuộc ảnh hưởng của Tổ thì không đếm hết được, trải dài khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ và riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng khá nhiều, điển hình là Việt Nam Quốc Tự. Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thiện Hoa là đệ tử của Tổ. Bên Ni thì có chùa Hải Ấn, chùa Kim Sơn và chùa Bửu Sơn (Quận 5) cũng là trực thuộc của Tổ. Ngoài ra, tại các tỉnh miền Tây, nhất là Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, đệ tử của Tổ rất nhiều.

Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền, bậc long tượng phát quang Tổ đình Phi Lai, Tổ thế danh Nguyễn Văn Hiển, húy Như Hiển, hiệu Chí Thiền. Nguyên quán tại xã Diêm Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, sinh ra trong một gia đình nhiều đời làm quan triều đình Nhà Nguyễn (1802-1945) và có truyền thống Phật giáo.

Năm 18 tuổi, sau khi phong trào kháng Pháp thất bại, vì tránh sự truy đuổi của địch nên Ngài lánh nạn vào Nam sinh sống. Năm 1881, cảm nhận sự giả tạm, vô thường của thế nhân, chí xuất trần phát lộ nên Ngài quyết chí xuất gia, tầm cầu giải thoát. Tại chùa Giác Viên (Gia Định) Ngài quy y với tổ Phương Minh, được ban pháp húy Như Hiển, hiệu Chí Thiền, nối dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 39, theo dòng kệ "Đạo Bổn Nguyên", pháp phái Nguyên Thiều.

Sau thời gian Tổ được thỉnh về trụ trì chùa Phi Lai (Phi Lai cổ tự) tại Châu Đốc, uy tín của Ngài ngày càng lan xa và ngôi chùa Phi Lai cũng là nơi gặp gỡ bí mật của các nhà cách mạng yêu nước thời bấy giờ. Tổ rất tích cực tham gia hoạt động hỗ trợ cho phong trào yêu nước chống thực dân Pháp, trong một lần hội kiến với cụ Phan Bội Châu tại chùa Phi Lai (năm 1903) Ngài đã đưa ra lời khuyên với cụ: "Phàm muốn làm việc gì bí mật, có bàn bạc vơi nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh, ngày trắng, hoặc ở đồng trống đường to, không nên ở chỗ đêm khuya, nhà kín, tai mắt mình không thể phòng được xa, chỉ làm thêm cơ hội những ai muốn rình xét…".

Theo đuổi con đường chuyên tu hạnh đầu đà và theo gương Lục tổ Huệ Năng khổ hạnh lao động công quả, Ngài phát nguyện đánh chuông ngày sáu thời ròng rã suốt ba tháng, rồi lại phát tâm công quả đắp nền chùa Giác Viên bằng 100 xe đất mỗi ngày cho đến lúc thành tựu. Sau ba năm nhập thất tham thiền đạt sở nguyện viên mãn, Ngài cùng Bổn sư xây dựng và coi sóc ngôi Tam bảo Giác Sơn.

Năm 1899, bổn sư viên tịch nên Ngài kiêm nhiệm trọng trách trụ trì chùa Giác Viên và Giác Sơn. Đến đầu năm 1900, Ngài giao chùa lại cho Hòa thượng Minh Khiêm - Hoằng Ân để đến núi Cấm (tỉnh An Giang ngày nay) tịnh tu. Sau thời gian Tổ được thỉnh về trụ trì chùa Phi Lai (Phi Lai cổ tự) tại Châu Đốc, uy tín của Ngài ngày càng lan xa và ngôi chùa Phi Lai cũng là nơi gặp gỡ bí mật của các nhà cách mạng yêu nước thời bấy giờ. Tổ rất tích cực tham gia hoạt động hỗ trợ cho phong trào yêu nước chống thực dân Pháp, trong một lần hội kiến với cụ Phan Bội Châu tại chùa Phi Lai (năm 1903) Ngài đã đưa ra lời khuyên với cụ: *"Phàm muốn làm việc gì bí mật, có bàn bạc vơi nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh, ngày trắng, hoặc ở đồng trống đường to, không nên ở chỗ đêm khuya, nhà kín, tai mắt mình không thể phòng được xa, chỉ làm thêm cơ hội những ai muốn rình xét…"* .

Tổ Chí Thiền là một bậc long tượng của Phật giáo Việt Nam với nhiều cống hiến nổi bật cho đạo pháp và dân tộc. Ngoài việc đóng góp kinh tài, những năm 1915-1930, chùa Phi Lai còn là nơi hội họp của chư vị Hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang,

Nhiều vị trong số đó đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ, làm cho "Tổ ấn quang huy, chúng sinh lợi lạc, tốt đời đẹp đạo". Tiêu biểu là các cao Tăng như Hòa thượng Thiện Hoa, Trí Tịnh, Hồng Pháp, Hồng Nhẫn, Ni trưởng Diệu Kim, Diệu Tịnh, Hải Ấn,… Đặc biệt hiện nay, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn cũng thuộc tông phong pháp phái của Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền. *(Ảnh Hoà thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự cùng chư Tôn đức thắp hương tháp Tổ - sưu tầm)*

Pháp Hải, Khánh Anh, Vạn Ân, Phổ Tuệ… để bàn phương hướng chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Các Giới đàn, khóa An cư kiết hạ và các lớp Phật học gia giáo thường xuyên được tổ chức tại chùa Phi Lai.

Xuân thu qua mãi, sương tuyết đổi dời, luật vô thường chẳng có chừa ai, dòng sinh tử đúng thời quy định, thân tứ đại một ngày thọ bệnh, nên Tổ sư an dưỡng tại thiền sàng, các đệ tử ân cần hầu hạ thuốc thang, hỏi thầy chừng nào về Phật, Tổ nói chờ Tam Thánh Liên Trì đến rước, đúng giờ ngọ ngày rằm tháng Hai.

Tổ chấp tay nói kệ:
Nhứt niệm viên quang tội tánh không
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh.

Rồi Tổ an nhiên thâu thần thị tịch vào rằm tháng hai, năm Quý Dậu (1933), trụ thế 73 năm, hành đạo 52 năm, Bảo tháp nhục thân được tôn trí tại khuôn viên chùa Phi Lai, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh An Giang).

Tổ đình Phi Lai, kiến trúc Phật giáo độc đáo thời hiện đại Phi Lai Cổ Tự, ban đầu được tổ Chí Thiền kiến tạo khá quy mô trên một khu đất rộng, riêng phần kiến trúc xây dựng tổng thể được dàn trải trên hàng ngàn mét vuông đất, với các công trình vừa chính vừa phụ đếm được trên 20 hạng mục. Nhưng sau khi Tổ viên tịch, đến năm 1945, một biến cố nghiêm trọng đã xảy ra khiến ngôi Tổ đình bị thiêu hủy hoàn toàn cùng với 14 sinh mạng, trong đó có trụ trì chùa Phi Lai (Hòa thượng Thích Thiện Minh,

vị trưởng tử của Tổ). Hai năm sau, Hòa thượng Thiện Tòng (chùa Trường Thạnh, Sài Gòn) và Ni trưởng Diệu Kim (chùa Bảo An, Cần Thơ) đã đứng ra vận động tái thiết ngôi Tổ đình lần thứ nhất, quy mô khiêm tốn hơn nhiều so với công trình mà Tổ đã xây dựng ngày trước. Rồi theo thời gian, chốn Già lam linh địa năm xưa một lần nữa lại đứng trước nguy cơ hư hại, xuống cấp nghiêm trọng sau hơn nửa thế kỷ tồn tại.

Đến năm 2018, với sự khởi xướng của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, chư Tôn đức Tăng Ni môn hạ Tổ đình Phi Lai đã phát tâm đại trùng tu chốn Tổ, để báo đáp phần nào ân đức sâu dày của Tổ, đồng thời góp công tôn tạo một thắng tích lịch sử của nước nhà.

Sau cuộc đại trùng tu kéo dài trong gần ba năm (2018-2020), Tổ đình Phi Lai đã có bước chuyển mình lịch sử, trở thành một ngôi "Đại hùng bửu điện" bề thế, với lối kiến trúc hiện đại pha lẫn nét văn hóa truyền thống của Phật giáo vùng An Giang nói riêng và Việt Nam nói chung. Tổng thể công trình gồm có các hạng mục: Chánh điện, Nhà Tổ, Trai đường, khu Tăng phòng, khu lưu niệm và các tôn tượng, vườn cảnh lộ thiên tọa lạc trên diện tích. Trong đó, nổi bật nhất là tòa Chánh điện có chiều ngang hơn 33m, chiều dài gần 59m, chiều cao 36,5m, bố cục một trệt, một lầu và bảy mái cổ lầu cùng với một đỉnh tháp bằng đồng dát vàng có trọng lượng 3 tấn và chiều cao lên đến 8m.

Tầng một là không gian thờ tự chính của Tổ đình, gồm ba gian Tiền điện tôn trí Bồ tát Di Lặc, Tứ Đại Thiên Vương và Kim Cang Hộ Pháp. Trung tâm là Chánh điện thờ Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền và thập bát La Hán. Hậu Điện thờ Tổ sư Chí Thiền cùng chư liệt vị tiền bối Tổ sư qua các thời kỳ. Tầng trệt là khu Trai đường và phòng nghỉ của chư Tăng. Với tổng diện tích sử dụng hai tầng lên đến gần 4.000 m2, không gian Tổ đình có quy mô trở thành nơi tổ chức các sự kiện lớn, quy tụ đông đảo chư Tăng Ni, tín đồ Phật tử của Tông môn pháp phái, kế thừa xứng đáng danh tiếng của Tổ ngày trước. Ngoài ra, Tổ đình còn có khu lưu niệm, nơi lưu giữ những tôn tượng Phật và Bồ tát từ thời tổ Chí Thiền đến nay. Kiến trúc gồm 1 trệt và mái ngói, chiều dài 15.4m, chiều ngang 11,4 m, chiều cao 11,5m. Tổng diện tích 175,5 m2.

KẾT LUẬN

Tổ đình Phi Lai là ngôi cổ tự gắn liền với dòng lịch sử của bậc cao Tăng có nhiều công lao trong công cuộc xiển dương chánh pháp và chấn hưng Phật giáo, nơi hội tụ những giá trị đạo đức tâm linh, văn hóa tín ngưỡng đặc thù chùa Việt. Đồng thời cũng là nơi cho đồng bào địa phương và du khách thập phương khi đi núi Sam, núi Cấm có dịp ghé đến chiêm ngưỡng và hành lễ chốn Tổ, nơi được xem là cội nguồn của Phật giáo vùng Nam Bộ.

Dù thời gian có đi qua, không gian có biến dịch, song công đức và đạo hạnh của Tổ sư Như Hiển - Chí Thiền vẫn trường tồn trong tâm tư Tăng Ni và Phật tử, đánh dấu trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng. Để trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai, chốn Già lam linh địa một thời vẫn mãi tỏa ngát hương thiền, tiếp nối mạch nguồn đạo pháp nơi đất Tổ thiêng liêng.

Chú thích:

* Đại đức Tiến sĩ Thích Minh Ân.

1. Tỉnh Châu Đốc được chia thành mười tổng, sáu tổng người Việt và bốn tổng người Khmer. Làng Tú Tề là một trong tám làng thuộc tổng Thành Ý. Theo Hội nghiên cứu Đông Dương (2017), *Địa lý học: Tự nhiên, kinh tế và lịch sử Nam kỳ, Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc, tập VI*, Nguyễn Nghị và Nguyễn Thanh Long (dịch), Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr. 41.
2. Tục danh là Đoàn Minh Huyên, người sáng lập ra giáo phái "Bửu Sơn Kỳ Hương" (Đạo Lành) tại Nam Kỳ trong giữa thế kỷ XIX, có đóng góp lớn trong công cuộc khai hoang vùng đất An Giang.
3. Thích Đồng Bổn (biên soạn) (2017), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX, tập I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.8.
4. Còn được gọi là Chí Thành, do kỵ húy tên ông nội nên sửa lại là Chí Thiền.
5. Bài kệ truyền pháp của Thiền sư Đạo Mân, đời thứ 31 phái Lâm Tế (Chùa Thiên Đồng, Trung Quốc) truyền sang Việt Nam: Đạo bổn nguyên thành Phật Tổ tiên/Minh như hồng nhựt lệ trung thiên/Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ/Chiếu thế chân đăng vạn cổ huyền.
6. Thích Thiện Nhơn (2018), *Những đóa hoa Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 259.
7. Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện chủ chùa Minh Đạo (TP. Hồ Chí Minh).

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Thiện Nhơn (2018), *Những Đóa Hoa Phật Giáo Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
2. Thích Thiện Nhơn (2019), *Hương đạo ngát đời*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Thích Đồng Bổn (biên soạn, 2017), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX, tập I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Hội nghiên cứu Đông Dương (2017), *Địa lý học: Tự nhiên, kinh tế và lịch sử Nam kỳ, Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc, tập VI*, Nguyễn Nghị và Nguyễn Thanh Long (dịch), Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Viện nghiên cứu Tôn giáo - Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2018), *Hòa thượng Khánh Hòa với phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, Nguyễn Quốc Tuấn và Thích Đồng Bổn (biên soạn), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

ÁNG MÂY TỪ

Tâm Nhã*

Ai nghe được những kết hương kỳ diệu, hương những buổi sớm se se khoảng trời hư ảo, hương tán lá nhẹ nhàng nâng đỡ từng hạt sương mai, hương gạch ngói chuyển màu trong màn nhung trắng... Ai nghe được tiếng vọng hùng tráng của đất trời chuyển mình nơi chốn Tòng Lâm. Nốt lặng nơi khúc hát không lời song hành cùng thước phim kỷ niệm. Màu thời gian cũng hiện dần qua cảnh vật, cái màu kỳ diệu biết chọn lọc đó đã hiện hữu trong cảm quan của chúng con, những người dần đi đến cuối cuộc hành trình tự bao giờ. Cảm quan nhận đủ bao nhiêu gió, nắng, sương, mưa, cái lạnh khi đông về, cái oi của mùa hè kéo đến. Gom hết bao nhiêu để rồi nhận ra cuộc hành trình đã qua ba mùa sen đưa gió.

Ba năm, thật khó nghĩ, mới ngày nào còn bỡ ngỡ với rừng tràm bất tận, còn xao xuyến trước ánh bình minh rực rỡ, ánh hoàng hôn vàng chiếu mái Tòng Lâm, mà giờ đây chúng con sắp phải bước đi, để tiếp nối cuộc hành trình vừa khép lại. Xin được nâng niu những khoảnh khắc, được ôm ấp từng hoài niệm mang tên "một thời". Vô thường ấy, định luật ấy, có cái cảm tưởng như không hiện hữu ngay trong hiện tại, phải chăng do tự tâm khảm mỗi người học trò, dòng thời gian đang ngưng đọng. Ngưng đọng trong khoảng không bừng sáng bởi đuốc tuệ rực màu giác ngộ. Ngưng đọng với hình ảnh quý ngài đứng đó, hiện thân của ngọn đèn sáng lớn truyền lửa nhiệt huyết, thổi vào lý tưởng hoài bão cho bao thế hệ học trò.

Những bóng lưng lặng lẽ, âm thầm bước những bước dài an nhiên dưới tán Sa-la, qua những đám cỏ vươn mình kính ngưỡng, vài nhành hoa vàng hoe cúi đầu dưới năng lượng từ bi. Quý ngài nhẹ nhàng qua những khung gỗ nâu, trầm lặng, bình dị hòa vào hàng học trò đang háo hức vào lớp học. Chúng con, được xem như những mầm xanh mang sự tươi trẻ bừng sáng còn có chút gì đó non dại, quý ngài lại mang chất liệu tỉnh thức mà dung dị ẩn sâu là nguồn nội lực vững chắc, tấm lòng từ bi vô hạn. Ai nhìn ra trên những nụ cười ấy, nét ung dung điềm tĩnh là những đêm thức trắng với bao hàng giáo án chỉnh chu, như từng giọt ngọc được trân quý, chắt chiu, vượt qua hàng cây số, vượt cung đường gió bụi vào nơi rừng thiêng để gửi gắm niềm hy vọng. Hy vọng đèn tâm của chúng con không bị gió trần làm chao đảo, hy vọng tất cả chất liệu đó giữ được những ngọn đèn nhỏ nhoi vững vàng mãi không tắt.

Giữa bao la rừng tràm bất tận, âm vọng danh xưng đấng đạo sư vang lên cả góc trời, hòa cùng tiếng lá rừng đưa gió, tiếng chim rộn đùa với mây xanh. Căn phòng 102 quen thuộc, nơi hội tụ tinh hoa triết học, bao giáo lý nhân sinh quan, vũ trụ luận, kinh văn từ Nguyên thủy đến Đại thừa, bài học được quý Ngài dẫn dắt khéo léo, khắc họa sinh động. Thầy và trò trong mỗi lần lên lớp là mỗi lần sống với nhau, đưa nhau đi khắp các nguồn tư tưởng từ Lăng già, Trung Quán rồi cùng nhau ngược dòng lịch sử về với đấng Từ phụ, chân trần rảo bước khắp miền quê đất Ấn, cảm nhận cái nóng cái lạnh của thời tiết, cảm nhận niềm hỷ lạc vô biên hòa vào hàng Thánh tăng khất thực; vinh hạnh cùng chư thính chúng, thọ nhận tinh yếu Pháp hoa, thể nhập Tánh không Bát Nhã. Rồi

Thầy lại đánh thức chúng con quay về thực tại, sống với chất liệu giải thoát, nhắc nhở sứ mệnh thiêng liêng của người Thích tử, gửi vào đó niềm tin cho Phật pháp trường cữu mai sau.

Tình thầy trò đâu phải đơn thuần được xây nên từ nhưng tiết học đơn điệu, người trao đi, kẻ nhận về bao con chữ khô khan. Tình cảm đó là khái niệm thiêng liêng, cao quý, sự tiếp nối giữa thầy và trò, nó đâu chỉ giới hạn trong phạm vi kiến thức mà nó còn thấm đượm tình đạo vị, mang sứ mạng của người truyền đăng, nối dòng bậc Thánh. Hàng Tăng Ni chúng con biết rằng, phải có giới hạnh và trí tuệ cao sâu đến nhường nào, quý Ngài mới có thể truyền đi sự ân cần, tận tâm để khích lệ đánh thức yếu tố giác ngộ, những hạt giống Bồ đề của người học trò chúng con.

Biết nói làm sao hết những bài giảng bình dị, đượm màu trí tuệ giải thoát, diễn tả làm sao được những khoảnh khắc bồi hồi của hàng Tăng Ni dang tay tiếp đón những hạt giống tuệ giác từ quý ngài. Chỉ có thể gửi vào hình ảnh, dùng ngôn từ hữu hạn thế gian mà tạm dung chứa cái tinh hoa vô hạn. Có đàn cò nào ở mãi trên cánh đồng; có ánh mắt nào chan chứa tình thương, niềm hy vọng và cái buồn man mác như ánh mắt người ở lại. Người thầy như người nông phu luôn đứng nơi đây dõi nhìn theo đàn cò trắng đang rộng mình vượt gió, sải rộng cánh bay về phía mặt trời. Người học trò mang theo sức mạnh, lòng tin với tất cả trân quý một đời chắt chiu, góp nhặt mà người ở lại gửi trao. Từng lời nói, nụ cười của quý thầy đã nói lên trong chúng con những tình cảm mà mai sau dù ở chân trời nào cũng đã trở thành phần chất liệu không thể tách rời.

Cánh sen cuối cũng đã rơi, hạt xanh cũng sẵn sàng chôn mình dưới lớp bùn đen chờ ngày vươn mình qua lá nước. Xin cảm ơn màu thời gian ấy, màu kỷ niệm, màu khoảnh khắc bên nhau, màu tươi đẹp gói vào từng ký ức. Chúng con trân trọng đón nhận tất cả những nguồn kiến thức, nguồn sống, nguồn kinh nghiệm từ quý ngài. Nhận ánh sáng trí tuệ, tự nuôi dưỡng chất liệu giữ lửa và truyền đến tha nhân. Hạnh phúc đã thấm nhuần, thân tâm đã được làm mát, chúng con cảm niệm vô cùng, xin nguyện đời đời tin tưởng và hành trì, tâm tâm niệm niệm kính ngưỡng kế thừa. Chỉ mong mỗi miền ký ức quyện vào nhau hóa thành sợi nhân duyên kỳ diệu, mãi kết nối tình cảm thiêng liêng, làm nơi nương tựa tinh thần trên lộ trình của bao người lữ hành tất bật mai sau.

Áng mây từ về nơi đại ngàn
Gió tuệ giác đến thong dong,
Nguyện đời đời nương bóng,
Kiếp kiếp tương thu.

Tri ân giáo thọ Khoa Triết học Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

Chú thích:
* Tâm Nhã, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

TUỆ TÂM

Kim Loan

Lợi danh chiếc bóng thoảng qua
Chỉ là giấc mộng ta bà điêu linh
Ta say quên cuộc tử sinh
Đồng hoang cô độc hỏi mình tỉnh chưa?

Hiu hiu cát bụi gió lùa
Nghe như rất khẽ chuông chùa vọng ngân
Khói mây rưng rức hương trầm
Ưu đàm thức giấc ngàn năm ngọc thiền

Người về từ cõi vô biên
Tuệ tâm thơm ngát một miền chân như
Sen vàng lấp lánh kinh thư
Khai thông trí huệ cõi tu nhiệm màu

Mê lầm như giấc chiêm bao
Hừng đông bờ giác ngạt ngào hoa tâm!

XẢ BUÔNG

SC. Thích Nữ Diệu Hoa

Đời chỉ khổ nếu như chấp nhặt
Cứ hồn nhiên ai bắt ta buồn
Đâu người ép lệ phải tuôn
Tại mình không chịu ngưng buồn đó thôi

Khi ngày mới qua rồi chuyện cũ
Lúc chiều sang hưởng thụ yên bình
Nhủ lòng chỉ nạp điều minh
Mặc cho phiền não ưa rình để vây

Hằng tu dưỡng phước gầy sống thọ
Tập xả buông để có tâm từ
Nhớ là giữ trí nhàn thư
Cõi lòng sẽ hết mệt nhừ âu lo.

PHẬT GIÁO
KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ

Quan niệm về

Đức Phật đã vì hàng Thanh văn khuyên tu pháp Tứ Diệu đế để chứng ngộ, đạt được quả vị Niết bàn A-la-hán, vì hàng Duyên giác khuyên tu tập quán chiếu Mười hai nhân duyên, giác ngộ giải thoát sanh tử luân hồi, vì hàng Bồ tát khuyên tu sáu Ba-la-mật, tự lợi lợi tha, cứu độ chúng sanh khổ, lợi ích chúng sanh, hướng đến thành tựu quả vị Phật.

A-la-hán
trong kinh điển Đại thừa Phật giáo

SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ

Tóm tắt: *Trong quá trình phát triển, Phật giáo xuất hiện tư trào Đại thừa, nhấn mạnh lý tưởng Bồ tát đạo. Thông qua sự khảo cứu các kinh điển theo tạng Nikaya và các kinh điển Đại thừa Phật giáo, tác giả đã khái quát quan niệm về quả vị A-la-hán trong Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Từ đó cho thấy mặc dù có một số điểm khác biệt giữa hai truyền thống Nam truyền Phật giáo và Bắc truyền Phật giáo, nhưng tựu chung đều xác tín vị A-la-hán là bậc thánh giác ngộ.*

Từ khóa: *A-la-hán, Đại thừa, Nguyên thủy.*

VỊ A-LA-HÁN TRONG KINH TẠNG NGUYÊN THỦY

Sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Phật giáo phát triển và truyền thừa sang các nước lân cận thuộc phía Nam và phía Bắc, trong quá trình đó đã hình thành nên các bộ phái Phật giáo từ Thượng tọa bộ, Đại chúng bộ. Đến khoảng đầu Công nguyên, đã phát xuất tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Triết lý, tư tưởng của Đại thừa Phật giáo thể hiện rõ trong các bộ kinh như: *Kinh Bát Nhã Ba-la-mật, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa,...* Trong đó, quan niệm Phật giáo Đại thừa đề cập về thánh quả A-la-hán là Thanh văn thừa và đề cao lý tưởng Bồ tát thừa hướng đến quả vị Phật. Nền tảng căn bản của Đại thừa Phật giáo vẫn có mối liên hệ với Nguyên thủy Phật giáo về quá trình tu chứng, hình thành tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Đại thừa Phật giáo chú trọng thực hiện lý tưởng Bồ tát là các Ba-la-mật, là những gì ứng dụng trong thực tế cuộc sống.

Theo quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy, vị A-la-hán (Arhant) là bậc đã hoàn toàn giác ngộ. Danh từ gọi vị ấy có ba nghĩa:

1. Dịch là sát tặc, với nghĩa là giết giặc phiền não;

2. Dịch là Ứng cúng, với nghĩa là xứng đáng được nhận sự cúng dường của trời và người;

3. Dịch là Bất sinh, với nghĩa là mãi mãi vào Niết bàn, không phải chịu quả báo lần thứ hai.

Các bậc Bồ tát khi giáng sinh xuống cõi trần vẫn phải thiền định lại mới đắc quả A-la-hán. Bậc A-la-hán đã thoát khỏi phiền não, được tự do tự tại, hoàn mỹ về mặt đạo lý, làm chủ được tư tưởng của mình, biết hết tất cả [1]. Trong *Tương Ưng Bộ Kinh* còn ghi lại lời dạy: *"Này Rādha, khi nào Tỳ kheo sau khi như thật biết rõ tập khởi, sự đoạn diệt, vị*

Phật giáo Nguyên thủy, Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ ghi nhận rằng, Thế Tôn và các Thánh đệ tử A-la-hán đều giải thoát khỏi sinh tử, nhưng vẫn còn một số điểm phân biệt giữa Ngài và các Thánh đệ tử ấy. Ngài là Giáo chủ duy nhất trong hiện kiếp, là một Thế Tôn duy nhất trong hiện kiếp, còn các đệ tử của Ngài chỉ có thể chứng A-la-hán, thực hiện con đường giải thoát. *(Ảnh: sưu tầm)*

ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này; vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi Tỳ kheo là bậc A-la-hán. Đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí" [2].

Trong *Kinh Tương Ưng*, Đức Thế Tôn nói như sau: *Như Lai, này các Tỳ kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường (trước kia) chưa khởi, là bậc đem lại con đường (trước kia) chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường (trước kia) chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thục về đạo. Còn nay, này các Tỳ kheo, các vị đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu. Này các Tỳ kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bậc Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí tuệ* [3]. Như vậy, bài *Kinh Tương Ưng* của Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy điểm khác biệt giữa Đức Phật và các đệ tử chứng quả vị thánh A-la-hán. Đó cũng là yếu tố, cái nhân của sự tu tập trải qua thời gian nhiều kiếp lâu xa mà có kết quả như vậy. *Vì chúng ta là phàm phu, hay nhị thừa, hoặc Bồ tát, thì cũng chỉ chứng được*

quả mà chúng ta đã có từ đời trước. Từ quả vị A-la-hán mà tiến tu lên được quả vị cao hơn nữa có thể được, nhưng cũng không đơn giản. Người may mắn gặp được Phật, thì sự tu chứng nhanh hơn; chỉ trong một niệm tâm liền chứng được quả A-la-hán, như Ngài Xá-lợi-phất [4].

Truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền có một số điểm nhìn khác nhau về Thế Tôn. Chính điểm nhìn khác nhau này mở lối cho sự phát triển của Phật giáo về sau và làm phong phú thêm kho tàng văn học Phật giáo [5]. Phật giáo Nguyên thủy, Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ ghi nhận rằng, Thế Tôn và các Thánh đệ tử A-la-hán đều giải thoát khỏi sinh tử, nhưng vẫn còn một số điểm phân biệt giữa Ngài và các Thánh đệ tử ấy. Ngài là Giáo chủ duy nhất trong hiện kiếp, là một Thế Tôn duy nhất trong hiện kiếp, còn các đệ tử của Ngài chỉ có thể chứng A-la-hán, thực hiện con đường giải thoát [6].

QUAN NIỆM VỀ TAM THỪA TRONG ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma Puṇḍarīka Sūtra): Là một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Phật giáo Đại thừa. Các bản dịch của kinh từ ngôn ngữ *Sanskrit* sang ngôn ngữ Trung Hoa. Trong phẩm *Phương tiện thứ hai* có nhắc đến nhất thừa tức quả vị Phật, Đức Phật dạy rằng: *"Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn cùng Duyên giác không thể đến được"* [7]. Trong một nghìn hai trăm vị A-la-hán cùng rất đông người khác, khi nghe Đức Phật thuyết có khoảng năm nghìn người đứng dậy lễ Phật lui ra. Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: *"Trong chúng ta đây không còn cành lá, rặt có hột chắc. Xá Lợi Phất! Những gã tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt. Ông nay nên khéo nghe ta sẽ vì ông mà nói"* [8]. Đức Phật muốn chỉ Phật thừa mà không phân biệt thêm thừa nào khác. Đức Phật dùng phương tiện diễn nói các pháp, cho chúng sanh chứng *"nhứt thiết chủng trí"* được tri kiến của Phật. Đại thừa Phật giáo theo như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật phương tiện giới thiệu về Tam thừa tức *Thanh văn thừa, Duyên giác thừa (Bích Chi Phật)*, Phật thừa và sau cùng chỉ cho Nhất thừa tức Phật thừa.

Thanh văn thừa

Đại thừa Phật giáo xem A-la-hán là Thanh văn thừa. Thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy A-la-hán là quả vị cao nhất trong bốn Thánh quả. Sau Thế Tôn Niết bàn khoảng hơn 100 năm, nhân vật Đại Thiên đưa ra quan điểm 5 việc, trở thành nguyên nhân tranh luận của Tăng già, từ đó dẫn đến sự phân phái trong Tăng đoàn (Thượng tọa và Đại chúng). Các bộ phái tiếp tục xem xét những vấn đề có liên quan đến A-la-hán [9]. Thuyết Nhất thiết hữu bộ chia A-la-hán thành hai dạng:

1. Thời giải thoát A-la-hán (Samayavimutta- Arahant) chỉ cho các vị A-la-hán có thời gian giải thoát;

2. Phi thời giải thoát A-la-hán (A Samayavimutta- Arahant) chỉ cho các vị A-la-hán cũng có thời gian không được giải thoát [10].

Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm *Thí dụ thứ ba*, có đoạn: … *Xá-Lợi-Phất! nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo Đức Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết-bàn, gọi đó là Thanh-văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa* [11].

Theo ý của đoạn kinh trên, Thanh văn thừa về việc tu tập lo tự độ, chứng được quả vị Niết bàn. Phật giáo Đại thừa hình thành quan điểm Tam thừa, Ngũ thừa. Quả vị A-la-hán xếp vào hàng Thanh văn thừa trong Tam thừa hay Ngũ thừa, quả vị cao nhất là Phật thừa. Có nghĩa là về phương diện tu chứng, Thanh văn thừa không đồng cảnh giới như Phật quả [12]. Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, có đoạn: *Phật, vì người cầu đạo Thanh-văn, nói pháp Tứ-đế* [13] *thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cứu cánh Niết-bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp Mười hai nhân duyên* [14], *vì hàng Bồ tát nói sáu pháp Ba-la-mật làm cho chứng được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác thành bậc nhứt thiết chủng trí* [15]. Đức Phật đã vì hàng Thanh văn khuyên tu pháp *Tứ Diệu đế* để chứng ngộ, đạt được quả vị Niết bàn A-la-hán, vì hàng Duyên giác khuyên tu tập quán chiếu Mười hai nhân duyên, giác ngộ giải thoát sanh tử luân hồi, vì hàng Bồ tát khuyên tu sáu Ba-la-mật, tự lợi lợi tha, cứu độ chúng sanh khổ, lợi ích chúng sanh, hướng đến thành tựu quả vị Phật. Các A-la-hán *(Arahant)* đôi khi được gọi là Phật Thanh văn *(Savaka-Buddha)*. Các ngài thực hành theo những lời dạy của vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác để diệt trừ tham, sân, si và thực hiện trọn vẹn chứng đắc Niết bàn *(Nirvana)*. Họ chứng ngộ những chân lý tương tự mà các vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác đã chứng và thường chỉ dạy lại cho

người khác, nhưng thiếu những kiến thức bổ sung mà vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác sở đắc, chẳng hạn như khả năng nhớ lại vô lượng kiếp *(Thanh tịnh đạo)*. Bản thân vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác được mô tả như vị A-la-hán, nhưng còn hơn thế nữa [16].

Duyên giác thừa

Quả vị Duyên giác, tức Bích Chi Phật *(Pratyeka-Buddha)* được dịch là Độc Giác, hay Duyên giác, tự tu tập giác ngộ không do Thầy. Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* có đoạn: *"Nếu có chúng sanh nào theo Đức Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí huệ tự nhiên ưa thích riêng lẻ vắng lặng, sâu rõ nhân duyên của các pháp, gọi đó là Duyên giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa"* [17]. Duyên giác thừa, tu tập tự giác ngộ pháp duyên khởi, chứng quả vị Độc Giác. Không giống với A-la-hán *(arahant)*, vị Phật Độc giác là vị chứng đắc được sự giải thoát mà không do vị Chánh đẳng Chánh giác chỉ dạy, cũng sau một chặng đường hành đạo dài, nhưng vị Phật Độc giác được mô tả là *"không tham ái, tự riêng mình chứng đắc sự tỉnh thức đúng đắn"* và là *"những vị đại tiên nhân đã chứng đắc được Niết bàn tối hậu"*. Vị trở thành vị Phật Độc giác nhờ cái nhìn sâu sắc (quán chiếu) về vô thường và sự điên đảo của sự dính mắc (chấp thủ). Điều này phát sinh từ việc nhìn thấy những hiện tượng như lá khô héo rơi, cây xoài bị tàn phá bởi những kẻ tham lam, chim tranh nhau miếng thịt [18].

Đại thừa Bồ tát

Bồ-tát (Bodhisatta, Bodhisattva): Phiên âm đầy đủ là Bồ-đề-tát-

Bodhisatta (Bồ-tát) có nghĩa là một chúng sinh tha thiết đạt được sự giác ngộ. *(Ảnh: sưu tầm)*

đỏa, còn gọi là Bồ-đề-tát-đỏa, Ma-ha-đế-tát-đỏa. Cựu dịch là Đại đạo tâm chúng sinh, Đạo chúng sinh… Tân dịch là Đại giác hữu tình, Giác hữu tình… nghĩa là người có đại tâm cầu đạo, nên gọi là Đạo tâm chúng sinh. Người cầu đạo, cầu đại giác gọi là Đạo chúng sinh, Đại giác hữu tình [19]. Bodhisatta (Bồ-tát) có nghĩa là một chúng sinh tha thiết đạt được sự giác ngộ. Liên hệ đến giáo lý Bồ tát, hệ tư tưởng ban sơ của *Mahasanghika* chủ trương chỉ có duy nhất một Bồ tát, đó là *Gautama Siddhartha (Cù-đàm Tất-đạt-đa)*. Theo quan điểm của *Mahavastu*, trong đời sống sau cùng qua hình ảnh Tất-đạt-đa *(Siddhartha)*, Bồ tát tự sinh *(self-born)* mà không phải do cha mẹ sinh. Đời sống Bồ tát không phải là giai đoạn trung gian, mà có thể xem như là một hình thái được hóa hiện *(nirrmanakaya)*; tâm Bồ tát không hề có bất cứ dấu vết nào của tham, sân, độc hại, và hiểm ác [20]. Luận về quả vị, theo Đại chúng bộ thì có ba; đó là quả A-la-hán, quả Bồ tát và quả vị Phật. Đồng thời, lấy quả vị Phật làm mục đích tối hậu cho việc tu hành [21]. Hữu Bộ thì lấy quả A-la-hán làm mục đích, chủ trương *"Phật và nhị thừa, đều giải thoát giống nhau, vì tam thừa Thánh đạo, mỗi thừa đều có sai khác"*. Bồ tát là nhân hạnh của Phật - tức vị Phật chưa thành Phật.

Bồ tát phải thành tựu sáu Ba-la-mật (paramita) mới chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Sammasambuddha). Sáu Ba-la-mật: *1. Bố thí Ba-la-mật, 2. Trì giới Ba-la-mật, 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật, 4. Tinh tấn Ba-la-mật, 5. Thiền định Ba-la-mật, 6. Trí tuệ Ba-la-mật*. Ba-la-mật là từ dịch âm từ chữ Phạn là *paramita*, có nhĩa là đáo bỉ ngạn, độ thoát, [22]... Thuật ngữ *Paramita* gốc từ chữ Parama gọi là Ba-la-mật, dịch là sự hoàn thiện, hoàn hảo, trạng thái cao nhất. Văn học Thượng tọa Bộ Pali đề cập 10 Ba-la-mật, trong khi văn học Sanskrit bộ phái Đại thừa chỉ đề cập 6 Ba-la-mật [23]. Bồ tát trong kinh điển Đại thừa đặc biệt chú trọng vai trò của trí tuệ Ba-la-mật như kinh Đại Bát-nhã-ba-la-mật-đa giải thích: *"Này Xá Lợi Phất! Các vị Bồ tát cần phải an trú Bát-nhã-ba-la-mật-đa, lấy tâm vô trụ làm phương tiện (để độ sinh). Từ đó năng trụ sở trụ không còn"*. Cùng ý này, Bát-nhã-ba-la-mật-đa tâm kinh nhấn mạnh: *"Bồ tát Quán Tự Tại khi thực hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, thấy rõ bản chất Năm uẩn đều là không, liền vượt qua tất cả khổ ách"* [24]. Thuật ngữ Bát-nhã-ba-la-mật-đa, Đại thừa Phật giáo đặc biệt sử dụng từ này để hình dung ý nghĩa trí tuệ trong của Phật giáo Đại thừa, *"Trí tuệ"* đó đặc biệt nhấn mạnh đến phương diện đáo bỉ ngạn, tức trí tuệ đã giải thoát, không phải trí tuệ của Thanh văn, càng không phải tri thức thông thường. Do đó, Bát-nhã-ba-la-mật-đa là thuật từ chuyên môn trong Phật giáo Đại thừa [25].

Bồ tát thành tựu trí tuệ *Bát-nhã-ba-la-mật* tức tâm không còn phân biệt, dính mắc vào các pháp, thấy rõ được tánh không của các pháp như trong *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-la-mật*, Đức Phật dạy Tu Bồ Đề như sau: *"... Bồ tát theo đúng pháp, nên lấy tâm không chỗ trụ mà làm việc bố thí. Nghĩa là chẳng nên trụ nơi hình sắc mà bố thí, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng mà bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ tát nên bố thí như vậy đó, không trụ nơi tướng... ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* [26]. Phật giáo Đại thừa phát triển về giáo lý *"vô ngã"* và lý tưởng Bồ tát đó là hai công trình vĩ đại cho nhân loại, và phát triển Phật giáo. Bồ tát không phân biệt với các pháp, không chấp chặt, dính mắc một pháp nào, mà thực hiện lý tưởng của Bồ tát với nhiều hạnh nguyện để phục vụ, lợi ích cho chúng sanh.

THANH VĂN THỪA ĐI ĐẾN NHẤT THỪA

Đại thừa Phật giáo theo như *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Đức Phật phương tiện giới thiệu về Tam thừa sau cùng chỉ cho Nhất thừa tức Phật thừa. Trong phẩm, *Thí dụ*, thứ ba, có đoạn: *... Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng, chưng dọn bằng các món báu,...dùng trâu trắng kéo...* Đến phẩm thứ tám *"Ngũ bá đệ tử thọ ký"* thì năm nghìn Thanh văn mới giác ngộ, hiểu được lời Đức Phật dạy mà sám hối quay về lãnh lời thọ ký thành Phật của Đức Như Lai: *"Chúng con nay mới biết mình thiệt là Bồ tát được thọ ký sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"*. Cũng ví như kẻ ngu vô trí tìm được châu báu vô giá của người bạn cho sẵn trong vạt áo, mà do vì say nên không hay, nay chỉ cho châu được chút phần Niết bàn cho đủ chẳng cầu nữa, nay từ Phật nghe thọ ký Phật huệ Vô thượng đó mới là thiệt diệt [27]. Qua đoạn kinh của *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, chúng ta thấy chủ yếu Đức Phật muốn nói đến quả vị Phật nên hướng đến. Đức Phật nhấn mạnh về phương tiện hành Bồ tát đạo lợi ích nhân sinh là căn bản của việc tu tập.

Quả vị A-la-hán trong kinh điển Đại thừa Phật giáo, mang tính chất căn bản và quan trọng để hành giả phát tâm hành Bồ tát hạnh với các Ba-la-mật lợi ích chúng sinh.

Trong kinh luận Đại thừa như: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm *Thí dụ* và phẩm *Tín giải* giải thích hàng nhị thừa Thanh văn chỉ là phương tiện, Phật thừa mới là chân thật. Do vậy, Bồ tát cần phải từ bỏ Thanh văn và Duyên giác thừa để thành tựu Phật thừa. Tam thừa trong kinh luận Đại thừa, như *Kinh Kim Quang Tán Bát Nhã* đề cập: *"Thế gian liền biết có Thanh văn, Bích Chi, Phật thừa"* [28].

Kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thuộc Đại thừa có điểm tương đối ôn hòa đối với Thanh văn thừa và xem Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa là phương tiện từ Tam thừa đi vào Nhất thừa. *Kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân* có đề cập: *"Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã phương tiện thiện xảo; vì muốn chúng sanh từ bỏ thế giới ngũ trược, cho nên phân biệt nói thành ba, để hướng dẫn chúng sanh đi vào Nhất thừa"*. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa: *"Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa hàng Bồ tát, tất cả những gì Đức Phật thuyết giảng không ngoài mục đích vì chúng sanh khai ngộ tri kiến Phật. Này Xá Lợi Phất! Như Lai chỉ có Phật thừa vì chúng sanh thuyết pháp, không có các thừa, cho dù là hai hay ba thừa"*. Thế Tôn phương tiện hình thành nói ba thừa là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thừa để chúng sanh từ Tam thừa tiến nhập vào Nhất thừa. Điều này mang ý nghĩa, Nhất thừa mới là chân thật, là mục đích tu tập trong Phật pháp; còn Tam thừa chỉ là phương tiện [29].

Kinh Lăng Già A Bạt Đa La Bảo, giải thích Nhất thừa là các vọng tưởng về năng sở nhiếp được

thấu rõ một cách như thật, nhờ vậy vọng tưởng không còn sanh khởi. Hàng Nhất thừa tức Như Lai mới có thể nhiếp phục được vọng tưởng, còn ngoại đạo Phạm Thiên Vương hay Thanh văn, Duyên giác đều không thể nhiếp phục. *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* cũng cho rằng: *"Vượt hơn hàng Nhị thừa, gọi là Đại thừa, Đệ Nhất thừa, Thắng thừa, Tối Thắng thừa, Thượng thừa, Vô thượng thừa"* [30].

Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm *Hóa thành dụ*, phẩm này mang ý nghĩa *Hóa thành* là dụ cho hàng Nhị thừa Thanh văn, còn bảo sở dụ cho Nhất thừa. Vì vậy, Hóa thành là phương tiện không phải mục đích, muốn đạt được mục đích phải từ bỏ phương tiện [31]. Thanh văn thừa chủ yếu tu tập tự độ, tu tập hướng đến Nhất thừa. Nhưng Nhất thừa không phải bắt nguồn từ cái khác mà bắt nguồn từ Thanh văn mà thành. Nhất thừa, Phật thừa là cứu cánh của Phật pháp Đại thừa, còn Tam thừa, Ngũ thừa là phương tiện để đạt được Phật thừa. Như vậy nếu như quả vị tối cao của Thanh văn thừa là A-la-hán, như vậy đồng nghĩa A-la-hán trở thành phương tiện của Nhất thừa trong cách phân tích của Đại thừa. Đây là quan điểm trong Phật giáo Đại thừa [32].

Đại thừa Phật giáo đề cao tinh thần dấn thân thực hành Bồ tát hạnh để đem Phật pháp vào đời lợi ích cho chúng sanh. Tư tưởng Phật giáo Đại thừa phù hợp mọi đối tượng, căn cơ của chúng sanh. Đức Phật phương tiện nói đến Tam thừa: *Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa*, đến Phật thừa là cao nhất cũng là mục đích của sự tu tập. Nên Thanh văn thừa là phương tiện để tiến đến Nhất thừa tức Phật thừa. Dựa trên căn bản quả vị A-la-hán phát tâm hành Bồ tát đạo *"Tự lợi, lợi tha, tự giác, giác tha"*, Đức Phật dạy chừng nào chứng được quả vị A-la-hán mới tin cái tâm của mình, mới có trí huệ thấy biết việc gì nên làm, việc gì không nên làm, đời sống đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Như chư Phật, chư Tổ cũng từ địa vị Thánh quả mà phát tâm đại thừa vào đời *"tùy duyên"* hành đạo, hóa độ chúng sanh. Tuy là Đại thừa Phật giáo phát triển hành Bồ tát đạo phương tiện độ sanh, nhưng Phật giáo phát triển không xa rời cái gốc Nguyên thủy. Được như vậy, Phật giáo mới phát huy chánh kiến của mình, phát huy hết vai trò của mình vì sự lợi lạc của quần sanh.

KẾT LUẬN

Đại thừa Phật giáo quan niệm đến quả vị A-la-hán rồi còn phải trải qua quá trình tu lục độ Ba-la-mật, hành Bồ tát đạo trong nhiều kiếp sống rồi mới thành tựu được quả vị Phật. Quả vị A-la-hán trong kinh điển Đại thừa Phật giáo, mang tính chất căn bản và quan trọng để hành giả phát tâm hành Bồ tát hạnh với các Ba-la-mật lợi ích chúng sinh. Hành giả ý thức được tầm quan trọng của quả vị Thanh văn, bằng phương pháp tu tập và hành trì tiến tu *Tam vô lậu học*, thực hiện theo đúng Giới điều của Đức Phật chế cho một Tỳ Kheo, rồi nhân *Giới* sanh *Định*, nhân *Định* phát *Tuệ* đạt đến quả Niết bàn trong thực tại. Thực hành theo lời Đức Phật dạy: *"Không làm tất cả những điều ác, thực hiện tất cả các việc thiện"* đó cũng là việc thực hiện các Ba-la-mật để tiến đến quả vị Nhất thiết trí.

Chú thích:

[1], [19] Viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.27.
[2], [3] Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Đại Tạng Kinh Việt Nam, Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Bậc A-la-hán*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.47.
[4] HT Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.73.
[5], [6] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, TP HCM, tr.40.
[7], [8], [11]. [13], [16], [17], [27] Thích Trí Tịnh (dịch) (2017), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb. Tôn giáo, tr.123.
[9], [10], [12], [22], [24], [25], [28], [29], [30], [31], [32] Thích Hạnh Bình (2019), *Nghiên cứu khái niệm A-la-hán trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Hồng Đức, TP HCM, tr.609, tr.621, tr.625, tr.627, tr.629.
[14], [15], [16], 18] Thích Nhật Từ (dịch, 2022), *Phật điển thông dụng*, Nxb. Tôn giáo, tr.45.
[20] Thích Viên Trí (2009), *Ấn Độ - Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, tr.288.
[21] Thích Tâm Trí (dịch, 2013), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.219.
[23] Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa*, Nxb. Tôn giáo, tr.183.
[26] Đoàn Trung Còn-Nguyễn Minh Tiến (dịch, 2010), *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-la-mật*, Nxb. Tôn giáo, tr.66-67.

Tài liệu tham khảo:

1. Đoàn Trung Còn-Nguyễn Minh Tiến (dịch), (2010), *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-la-mật*, Nxb. Tôn giáo, tr.66-67.
2. HT Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.73.
3. Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, TP HCM, tr.40.
4. Thích Hạnh Bình (2019), *Nghiên cứu khái niệm A-la-hán trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Hồng Đức, TP HCM, tr.609, tr.621, tr.625, tr.627, tr.629.
5. Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa*, Nxb. Tôn giáo, tr.183.
6. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Đại Tạng Kinh Việt Nam, Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Bậc A-la-hán*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.47.
7. Thích Nhật Từ (dịch, 2022), *Phật điển thông dụng*, Nxb. Tôn giáo, tr.45.
8. Thích Tâm Trí (dịch, 2013), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.219.
9. Thích Trí Tịnh (dịch, 2017), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb. Tôn giáo, tr.123.
10. Thích Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, tr.288.
11. Viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.27.

Tìm hiểu hạnh

Trong Đại thừa Phật giáo, Bồ tát được chia làm ba hạng: Trí tuệ Bồ tát (Paññādhika), Đức tin Bồ tát (Saddhādhika) và Tinh tấn Bồ tát (Viriyādhika).

nguyện Bồ tát qua góc nhìn Kinh Lăng Già

SC. Thích Nữ Thanh Hảo

Tóm tắt: *Lý tưởng về một vị Bồ tát bắt nguồn từ Phật giáo Nguyên thủy và được phát triển hoàn thiện trong tinh thần Phật giáo Đại thừa. Vị Bồ tát theo Kinh Lăng Già có các hành tác rất cao thượng, tự giác và giác tha, làm lợi lạc cho nhân sinh. Từ đó cho thấy, Phật giáo là một tôn giáo rất cao thâm, vừa mang lại sự giác ngộ cho người tu tập, vừa đem lại lợi ích cho nhân quần xã hội.*

Từ khóa: *Kinh Lăng Già, Bồ tát hạnh, Đại thừa.*

KHÁI NIỆM VỀ BỒ TÁT

Bồ tát là những vị mang hạnh nguyện cao cả, dấn thân đi vào cuộc đời để cứu độ chúng sanh, làm hành trang cho pháp tu và hạnh nguyện của mình. Các Ngài lấy chúng sinh hữu tình làm bạn đồng hành, trợ duyên cho Bồ tát tu tập đạt đến quả vị giác ngộ tối thượng. Khái niệm về Bồ tát (Pāli: Bodhisatta, Sankrit: Bodhisattva, Trung Hoa dịch là Bồ đề Tát đỏa) tương đối rộng.

Theo sự hiểu thông thường, thuật ngữ Bodhisatta có hai phần: Bodhi và satta hay sattva. Có rất ít ý kiến bất đồng của các học giả về từ *Bodhi* với ý nghĩa là *"sự chứng ngộ hay giác ngộ"*, nhưng lại có nhiều tranh cãi về ý nghĩa và sự ứng dụng của *"satta"* hay *"sattva"* trong phạm trù liên hệ. Bộ Bách Khoa Tôn Giáo cho rằng: *"Theo từ nguyên học, Bodhisattva là thuật ngữ ghép thành từ chữ Bodhi, với ý nghĩa là "sự giác ngộ hay chứng ngộ" (của một vị Phật), và sattva có nghĩa là "chúng sinh".*

Như vậy, Bodhisattva đề cập đến hoặc một người đang mưu cầu giác ngộ (Bodhi) hoặc *"một chúng sinh giác ngộ"* (Bodhi being), nghĩa là chúng sinh ấy chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Phật. Bộ Bách Khoa Phật Giáo lại có định nghĩa: *"Bodhisattva (Pāli: Bodhisatta) là một chúng sinh thiết tha đối với sự giác ngộ (Bodhi)"*. Theo từ nguyên, Bodhi gốc từ chữ Budh, nghĩa là "sự tỉnh ngộ" hay "giác ngộ". Còn "sattva", bắt nguồn từ saint, hiện tại phân từ của nó mang ý nghĩa là "sự hiện hữu" hay "sự tồn tại" (to be or being); hay theo nghĩa đen, *"sattva là một chúng sinh"*. Do vậy, thuật ngữ này mang ý nghĩa là *"một chúng sinh có bản chất là giác ngộ"*, hoặc *"một vị Phật tương lai"*. Cũng có sự gợi ý rằng thuật ngữ satta của Pāli có thể bắt nguồn từ Bodhi và satta (Sanskrit Sakta có gốc từ Sanj), nghĩa là *"một người gắn bó hay khao khát để đạt đến sự giác ngộ"*.

Trong một nghiên cứu về giáo lý Bồ tát, giáo sư Har Dayal cho rằng *sattva* (giống đực) có thể mang ý nghĩa là chúng sinh hay hữu tình (Skt. Dicy. M. W). Từ Pāli *"satta"* có thể có nghĩa là chúng sinh, hay sinh vật, hữu tình, hay con người. Hầu hết các học giả chấp nhận sự giải thích này.

Như vậy, từ Bodhisatta trong kinh điển Pāli dường như có nghĩa là *"một chúng sinh giác ngộ"*. Tuy thế, satta ở đây không hàm nghĩa là một hữu tình bình thường, và hầu như từ ngữ ấy liên hệ chắc chắn với từ của Vedic *"Krieger"*, có nghĩa là *"một người mạnh mẽ hay dũng cảm, tức anh hùng hay chiến sĩ"*. Như vậy, Bồ tát có thể dịch là *"giác hữu tình"* hay *"hữu tình giác"*, nghĩa là một chúng sinh hữu tình trong quá trình tu tập theo giáo lý mà Như Lai đã giảng dạy đạt được giác ngộ, sau đó đem những điều đã giác ngộ đi giáo hóa, chỉ dạy cho những người khác cũng được giác ngộ như mình. Thể hiện tinh thần tự giác giác tha, tự độ độ tha.

Có thể nói, một trong những học thuyết nổi bật của Phật giáo Đại thừa là học thuyết Bồ tát, mặc dù khái niệm về thuật ngữ này đã xuất hiện trước đó trong Phật giáo Theravāda nhưng với việc xây dựng hình tượng Bồ tát lý tưởng đi cùng với những phương pháp tu tập và hạnh nguyện độ sanh, Phật giáo Đại thừa Phật giáo thể hiện tinh thần nhập thế rất tích cực. Vì thế, hầu hết các bản kinh Đại thừa đều đề cập đến hình ảnh của các vị Bồ tát và những đặc điểm của Ngài, nhất là *Kinh Lăng Già*.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA VỊ BỒ TÁT

Kinh điển Đại thừa vẽ nên một hình tượng vị Bồ tát đi vào đời hoằng hóa với nhiều phương tiện khác nhau. Nếu như trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Bồ tát đóng vai trò như một ngọn đèn soi sáng chúng sanh; trong *Kinh Pháp Hoa* (phẩm Phổ Môn), Bồ tát có thể hóa hiện nhiều thân hình để hóa độ chúng sanh, là cho họ được lợi ích an vui; thì trong *Kinh Lăng Già*, Bồ tát vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh đạt đến Niết bàn nên phát nguyện ở lại thế gian nhiều đau khổ này để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đời sống, hành tác cũng như những đặc điểm của một vị Bồ tát được *Kinh Lăng Già* đề cập cụ thể qua các phần như: Sự tự tu và gia trì lực (Adhishthana); Sự thanh tịnh (Visuddhi) tâm; Ý sinh thân (Manomayakāya); Vị Bồ tát và đời sống xã hội; Vị Bồ tát không bao giờ nhập Niết-bàn; Các bổn nguyện của vị Bồ tát và các công dụng hạnh của Ngài; Mười bổn nguyện của Bồ tát Phổ Hiền (Samantabhadra).

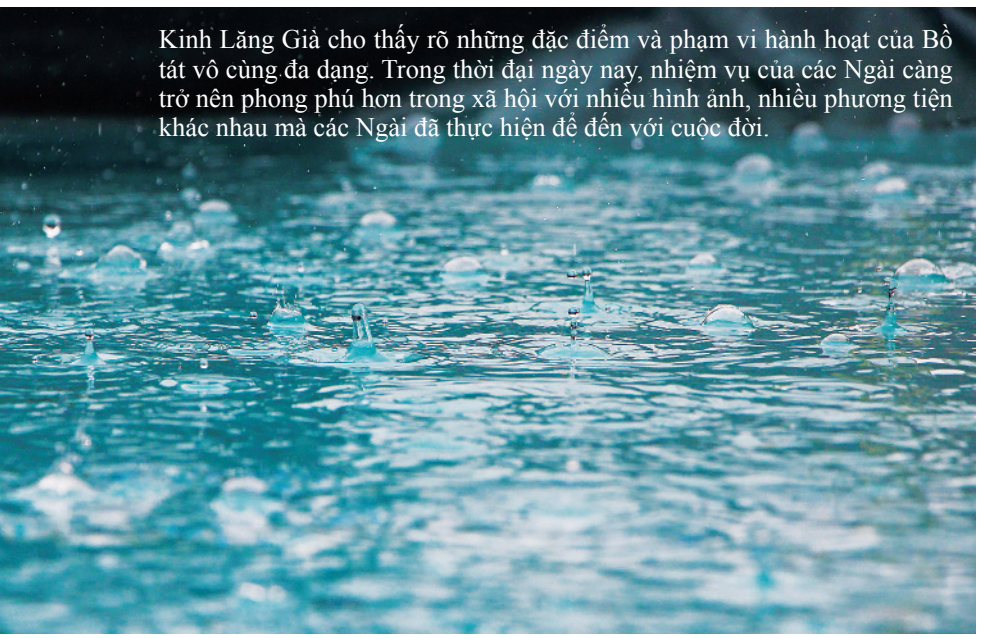

Kinh Lăng Già cho thấy rõ những đặc điểm và phạm vi hành hoạt của Bồ tát vô cùng đa dạng. Trong thời đại ngày nay, nhiệm vụ của các Ngài càng trở nên phong phú hơn trong xã hội với nhiều hình ảnh, nhiều phương tiện khác nhau mà các Ngài đã thực hiện để đến với cuộc đời.

Thứ nhất, sự tự tu và gia trì lực: Đây là hai điều thiết yếu quan trọng mà một vị Bồ tát cần phải có. Theo *Kinh Lăng Già*, sự trang bị về luận lý và tâm lý phải được gia tăng lên nữa bằng sự tu tập thực tiễn mà không có sự tu tập này thì vị Bồ tát không thể khác gì hơn một vị triết gia lý niệm. Vị Bồ tát phải tìm một chỗ yên lặng và đơn độc mà tự tu tập nhờ vào trí tuệ của mình. Một điểm khác biệt giữa Phật giáo Bộ phái và Phật giáo Đại thừa là: Nếu Phật giáo bộ phái chủ trương chỉ có tự lực không cần phụ trợ bên ngoài, thì Đại thừa cho rằng có tha lực. *Lăng Già* gọi tha lực ấy là *"Adhiasthāna"* (gia trì lực).

Thứ hai, sự thanh tịnh tâm: Để thành tựu cứu cánh giác ngộ tuyệt đối, vị Bồ tát phải thanh lọc tâm ý của mình cũng như tất cả chúng sanh với sự hộ trì bằng gia trì lực của tất cả chư Phật. Vị nào thực sự là hiện thân của hạnh nguyện làm lợi ích người khác thì bao giờ cũng nghiêng về việc thức tỉnh họ chứng ngộ. *Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa* và các kinh khác có đề cập, sự phát khởi ý tưởng chứng ngộ luôn được nói đến như là bước đầu tiên tiến đến sự đạt đến chân ý của Như Lai tính. Vì thế, Bồ tát Mahāmati đã nêu lên một câu hỏi về sự thanh tịnh: *"Sự tẩy sạch mà Đức Phật thực hiện là ngay liền hay dần dần, sự tẩy sạch cho tất cả các chúng sinh*

khỏi những lậu hoặc của tâm mà theo đó họ chấp vào cái thực tính của một thế giới đối tượng?".

Thứ ba, ý sinh thân, chúng ta không thấy có sự xác định rõ ràng nào về học thuyết tam thân trong *Kinh Lăng Già* nhưng tất cả các ý niệm tạo thành như có thể nhận ra được như sau đây: Đức Phật Pháp tính, Phật Sở Lưu và Phật Biến Hóa rõ ràng là tương ứng với tam thân sau này là pháp thân, ứng thân và hóa thân. Ý sinh thân (Manomayakāya) là năng lực di chuyển khắp nơi nhanh chóng không bị trở ngại, theo như ý muốn. *Kinh Lăng Già* liệt kê ba loại ý sinh thân: 1. Cái ý thân đạt được trong hạnh phúc của Tam-ma-địa; 2. Cái ý thân sinh ra từ cái biết về sự tự tính của Pháp; 3. Cái ý thân mà các hành động của nó có thể toan tính được, được sinh ra trong hàng Thánh giả. Trong ba loại này, loại thứ hai quan trọng nhất, và từ khi Thân được nêu ra mà không có các định tính thì thường được hiểu là cái thân thuộc loại thứ hai này.

Thứ tư, vị Bồ tát và đời sống xã hội, chủ đề trung tâm của *Kinh Lăng Già* được giải thích là sự đạt tới trí tuệ thâm nhập vào tâm thức thâm kín nhất. Phật giáo là tôn giáo có mặt thực hành và xã hội, nếu có mặt này mà không có mặt kia thì sẽ mất đi lý do hiện hữu của đạo Phật. Vì vậy, *Kinh Lăng Già* cũng chuẩn bị cho Bồ tát sứ mạng của bản thân như là một thành viên trong cộng đồng. Một vị Bồ tát phải phát nguyện rộng độ tất cả chúng sanh, làm lợi ích cho hết thảy các loài hữu tình, xem họ như người thân, như cha mẹ, vợ con, anh em hay như chính bản thân mình mà hóa độ, không khởi tâm phân biệt hay lợi dụng. *"Tuy thế trái tim đại bi vẫn khởi dậy trong họ"* đây là đoạn quan trọng trong triết học Lăng Già và toàn bộ giáo lý Đại thừa. Bồ tát lấy đại bi tâm làm đầu, yêu thương chúng sanh như tình mẹ thương con và nương vào chúng sanh để tu tập tiến đến giải thoát giác ngộ. Những luật tắc và những thệ nguyện của vị Bồ tát, cũng như việc thực hành Bồ tát đạo, được giảng giải khắp các kinh luận Đại thừa. Nói chung, Bồ tát được xem là mẫu người có nhân cách lý tưởng và cao thượng, những giới luật Bồ tát được xem như những chuẩn tắc đưa đến đời sống đạo đức, xây dựng một xã hội tốt đẹp, cuối cùng là đưa hành giả đến sự giải thoát. Bồ tát đi vào đời, vừa tu tập hoàn thiện bản thân vừa làm cho thế gian tốt đẹp và nhân bản hơn đúng với lời Đức Phật dạy trong *Kinh Trường Bộ (Kinh*

"Do bởi mười vô tận nguyện của Ngài, Ngài sẽ đưa tất cả chúng sinh đến sự chín muồi và Ngài hiện ra nhiều hình tướng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu của mọi chúng sinh mà sẽ không bao giờ biết ngưng công tác mình ở đâu cả; và tuy vậy, tâm Ngài vẫn luôn an trụ trong trạng thái tự chứng và trong cả sự an hưởng thiền định viên mãn".

Các vị luôn mang trong mình một trái tim đại bi cứu độ chúng sanh, đó luôn là động lực mạnh mẽ nhất trong suốt quá trình tâm linh của các Ngài. Khi các Ngài đạt đến vô công hạnh tức là đang đứng trong Bất động địa, vị Bồ tát có thể chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Đại Bổn): *"Này các Tỳ kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài người, loài trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ... Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. Nếu được nghe sẽ thâm hiểu chánh pháp"*.

Thứ năm, vị Bồ tát không bao giờ nhập Niết bàn: *Kinh Lăng Già* đề cập đến năm đẳng cấp chúng sanh: những chúng sanh thuộc hàng Thanh văn, hàng Bích chi Phật, hàng Như Lai, các chúng sanh không thuộc đẳng cấp rõ ràng và các chúng sinh không thuộc những đẳng cấp trên. Bởi vì hạnh nguyện của vị Bồ tát là hóa độ tất cả chúng sinh không cùng tận, cho nên nếu còn một chúng sanh đau khổ, còn một chúng sinh chưa giác ngộ trong thế giới này thì các Ngài sẽ không nhập Niết bàn: *"Do bởi mười vô tận nguyện của Ngài, Ngài sẽ đưa tất cả chúng sinh đến sự chín muồi, và Ngài hiện ra nhiều hình tướng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu của mọi chúng sinh mà sẽ không bao giờ biết ngưng công tác mình ở đâu cả; và tuy vậy, tâm Ngài vẫn luôn an trụ trong trạng thái tự chứng và trong cả sự an hưởng thiền định viên mãn"*.

Thứ sáu, bổn nguyện của vị Bồ tát và các vô công dụng hạnh của Ngài: Vị Bồ tát có mười hạnh nguyện lớn lập thệ rộng lớn phát khởi vào lúc khởi đầu sự nghiệp tâm linh, tức là khi Ngài đã nhập địa Bồ tát thứ nhất hay đúng hơn là đời sống Phật, được gọi là Hoan hỷ địa, trải qua mười địa như vậy Ngài đạt đến cuộc sống vô công dụng hạnh. Các vị luôn mang trong mình một trái tim đại bi cứu độ chúng sanh, đó luôn là động lực mạnh mẽ nhất trong suốt quá trình tâm linh của các Ngài. Khi các Ngài đạt đến vô công hạnh tức là đang đứng trong Bất động địa, vị Bồ tát có thể chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Thứ bảy, mười bổn nguyện của Bồ tát Phổ Hiền: 1. Đảnh lễ tất cả chư Phật. 2. Tán thán tất cả chư Phật. 3. Thực hiện đủ mọi thứ cúng dường, nhất là những gì có thể gọi đủ là cúng dường pháp. 4. Sám hối tất cả các tội lỗi mà các vị đã từng phạm. 5. Chân thành vui mừng vì những công hạnh mà người khác đạt được. 6. Thỉnh cầu Đức Phật chuyển pháp luân. 7. Thỉnh cầu Đức Phật trú thế trong thế giới này. 8. Luôn luôn học từ cuộc sống của Đức Phật. 9. Chăm lo cho tất cả hạnh phúc tâm linh của tất cả chúng sanh. 10. Hồi hướng tất cả công đức của các vị đến sự phát triển thiện và ngăn chặn ác. Đây là mười lời nguyện, và khi thực hành một vị Bồ tát sẽ không biết đến khi nào mới ngưng công việc của các Ngài. Vì việc thực hành không giới hạn không gian thời gian, chừng nào còn một chúng sanh sót lại trong thế gian phải được cứu độ, chừng nào còn có một ham muốn xấu xa thì phải được tiêu diệt. Thế nên, Bồ tát sẽ làm việc không ngừng, không gián đoạn bằng thân, khẩu, ý cho đến lúc tận cùng của thế giới.

NHẬN ĐỊNH

Thật vậy, bản chất cốt lõi của vị Bồ tát là lấy lòng đại bi làm đầu, xem tất cả chúng sanh là đối tượng của lòng đại từ bi đó. Với những hạnh nguyện lớn lao, các Ngài đi

vào đời cứu độ nhân sinh, chưa bao giờ rời bỏ bất kỳ một chúng sanh đau khổ nào lại phía sau cuộc hành trình của mình. Tuệ quán của các Ngài là nhận thức rõ tính không của vạn pháp, những việc cứu độ của họ thì không nằm ngoài thế gian đau khổ này. Điều kiện sống của vị Bồ tát là ở nơi đời sống của những con người bình thường, và lòng từ bi sẽ trở thành chất liệu nền tảng cho tất cả hành động. Vì vậy, con đường Bồ tát không 6 phải là con đường chỉ trải toàn hoa hồng, êm đềm phẳng lặng, bởi vì cuộc đời vốn gập gành và đầy những chướng ngại trên mọi lối đi. Học giả D.T.Suzuki đã nhận định: *"Phật giáo là một tôn giáo và như mỗi tôn giáo có mặt xã hội và tu tập tâm linh, không có điều này thì Phật giáo sẽ mất lý do để tồn tại. Kinh Lăng Già (Laṇkāvatāra sutra) cũng chuẩn bị cho Bồ tát với sứ mệnh như là một trong những thành viên của cộng đồng xã hội, hoạt động từ thiện hữu ích chúng sanh. Trong khi mục tiêu của Tiểu thừa không ngoài giải thoát cá nhân, đạt A-la-hán, một cuộc sống thánh thiện an tĩnh. Đây là sự khác nhau giữa Đại thừa và Tiểu thừa…"*.

Trong Đại thừa Phật giáo, Bồ tát được chia làm ba hạng: Trí tuệ Bồ tát (Paññādhika), Đức tin Bồ tát (Saddhādhika) và Tinh tấn Bồ tát (Viriyādhika). Trí tuệ Bồ tát là bậc ít thiên về lòng nhiệt thành sùng đạo nhưng kiên trì tinh tấn trên con đường phát triển trí tuệ. Đức tin Bồ tát là bậc sùng mộ, tin tưởng nơi lễ bái thờ phụng. Tinh tấn Bồ tát là bậc thường dựa vào nỗ lực tinh tấn của bản thân. Đức Phật được tôn sùng là bậc Đại Trí tuệ, Ngài đã ở trong vô lượng kiếp sâu xa thực hành Bồ tát đạo đến khi công đức viên mãn và thành tựu quả vị Phật Đà. Dù ở vị trí nào, các Ngài luôn luôn hoạt động, làm việc không ngừng nghỉ, không mệt mỏi để cứu độ chúng sinh. Các Ngài vượt ra ngoài mọi ham muốn, không màng đến danh thơm tiếng tốt mà chỉ chú trọng đến sự tận tâm phục vụ. Ai biết, ai hay điều đó không quan trọng, chẳng màng đến tiếng khen chê của nhân thế, các Ngài chỉ một lòng thực hiện hạnh nguyện tự độ độ tha của mình. Vị Bồ tát quên mình trong khi phục vụ chúng sinh, dẫu có hi sinh cả tính mạng. Vị Bồ tát ước mong cho thế gian luôn tốt đẹp, yêu thương chúng sanh như con duy nhất của mình. Bồ tát hòa mình với tất cả mọi người: *"Tâm bi của Bồ tát nhằm thực hiện tánh cách bình đẳng giữa Ngài và người khác và cũng đặt mình trong kẻ khác"*. Trong quá trình thực hành Bồ tát đạo, các vị không còn ý niệm về cái "tôi", không có tâm phân biệt. Ngài đồng hóa với tất cả, lấy thiện trả ác, lấy lành trả dữ, giúp đỡ tất cả với trái tim yêu thương vô bờ bến: *"Bị nhục mạ nhưng không nhục mạ lại, bị đánh đập nhưng không đánh đập lại, bị làm phiền nhưng không phiền nhiễu ai, Bồ tát một mực giữ đức khoan hồng. Tựa như đất mẹ trầm lặng, Bồ tát âm thầm chịu đựng tất cả những lỗi lầm của kẻ khác"*.

KẾT LUẬN

Kinh Lăng Già cho thấy rõ những đặc điểm và phạm vi hành hoạt của Bồ tát vô cùng đa dạng. Trong thời đại ngày nay, nhiệm vụ của các Ngài càng trở nên phong phú hơn trong xã hội với nhiều hình ảnh, nhiều phương tiện khác nhau mà các Ngài đã thực hiện để đến với cuộc đời. Một ví dụ cụ thể là trong đại dịch Covid-19 vừa qua, trước tiếng kêu than của những người bệnh, những người thực hiện công hạnh như vị Bồ tát đã xuất hiện. Đó có thể là các vị bác sĩ, y tá, thanh niên phát nguyện đem bánh mì đi khắp thành phố cho những người lang thang, sinh viên tình nguyện, các chiến sĩ công an, bộ đội kiểm soát các chốt kiểm dịch, phân phối hàng cứu trợ… và trong đó có cả hình bóng của các "chiến sĩ áo nâu" khoác lên mình chiếc áo blouse trắng hay bộ đồ bảo hộ xông pha nơi tuyến đầu chống dịch. Đông đảo chư Tăng Ni, Phật tử khắp mọi miền đất nước theo tiếng gọi của Tổ quốc đã tình nguyện lên đường chống dịch với nghĩa cử cao đẹp *"Lạy Phật con đi phụng sự nhân sinh"*. Các vị đã đem đến nguồn năng lượng tích cực, đồng sức đồng lòng chung tay cùng với cả dân tộc chống đại dịch Covid-19.

Tất cả đó là những tấm lòng đại bi của một vị Bồ tát thực thụ, các vị đau với nỗi đau của chúng sinh, khóc với nỗi lầm than của chúng sinh, buồn với những mất mát bi thương của những kiếp người cơ cực. Lý tưởng Bồ tát đã, đang và sẽ hóa hiện ở giữa cuộc đời với nhiều hình thức khác nhau để san sẻ tình thương đến tất cả chúng sinh.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Trường Bộ*, kinh Đại Bổn, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo.
2. Nārada Mahā Thera, Phạm Kim Khánh (Việt dịch, 2019), *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Tổng hợp TP HCM.
3. Daisetz Teitaro Suzuki, Tỳ kheo Thích Chơn Thiện - Trần Tuấn Mẫn (dịch, 2005), *Nghiên cứu Kinh Lăng Già*, Nxb. Tôn giáo.
4. D.T.Suzuki, Studies in the Laṇkāvatāra Sutra, Routledge and Kagan Pual LTD, London, rpt. 1975, tr.214.
5. Thích Viên Trí (2002), *Khái niệm về Bồ tát Quan Thế Âm*, Nxb. Tôn giáo.

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT
MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

01 Vào trang web http://butta.vn
từ trình duyệt trên máy điện thoại:

02 Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play

03 Ấn nút NHẬN hoặc Cài đặt tại kho ứng dụng

04 Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin:
Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản

05 Xem thêm hướng dẫn tại: http://butta.vn/huongdan

Phật Sự Online

www.phatsuonlinetv.com

QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH MỘT KỲ VÀO NGÀY 1 HÀNG THÁNG

quangminh
CANDLE

THƯƠNG HIỆU NẾN ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT

quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị, P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715

Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn

SUN WORLD
HALONG COMPLEX

Bảo Hải Linh Thông Tự
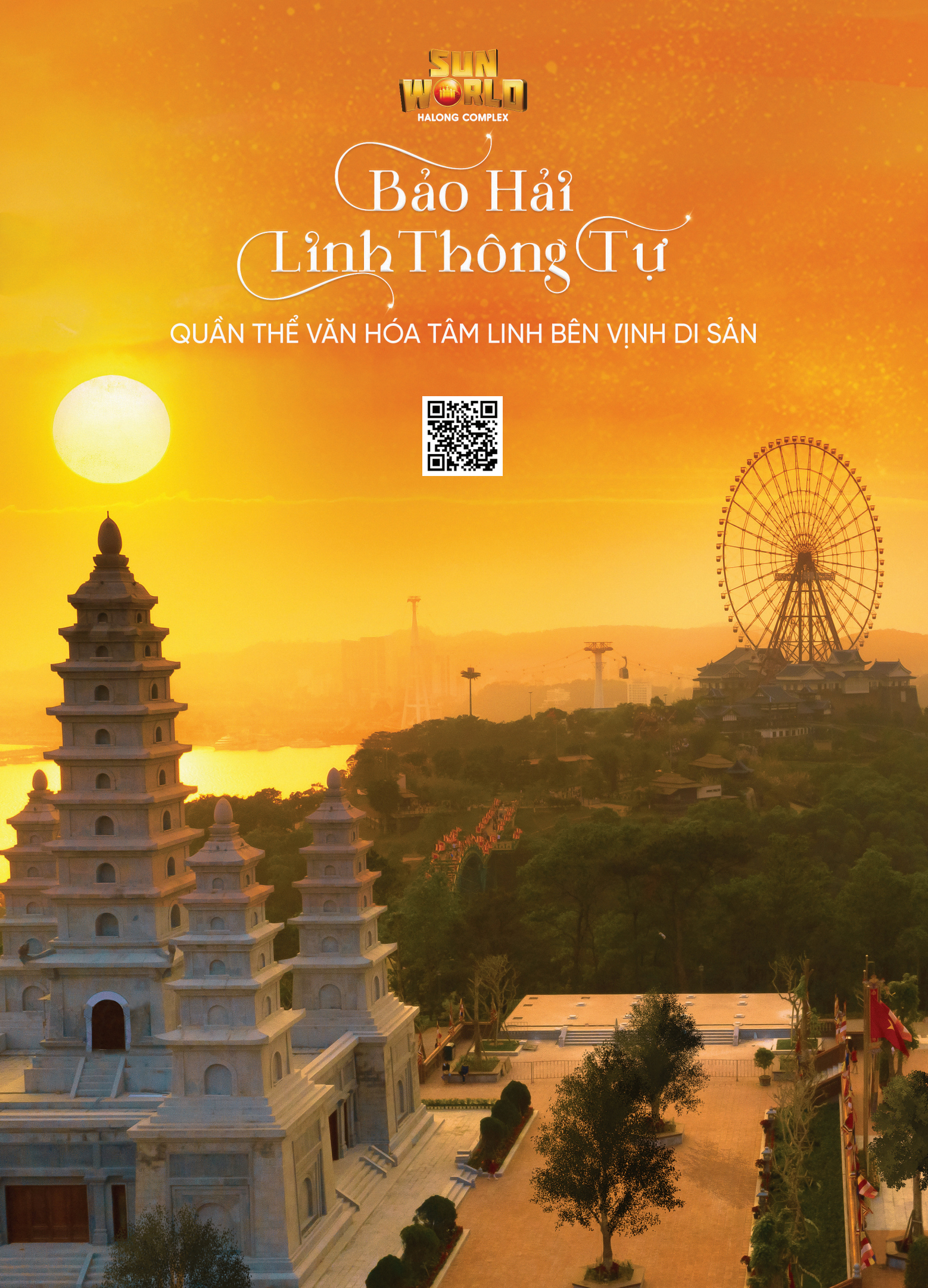
QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN